



BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ
PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH DU LỊCH
TỈNH BÌNH ĐỊNH THỜI KỲ 2021-2030
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050



MUC LUC

MỤC LỤC	II
DANH MỤC BẢNG	III
I. CƠ SỞ PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỦA VIỆT NAM.....	1
1. Cơ sở phát triển	1
1.1. Một số khái niệm và nguyên tắc cơ bản về du lịch bền vững và du lịch sinh thái 1	
1.2. Những kinh nghiệm phát triển DLST ở một số nước ASEAN và những vấn đề rút ra cho Việt Nam và vùng duyên hải miền trung	3
2. Tiềm năng du lịch biển Việt Nam.....	8
3. Về quản lý	10
3.1. Công tác quy hoạch, kế hoạch, đề án phát triển du lịch Việt Nam	10
3.2. Về Xúc tiến, quảng bá du lịch	11
4. Tiềm năng du lịch tỉnh Bình Định.....	11
II. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH BÌNH ĐỊNH.....	15
1. Khách du lịch	15
2. Thực trạng phát triển sản phẩm - thị trường du lịch	17
3. Thực trạng phát triển các lĩnh vực khác của ngành du lịch tỉnh	18
4. Thực trạng phát triển du lịch theo lãnh thổ	20
5. Một số tác động của đại dịch Covid-19 với ngành du lịch	21
6. Đánh giá chung	21
III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH BÌNH ĐỊNH GIAI ĐOẠN 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050	22
1. Bối cảnh phát triển du lịch	22
2. Căn cứ xác định mục tiêu, định hướng phát triển	23
3. Quan điểm và mục tiêu phát triển du lịch	24
3.1. Quan điểm phát triển	24
3.2. Mục tiêu phát triển	25
4. Các định hướng phát triển	25
4.1. Dự báo các chỉ tiêu phát triển ngành.....	25
4.2. Định hướng phát triển sản phẩm - thị trường du lịch.....	35
4.3. Định hướng xúc tiến quảng bá du lịch	40
4.4. Định hướng phát triển nguồn nhân lực du lịch	41
4.5. Định hướng đầu tư phát triển du lịch (bao gồm các dự án ưu tiên đầu tư)43	
4.6. Định hướng phát triển du lịch theo lãnh thổ	47
4.7. Phát triển du lịch trong môi quan hệ liên kết	54

5.	Giải pháp thực hiện	54
5.1.	Giải pháp về nhận thức.....	54
5.2.	Giải pháp về cơ chế chính sách.....	54
5.3.	Giải pháp về quy hoạch.....	55
5.4.	Giải pháp về đầu tư phát triển	55
5.5.	Giải pháp về xúc tiến quảng bá	55
5.6.	Giải pháp về đảm bảo môi trường du lịch.....	56
5.7.	Giải pháp về ứng dụng khoa học và công nghệ	56
5.8.	Giải pháp về liên kết phát triển du lịch	57
5.9.	Giải pháp về tổ chức và quản lý.....	58

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1:	Tổng số lượt khách du lịch giai đoạn 2016 - 2019.	15
Bảng 2:	Tổng thu từ du lịch giai đoạn 2016 – 2019	16
Bảng 3:	Cơ sở lưu trú du lịch giai đoạn 2016 – 2020	17
Bảng 4:	Dự báo khách du lịch đến Bình Định thời kỳ 2021 - 2030,.....	30
Bảng 5:	Dự kiến mức chi tiêu trung bình một ngành của khách du lịch tại Bình Định.....	31
Bảng 6:	Dự báo tổng thu từ du lịch của tỉnh Bình Định.....	32
Bảng 7:	Dự báo chỉ tiêu GRDP và nhu cầu đầu tư cho du lịch Bình Định giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.....	32
Bảng 8:	Dự kiến các nguồn vốn đầu tư cho du lịch Bình Định.....	34
Bảng 9:	Dự báo nhu cầu cơ sở lưu trú du lịch tỉnh Bình Định.....	34
Bảng 10:	Dự báo nhu cầu lao động trong du lịch tỉnh Bình Định.....	35
Bảng 11:	Các dự án ưu tiên đầu tư phát triển du lịch Bình Định giai đoạn đến năm 2030	45

I. CƠ SỞ PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỦA VIỆT NAM

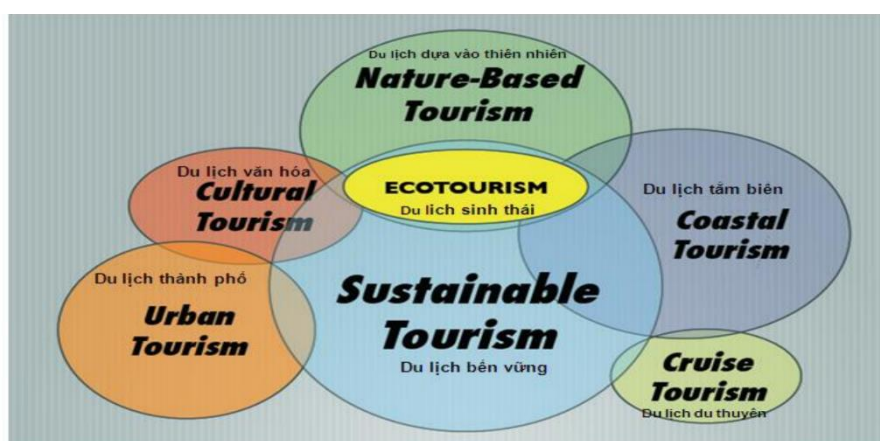
1. Cơ sở phát triển

1.1. Một số khái niệm và nguyên tắc cơ bản về du lịch bền vững và du lịch sinh thái

Khái niệm về du lịch bền vững: Theo Hội đồng Du lịch Lữ hành Thế giới (WTTC) và Tổ chức Du lịch Thế giới (UNWTO): “Du lịch bền vững là loại hình du lịch đáp ứng được nhu cầu hiện tại của du khách và của những điểm đến mà vẫn bảo đảm và cải thiện nguồn lực cho tương lai. Du lịch bền vững dẫn tới một phương thức quản lý tất cả các nguồn lực sao cho thỏa mãn nhu cầu kinh tế, xã hội, thẩm mỹ và vẫn giữ gìn được sự trọn vẹn của văn hóa và môi trường sống.

Khái niệm Du lịch sinh thái: DLST được quan niệm là một loại hình du lịch bền vững gắn với môi trường thiên nhiên. Các khái niệm phổ biến về DLST mà các nhà nghiên cứu về du lịch đã đưa ra và được đa số các diễn đàn quốc tế về DLST thừa nhận như: Ban đầu, có một khái niệm DLST tương đối đầy đủ bao hàm cả du lịch thiên nhiên lẫn du lịch văn hóa, do nhà bảo vệ môi trường người Mêhicô Hector CeballosLascurain đưa ra: “Du lịch sinh thái là du lịch đến những khu vực tự nhiên còn ít bị thay đổi với những mục đích đặc biệt: nghiên cứu, tham quan với ý thức trân trọng thế giới hoang dã và những giá trị văn hóa được khám phá”.

Luật Du lịch Việt Nam 2005, định nghĩa về DLST: “là hình thức du lịch dựa vào thiên nhiên, gắn với bản sắc văn hóa địa phương với sự tham gia của cộng đồng nhằm phát triển bền vững”. Tổng cục Du lịch Việt Nam đưa ra một định nghĩa tương tự về DLST: “DLST là loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên và văn hóa bản địa, gắn với giáo dục môi trường có đóng góp cho nỗ lực bảo tồn và phát triển bền vững với sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương.



Sơ đồ: DLST là một khái niệm của phát triển bền vững (UNWTO, 2009)

Những nguyên tắc của DLST bền vững: Các cơ sở nền tảng ban đầu làm kim chỉ nam cho hoạt động DLST bao gồm: Nghiên cứu và bảo tồn các giá trị thiên nhiên, giá trị văn hóa. Tăng cường nội dung giáo dục môi trường. Tổ chức đồng bộ và chuyên nghiệp về nghiệp vụ du lịch và lữ hành nhằm giảm thiểu tối đa các tác động tiêu cực đến môi trường. Hướng mọi khả năng đến việc góp phần bảo vệ môi trường.

Từ đó DLST khi hướng đến mục tiêu bền vững đã xây dựng các nguyên tắc cơ bản sau đây:

a. Sử dụng và bảo vệ tài nguyên một cách bền vững: bao gồm tài nguyên tự nhiên, tài nguyên nhân văn. Cân đối hài hòa trong việc sử dụng một cách bền vững nguồn tài nguyên là nền tảng cơ bản nhất của việc phát triển DLST.

b. Bảo tồn tính đa dạng về tự nhiên, văn hóa,... (chủng loài các hệ động thực vật, bản sắc văn hóa dân tộc,...) vì DLST lấy bảo tồn là tiêu chí hàng đầu trong hoạt động, khai thác du lịch chỉ là hoạt động thứ yếu.

c. Thúc đẩy chương trình giáo dục và huấn luyện để cải thiện, quản lý di sản và các loại tài nguyên thiên nhiên một cách hiệu quả. Tác động giảm thiểu mức tiêu thụ tài nguyên hiện có, giảm thiểu lượng chất thải một cách triệt để nhằm nâng cao chất lượng môi trường.

d. Trong quá trình khai thác hoạt động DLST, cần phối hợp mục tiêu hỗ trợ phát triển kinh tế địa phương, vì trách nhiệm của DLST là đóng góp vào phúc lợi của cộng đồng địa phương như là một sự đầu tư gián tiếp cho bảo tồn, góp phần tạo tính tương tác bền vững cho hoạt động DLST từ địa bàn sở tại. Phối hợp lồng ghép hài hòa giữa chiến lược phát triển du lịch của địa phương, vùng và của quốc gia.

f. Tạo điều kiện thu hút sự tham gia của cộng đồng địa phương. Với sự tham gia tích cực của cộng đồng sở tại không chỉ đem lại lợi ích cho riêng cộng đồng, cho môi trường sinh thái mà còn góp phần tăng cường khả năng đáp ứng tính đa dạng sản phẩm của DLST.

g. Triển khai các hoạt động tư vấn các nhóm lợi ích và công chúng. Tư vấn giữa công nghiệp du lịch và cộng đồng địa phương, các tổ chức và cơ quan nhằm đảm bảo cho sự hợp tác lâu dài cũng như giải quyết các xung đột có thể nảy sinh.

h. Marketing du lịch một cách trung thực và có trách nhiệm. Phải cung cấp cho du khách những thông tin đầy đủ và có trách nhiệm nhằm nâng cao sự tôn trọng của du khách đến môi trường tự nhiên, xã hội và văn hóa khu du lịch, qua đó góp phần thỏa mãn nhu cầu của du khách.

i. Tổ chức đào tạo các thành viên quản lý, chuyên nghiệp hóa các nhân viên phục vụ trong hoạt động kinh doanh du lịch nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch.

Các điều kiện cơ bản để phát triển du lịch sinh thái: Xuất phát từ nguyên tắc và mục tiêu của DLST, có thể tổng quát hóa các điều kiện để phát triển DLST theo năm nội dung cơ bản sau đây:

- *Điều kiện thứ nhất:* để có thể tổ chức tốt được loại hình DLST tại một điểm đến điều kiện trước tiên là ở đó phải tồn tại của các hệ sinh thái tự nhiên điển hình với tính đa dạng sinh học cao, có sức hấp dẫn du khách. Sinh thái tự nhiên được hiểu là sự cộng sinh của các điều kiện địa lý, khí hậu khu vực và các động thực vật bao gồm: Sinh thái tự nhiên (Natural Ecology); Sinh thái động vật (Animal Ecology); Sinh thái thực vật (Plant Ecology); Sinh thái nông nghiệp điển hình (Agricultural Ecology); Sinh thái khí hậu (Ecoclimate); Sinh thái nhân văn (Human Ecology).

- *Điều kiện thứ hai:* nói lên tính chất quản lý tổ chức của con người nghĩa là: + Đòi hỏi tính chuyên nghiệp của nhân viên tác nghiệp trong hoạt động DLST. Vì để đảm bảo tính giáo dục, nâng cao sự hiểu biết cho khách du lịch sinh thái, người hướng dẫn viên du lịch ngoài khả năng về ngôn ngữ truyền đạt, còn là người có am hiểu các đặc điểm sinh thái tự nhiên và văn hóa cộng đồng sở tại. Yếu tố này rất quan trọng và có

ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả của hoạt động DLST. Trong nhiều trường hợp, cần thiết phải có sự cộng tác của người địa phương để có những hiểu biết tốt nhất truyền đạt đến cho du khách. Đòi hỏi người quản lý điều hành phải có nguyên tắc cụ thể. Trước đây các nhà điều hành du lịch truyền thống thường chỉ quan tâm đến lợi nhuận và không có bất kỳ cam kết nào cho việc bảo tồn hoặc quản lý các khu thiên nhiên, họ chỉ đơn giản là tạo cho du khách cơ hội để nhận biết những giá trị tự nhiên và văn hóa mặc cho sau này những giá trị này suy giảm hay vĩnh viễn biến mất. Ngược lại các nhà điều hành và quản lý DLST luôn có sự cộng tác chặt chẽ giữa với các nhà quản lý của những khu bảo tồn thiên nhiên và cả cộng đồng địa phương để thiết lập những nguyên tắc quản lý với mục đích đóng góp vào việc bảo vệ một cách lâu dài các giá trị tự nhiên và văn hóa bản địa, cải thiện cuộc sống và nâng cao sự hiểu biết chung giữa người dân địa phương và khách du lịch.

- *Điều kiện thứ ba:* mục đích hạn chế đến mức tối đa các tác động có thể có do hoạt động DLST gây ra cho tự nhiên và môi trường, do đó DLST phải tính đến điều kiện “sức chứa” hoặc “sức tải”. Khái niệm sức chứa được hiểu ở 4 khía cạnh: vật lý, sinh học, tâm lý học và xã hội học. Sức chứa về khía cạnh vật lý được hiểu là lượng khách tối đa mà điểm đến DLST có thể tiếp nhận, điều này liên quan đến những tiêu chuẩn tối thiểu về không gian đối với mỗi du khách cũng như đối với nhu cầu sinh hoạt của họ.

- *Điều kiện thứ tư:* thỏa mãn nhu cầu nâng cao hiểu biết của khách DLST. Việc thỏa mãn những mong muốn của khách DLST với những kinh nghiệm, hiểu biết mới về tự nhiên, văn hóa bản địa là một công việc rất phức tạp nhưng nó lại là yêu cầu thực sự cần thiết đối với sự tồn tại lâu dài của DLST. Vì vậy những dịch vụ để làm hài lòng du khách phải là ưu tiên hàng đầu chỉ đứng sau công tác bảo tồn những giá trị sinh thái tự nhiên và giá trị xã hội.

- *Điều kiện thứ năm:* vì khách DLST luôn có nhu cầu và tư duy cao trong việc thưởng ngoạn, đã biến loại hình du lịch này thành loại du lịch trí thức, tư duy tiên tiến. Do đó phải xây dựng mẫu khách du lịch sinh thái điển hình, họ là những du khách quan tâm thực sự đến giá trị tự nhiên và nhân văn ở khu vực thiên nhiên hoang dã.

1.2. Những kinh nghiệm phát triển DLST ở một số nước ASEAN và những vấn đề rút ra cho Việt Nam và vùng duyên hải miền trung

Trong năm năm trở lại đây, một số nước trong khu vực Đông Nam Á, với xuất phát điểm và điều kiện kinh tế - xã hội khá tương đồng với Việt Nam, nhưng với những chính sách đầu tư, cơ chế quản lý thông thoáng cũng như các biện pháp phát triển DLST thích hợp đã góp phần đưa hoạt động DLST nói riêng và ngành du lịch nói chung phát triển đạt nhiều kết quả vượt trội. Đúc kết lại những kinh nghiệm cả trên góc độ vĩ mô cũng như vi mô về xây dựng và quản lý thực hiện chiến lược phát triển DLST của các nước lân cận thuộc khối Asean trên một số vùng, miền cụ thể,... sẽ có giá trị tham khảo hết sức bổ ích cho nhiều vùng, tỉnh và nhiều điểm đến DLST của Việt Nam nhất là vùng DHCNTB hiện nay.

Kinh nghiệm của Thái Lan về phát triển DLST văn hóa tại các tỉnh vùng Đông Bắc: Chiang Rai và Chiang Mai

+ Nét tương đồng : vùng DHCNTB có ¾ diện tích là trung du và miền núi, ở đây có hàng trăm làng nghề truyền thống cùng với nền văn hóa giàu bản sắc của nhiều dân tộc, đang trải qua những giai đoạn phát triển khó khăn như vùng Đông Bắc Thái Lan của những thập niên trước đây.

+ Chính quyền cấp tỉnh ngay từ đầu đã quan tâm hỗ trợ cho các làng nghề ở các khâu: hỗ trợ các nguồn vốn vay ưu đãi của Chính phủ, tổ chức huấn luyện và chuyển giao công nghệ cho nông dân, phối hợp với các Bộ ngành trung ương hỗ trợ khâu tiếp thị, xúc tiến bán hàng,...

+Tổ chức phát triển các trung tâm nghiên cứu và đào tạo nghề nhân trên địa bàn mỗi tỉnh (kinh phí do tỉnh hỗ trợ).

+Khuyến khích khôi phục và bảo tồn các giá trị bản sắc văn hóa địa phương, lưu giữ và chuyển hóa các kết tinh vào từng sản phẩm và việc phát huy tính sáng tạo của người thợ thủ công, các nghệ nhân để làm ra các sản phẩm này.

+Sau khi chương trình OTOP được áp dụng, trong vòng 2 năm chương trình đã đem lại 3,66 tỷ Bath (khoảng 84,2 triệu USD) lợi nhuận cho nông dân và thúc đẩy phát triển hoạt động du lịch nói chung và DLST văn hóa nói riêng ở các vùng sâu của Thái Lan (TAT, Report 2005).

+Chính phủ Thái Lan từ cấp TW đến cấp tỉnh, có chính sách khuyến khích các làng nghề sản xuất sản phẩm phục vụ du lịch chất lượng cao theo bộ tiêu chuẩn được chính phủ công nhận trong đó phân chia chất lượng sản phẩm ra làm 5 cấp, từ cấp 1 sao đến 5 sao. Chính quyền đặc biệt hỗ trợ cho các sản phẩm đạt từ cấp 3 sao trở lên, cấp 5 sao được ưu tiên nhất, nhờ vậy các làng nghề luôn phấn đấu nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm nhận được sự hỗ trợ lớn từ chính phủ (Làng Baan Tawai, thuộc huyện Hang Dong, tỉnh Chiang Mai là làng OTOP năm 2004 đạt giải thưởng sản phẩm cao cấp đầu tiên do Bộ Du lịch và Thể Thao Thái Lan xét tặng).

+Tổ chức khôi phục phát triển các làng nghề truyền thống còn tạo ra giá trị ở nhiều lĩnh vực: bảo tồn và nâng cao kỹ năng nghề cho nghệ nhân và người tham gia, giữ gìn bản sắc giá trị tri thức văn hóa truyền thống, tạo công ăn việc làm cho bộ phận người dân ở nông thôn, phát triển du lịch thông qua việc cung ứng các sản phẩm du lịch từ làng nghề ngay tại các điểm tham quan của du khách. Thái Lan là nước trong khối Asean có những điều kiện kinh tế xã hội khá tương đồng với Việt Nam đặc biệt là vùng Đông Bắc gồm hai tỉnh Chiang Rai, Chiang Mai nơi có tài nguyên phong phú đa dạng, về trình độ quản lý, các tập quán văn hóa truyền thống, các làng nghề hiện có và các điều kiện dân sinh kinh tế khác rất tương tự với vùng DHCNTB... Đặc biệt Thái Lan là quốc gia được quốc tế đánh giá cao vì có những bước đi hợp lý và hiệu quả trong việc khai thác phát triển các hoạt động du lịch và DLST ở những vùng chậm phát triển. Do đó những nội dung trên là những bài học kinh nghiệm quý báu phát triển DLST gắn với phát triển cộng đồng để chúng ta đúc kết và vận dụng.

Kinh nghiệm của Indonesia: xây dựng thành công vùng du lịch biển đảo Bali:

+ Nét tương đồng: Vùng biển đảo Bali trước đây là vùng kém phát triển, hoang sơ, tài nguyên DLST chủ yếu là biển-đảo và văn hóa truyền thống, nhưng nhờ các chính sách vĩ mô và vi mô đúng đắn, đặc biệt là sự năng động của chính quyền địa phương cấp tỉnh, vùng, cùng sự phối hợp của các doanh nghiệp du lịch-dịch vụ, các tổ chức phi

32 chính phủ gắn với phát triển cộng đồng sở tại đã làm thay đổi một vùng biển đảo hoang sơ thành khu du lịch sinh thái nổi tiếng trên giới.

+ Dự án phát triển du lịch bền vững của Bali nhằm quản lý du lịch và quy hoạch phát triển toàn diện cho một vùng địa lý kinh tế cụ thể. Quy hoạch nhằm tạo ra sự phát triển cân bằng, đã tập trung định hướng thành 16 vùng hiện có, đồng thời bổ sung các vùng mới, vùng biển đảo, đất liền. Ở 16 vùng được chia làm ba loại chính: vùng biển phía Nam Bali, các vùng biển khác, vùng đất liền. Ba loại vùng được phân biệt về cơ bản theo các đặc trưng: tài nguyên thiên nhiên, cường độ phát triển, các loại hoạt động, đặc điểm nguồn khách. Mỗi vùng đều có chính sách phát triển khác nhau dựa trên đặc trưng cơ bản.

+ Kinh nghiệm quản lý trên tầm vi mô: đối với sự thành công của dự án phát triển vùng Bali: Dưới sự hỗ trợ của chính quyền trong vùng về các mặt như đất đai, cơ sở hạ tầng, chính sách xúc tiến quảng bá hướng dẫn lập quy hoạch... Các doanh nghiệp du lịch ở Indonesia đã phối hợp chặt chẽ với các ngành kinh doanh khác và các địa phương để khai thác các yếu tố văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc, phối hợp hài hòa giữa các loại hình DLST nhờ vậy nhiều vùng miền ở Indonesia luôn có những sản phẩm du lịch đặc thù và đa dạng.

Kinh nghiệm của Malaysia: phát triển loại hình DLST văn hóa gắn kết với du lịch cộng đồng – Homestay:

+ Nét tương đồng: Vùng DHCNTB hiện có trên 1040 làng bản, trong đó có khoảng 400 làng nông nghiệp, ngư nghiệp ven biển và hơn 250 làng bản vùng trung du, miền núi tiếp giáp với Lâm Đồng có nhiều điều kiện có thể triển khai loại hình du lịch homestay để thu hút khách DLST, hiện tại loại hình này đang dần có thị trường khách (như vùng ven Phan Thiết, Phan Rang) nhưng bị bỏ ngỏ vì các địa phương và các công ty du lịch chưa có kinh nghiệm triển khai.

+ Trong vòng 10 năm, về khối lượng, Malaysia đã gia tăng gấp ba lượng khách quốc tế, từ 7,93 triệu lượt người năm 1999 lên 24,6 triệu lượt khách năm 2010, doanh thu du lịch gần 3,8 lần từ 3,969 tỷ USD tăng lên 15,27 tỷ, năm 2010, tỷ trọng du lịch trong GDP là 5,6% xếp hàng thứ hai trong các ngành có ngoại tệ lớn nhất nước. Theo thống kê của UNWTO trong vùng Châu Á-Thái Bình dương, lượng khách quốc tế đến Malaysia chiếm hàng thứ hai chỉ sau cường quốc du lịch là Trung Quốc.

Malaysia là một quốc gia rất coi trọng đến phát triển du lịch nói chung và DLST sinh thái nói riêng. Hiện nay, trong các tour du khách chọn điểm đến Malaysia, có khoảng 36 từ 20 -25% là các tour hoặc điểm là dạng DLST. Trong các loại hình DLST được ưa chuộng tại Malaysia phải kể đến du lịch sinh thái văn hóa dựa vào cộng đồng – Homestay, đây là loại hình DLST văn hóa nông thôn dựa vào cộng đồng. Với loại hình này, du khách sẽ được ở và sinh hoạt chung nhà với người dân bản địa như là thành viên trong gia đình để khám phá phong cách sống của người dân nơi đây, trải nghiệm cuộc sống hằng ngày để biết được văn hóa của người dân nơi đó. Homestay có tầm quan trọng đặc biệt đối với Malaysia, được xem là chất xúc tác cho phát triển nông thôn ở Malaysia. Bắt đầu được triển khai từ những năm 1980, đến nay loại hình du lịch homestay đã phát triển rộng rãi ở 13 bang trên toàn quốc với gần 3300 hộ dân từ 230 ngôi làng khắp cả nước. Hàng năm đón hơn 160.000 lượt du khách trong đó có 30.000 khách quốc tế đến

chủ yếu từ Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Úc mang lại nguồn thu trên 16 triệu USD cho các hộ tham gia.

Bài học kinh nghiệm trong việc tổ chức loại hình DLST homestay là bài học quý giá và thiết thực cho vùng DHCNTB vốn có nhiều yếu tố có thể tổ chức loại hình này thành công như: có nền văn hóa đa dạng và độc đáo, có loại hình DLST, có nhiều di tích lịch sử có giá trị, có phong cảnh đẹp, con người bản xứ thân thiện – hiếu khách... ể thực hiện thành công các chương trình phát triển DLST Homestay, Bộ Du lịch Malaysia (MOTOUR- Ministry of Tourism) đã chủ động yêu cầu có sự nỗ lực gắn kết chung giữa các cấp độ khác nhau của chính quyền các cấp, của khu vực tư nhân, và các cộng đồng địa phương. Một Hiệp hội Homestay Malaysia chuyên trách được thành lập, trong đó bao gồm đại diện thành viên Chính phủ liên bang, chính quyền địa phương, đại diện khu vực tư nhân và tổ chức phi Chính phủ, Ủy ban này được MOTOUR mời tham vấn chính về kế hoạch chương trình Homestay quốc gia.

Kinh nghiệm của Philippines về phát triển DLST biển đảo gắn với bảo tồn:

+ Nét tương đồng: Quản lý khai thác nhiều vùng biển hoang sơ và giàu tài nguyên biển và cư dân duyên hải, chính quyền các tỉnh, các bang với sự kết hợp tổ chức khai thác của các doanh nghiệp của Philippines, họ đã vận dụng linh hoạt chính sách vừa khai thác để phát triển DLST trên tinh thần khuyến khích tiết kiệm các nguồn năng lượng thiên nhiên, vừa nghiêm ngặt trong công tác bảo tồn nhất là ở các khu bảo tồn 39 biển và các vườn quốc gia, các điều kiện về địa lý lãnh thổ và kinh tế xã hội ở đây giống với vùng DHCNTB.

Chính phủ còn chủ trương đẩy mạnh “ phát triển du lịch bền vững trên quan điểm bảo vệ môi trường”. Ngoài ra Chính phủ Philippines còn quan tâm đầu tư xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên quanh những vùng núi cao, thêm vào đó là những nơi tập trung các loại thú hoang dã quý hiếm; các hải đảo đều được quy hoạch rõ ràng và được bao phủ bởi những thảm xanh của các vườn cây ăn trái. Hướng đến du lịch sinh thái bền vững, ngành du lịch Philippine đã đưa ra khẩu hiệu: “ Không lấy đi ngoài những bức ảnh, không để lại gì ngoài những dấu chân, không mang về ngoài những kỷ niệm và không tốn gì ngoài thời gian”.

Ngoài ra, Chính phủ ban hành chính sách kêu gọi tư nhân hợp tác với chính phủ nhằm đảm trách các vấn đề về vệ sinh và quản lý môi trường. Song song với hoạt động này, việc giáo dục ý thức bảo vệ môi trường được tiến hành rộng rãi. Các khoá đào tạo dài hạn, ngắn hạn được tổ chức thường xuyên, tài liệu được in ấn gồm nhiều hình ảnh đẹp, minh hoạ rõ và có tính giáo dục cao, được phát miễn phí có tác dụng khơi dậy ý thức bảo vệ môi trường trong lòng mỗi người dân. Đây có thể nói là những nhân tố góp phần thúc đẩy du lịch của Philippines tăng trưởng bền vững trong các năm qua.

Những bài học kinh nghiệm quốc tế về tổ chức và quản lý phát triển DLST có thể vận dụng cho Việt Nam nói chung và vùng DHCNTB nói riêng:

Từ những kinh nghiệm về tổ chức, quản lý, đầu tư và đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển DLST ở các nước có trình độ phát triển cao về DLST như Thái Lan, Indonesia, Malaysia, Philippines... Nếu chỉ xem xét đến yếu tố tài nguyên DLST thì vùng DHCNTB có thể nói là không thua kém, thậm chí nhiều loại có thể vượt trội. Tuy nhiên thực trạng phát triển DLST ở nước ta nói chung và vùng DHCNTB nói riêng cho

thấy còn có khoảng cách khá xa so với các nước nói trên, như vậy mấu chốt tồn tại sự khác biệt này là gì? Kinh nghiệm, để phát triển có hiệu quả DLST, các nước đó đã tập trung giải quyết các vấn đề chủ yếu như sau:

Chính phủ các nước như Thái Lan, Malaysia, Indonesia... đều rất chú trọng đến phát triển DLST, coi phát triển du lịch đại chúng nói chung và DLST nói riêng là một quốc sách nên đã tập trung nhiều nguồn lực để ưu tiên đầu tư cho DLST cả về cơ chế, chính sách lẫn hạ tầng kỹ thuật, cơ sở vật chất.

Về công tác quản lý, các nước nói trên đều vận dụng một cách có hiệu quả mô hình quản lý: nhà nước, doanh nghiệp, và cộng đồng cùng tham gia và cùng chia sẻ lợi ích (Win - Win Model). Trong đó cộng đồng sở tại được xem là thành tố cơ bản tham gia với nhiều vai trò, từ việc xây dựng thể chế phù hợp với địa phương, giám sát thực hiện đến phân phối lợi nhuận theo một mục tiêu cơ bản là bảo tồn những giá trị cảnh quan, nhân văn và môi trường cho sự phát triển bền vững gắn liền với lợi ích kinh tế xã hội của các bên tham gia.

Chính quyền ở các vùng, miền thuộc các nước như Philippines, Malaysia, và Indonesia đưa môi quan tâm hàng đầu về việc duy trì và bảo vệ môi trường, cân bằng cảnh quan sinh thái, duy trì và phát huy văn hóa bản địa, xem đây là những thách thức to lớn cần có những chiến lược phù hợp để giải quyết. Bên cạnh đó việc duy trì và phát triển đa dạng sinh học trên tầm quốc gia cũng được đẩy mạnh, cùng với việc đầu tư mở rộng các hệ thống khu bảo tồn quốc gia như là một giải pháp bảo tồn và phát triển nguồn tài nguyên DLST đã tạo tiền đề cho hoạt động DLST phát triển đồng bộ và rộng khắp.

Các nước như Philippines, Thái Lan, Indonesia và Malaysia sẵn sàng hợp tác rộng rãi với các tổ chức quốc tế về du lịch và sinh thái- môi trường như UNWTO, WTTC, TIES, UNDP, PATA, WWF, IUCN thông qua các dự án hợp tác tài trợ quốc tế để chuyển giao những kinh nghiệm về hoạch định chính sách, tổ chức đào tạo cũng như áp dụng các mô hình tổ chức thành công về quản lý khai thác DLST ở các địa phương.

Các Bộ ngành hữu quan ở các nước như Thái Lan, Malaysia và Philippine đều có sự phối hợp chặt chẽ với ngành du lịch ở các địa phương để tổ chức và quản lý toàn diện về du lịch, tạo ra những chiến lược và sản phẩm du lịch tốt có chất lượng cao; các hoạt động điều hành mang tính đồng bộ, giúp khai thác có hiệu quả tài nguyên du lịch, đem lại nguồn thu lớn cho đất nước

Ngành du lịch tại các nước như Thái Lan, Malaysia, Indonesia và Philippines đều có kế hoạch định hướng ưu tiên cho phát triển DLST một cách tập trung, biết chọn lọc có trọng điểm các loại hình DLST phù hợp cho các vùng miền theo từng nội dung tương ứng với mỗi giai đoạn phát triển của đất nước. Mặt khác các nước nói trên còn chú trọng việc đẩy mạnh việc quảng bá du lịch, mạnh dạn đầu tư cho công tác xúc tiến du lịch tại các thị trường trọng điểm ở nước ngoài

Ngành du lịch của các nước Thái Lan, Indonesia và Malaysia đều chú trọng xem xét vấn đề quy hoạch phát triển các khu DLST được đặt trong quy hoạch tổng thể và định hướng phát triển DLST quốc gia một cách nhất quán với tầm nhìn dài hạn cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, hạn chế sự chồng chéo và thiếu nhất quán ở các cấp quản lý giúp cho môi trường hoạt động minh bạch, thu hút đầu tư từ mọi thành phần kinh tế trong xã hội.

2. Tiềm năng du lịch biển Việt Nam

Thông tin từ Viện Nghiên cứu phát triển du lịch (Tổng cục Du lịch) cho biết: Việt Nam có hơn 3200 km bờ biển, hơn 1 triệu km² diện tích mặt nước biển, hơn 2770 đảo ven bờ cùng hàng loạt các bãi tắm đẹp từ Bắc vào Nam với những đặc trưng khác nhau. Đó là lợi thế thiên nhiên ban tặng cho Việt Nam để phát triển du lịch. Có khoảng 125 bãi biển, vịnh biển ở nước ta thuận lợi để phát triển du lịch và hơn 30 trong số này đã được các địa phương khai thác tốt để để phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo.

Có thể kể đến một số khu vực đã được khai thác du lịch biển như: Hạ Long- Hải Phòng- Cát Bà; Huế- Đà Nẵng- Quảng Nam, Vân Phong - Đại Lãnh - Nha Trang, Phan Thiết - Mũi Né, Kiên Giang - Phú Quốc, Côn Đảo- Vũng Tàu... Trong số các bãi biển, vịnh biển của Việt Nam, có một số điểm đến đã nổi tiếng thu hút nhiều du khách quốc tế tới du lịch hàng năm. Đó là vịnh Hạ Long – Di sản thiên nhiên thế giới thuộc tỉnh Quảng Ninh; vịnh Nha Trang - một trong những vịnh đẹp nhất thế giới; bãi biển Đà Nẵng được bầu chọn là một trong 6 bãi tắm quyến rũ nhất hành tinh. Vùng biển hàng năm cũng thu hút khoảng 70% số lượng khách quốc tế tới nước ta và 50% khách nội địa, mang lại 70% doanh thu cho ngành du lịch cả nước.

Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch Nguyễn Văn Tuấn cho biết: Có thể nói rằng, trong Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam thì du lịch biển chính là thế mạnh cần ưu tiên. Trong đó, mỗi địa phương, vùng miền có biển trên dải đất hình chữ S này lại có thể phát triển sản phẩm du lịch biển một cách khác biệt. Ví dụ như tới Hạ Long, Cát Bà, ngoài cảnh biển còn là tham quan thắng cảnh độc nhất vô nhị trên thế giới về cảnh quan đá vôi phát triển trên biển. Dải đất miền Trung từ Sầm Sơn (Thanh Hóa), Cửa Lò (Nghệ An) cho đến Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Đà Nẵng, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận, Vũng Tàu thì lại có thế mạnh khác. Ở đây, có tới 2 phân khúc, thứ nhất là từ Sầm Sơn (Thanh Hóa) tới Thừa thiên Huế, thứ hai là từ Quảng Nam – Đà Nẵng cho tới Vũng Tàu. Mỗi phân khúc có đặc trưng riêng và cần sự ưu tiên khác nhau để phát triển sản phẩm dựa trên tiềm năng, tài nguyên thế mạnh, khác biệt về khí hậu, địa hình, địa mạo; điều này sẽ mang lại cho du khách những cảm nhận riêng biệt rõ rệt với mỗi vùng biển.

Không gian du lịch biển Nam Trung Bộ:

Không gian lãnh thổ: Gồm 5 tỉnh là: Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Ninh Thuận và Bình Thuận với diện tích tự nhiên là 27.484 Km². Ở dải ven biển, ngoài người Kinh, công đồng dân tộc Chăm được xem là khá điển hình. Trong không gian du lịch này có 02 huyện đảo là Trường Sa (Khánh Hoà) và Phú Quý (Bình Thuận). Căn cứ tổ chức lãnh du lịch Việt Nam, ở không gian du lịch biển Nam Trung Bộ có thành phố Nha Trang (Khánh Hoà) đã phát triển thành thành phố loại 1 và sân bay Cam Ranh đã được quyết định nâng cấp, mở rộng thành sân bay quốc tế.

Tài nguyên du lịch đặc trưng ở không gian du lịch này là các bãi biển đẹp như Phương Mai (Bình Định), Tuy Hoà (Phú Yên), Hòn Gốm, Dốc Lết, Nha Trang, Bãi Dài (Khánh Hoà), Cà Ná, Bình Tiên, Ninh Chữ (Ninh Thuận), Phan Thiết - Mũi Né (Bình Thuận). Đây là những bãi biển có khả năng phát triển thành các khu du lịch nghỉ dưỡng biển đạt tiêu chuẩn quốc tế với sức cạnh tranh cao. Khu vực Phan Thiết Mũi Né, ngoài các bãi biển đẹp còn là nơi phân bố động cát cổ lớn nhất ở Việt Nam. Đây là yếu tố quan

trọng quyết định lựa chọn phát triển loại hình/sản phẩm du lịch đặc trưng ở không gian du lịch biển này.

Các tuyến du lịch quan trọng ở không gian du lịch này:

- Nha Trang - Tuy Hoà - Quy Nhơn (đường bộ và đường sắt)
- Nha Trang - Văn Phong - Vũng Rô (đường biển, đường bộ)
- Nha Trang - Phan Rang - Phan Thiết (đường bộ, đường sắt)
- Nha Trang - Vĩnh Hy (đường biển, đường bộ)
- Nha Trang - Phan Thiết - Phú Quý (đường bộ kết hợp đường biển)
- Nha Trang - Trường Sa (đường biển)
- Nha Trang - Tuy Hoà - Quy Nhơn - Tây Nguyên - Bờ Y - GMS (đường bộ, đường không)
- Nha Trang - Đà Lạt - Tây Nguyên - Bờ Y - GMS (đường bộ, đường không)
- Nha Trang - Hà Nội - khu vực phía Bắc (đường bộ, đường sắt, đường không)
- Nha Trang - Đà Nẵng - khu vực Bắc Trung Bộ (đường bộ, đường sắt, đường không, đường biển)
- Nha Trang - TP. Hồ Chí Minh - khu vực phía Nam (đường bộ, đường sắt, đường không)

• Nha Trang - khu vực và quốc tế (đường không, đường biển)

Các khu du lịch quốc gia ở không gian du lịch này được xác định là :

- Khu du lịch quốc gia Phương Mai;
- Khu du lịch quốc gia Vịnh Xuân Đài;
- Khu du lịch quốc gia Bắc Cam Ranh;
- Khu du lịch quốc gia Ninh Chữ;
- Khu du lịch quốc gia Mũi Né.

Các điểm du lịch quan trọng ở không gian du lịch này được xác định là :

- Các bãi biển: Quy Hoà, Phương Mai (Bình Định); Xuân Đài, Tuy Hoà (Phú Yên), Hòn Gốm, Dốc Lết, Nha Trang, Bãi Dài (Khánh Hoà); Bình Tiên, Vĩnh Hy, Ninh Chữ, Cà Ná (Ninh Thuận); Mũi Né, Hàm Thuận (Bình Thuận)

- Các điểm du lịch tham quan cảnh quan vũng vịnh : đầm Thị Nại (Bình Định), vịnh Xuân Đài, vũng Rô (Phú Yên), vịnh Văn Phong, vịnh Nha Trang, vịnh Cam Ranh (Khánh Hoà), vịnh Vĩnh Hy (Ninh Thuận), vịnh Mũi Kê Gà (Bình Thuận).

- Các điểm du lịch tham quan di tích lịch sử - văn hóa : thành Hoàng Đế, hệ thống tháp Chăm (Dương Long, Bánh Ít, Cánh Tiên) (Bình Định); tháp Nhạn (Phú Yên), Tháp Bà, chùa Long Sơn (Khánh Hoà); tháp Pôklông Garai (Ninh Thuận); chùa Linh Sơn (Bình Thuận)

- Các điểm du lịch lễ hội truyền thống : Tây Sơn (Bình Định), Cầu Ngư (Phú Yên), Cá Ông (Khánh Hoà), Ka Tê (Ninh Thuận); Nghinh Ông (Bình Thuận), v.v.

- Các điểm du lịch sinh thái tại các VQG, khu BTTN: Kông Trai (Phú Yên); Núi Chúa, Phước Bình (Ninh Thuận); Núi Ông (Bình Thuận)

- Các điểm tham quan danh thắng : Gành Ráng, Hàm Hô (Bình Định), gành Đá Đĩa, núi Đá Bia (Phú Yên), Hòn Chồng , suối Ba Hò, suối Tiên (Khánh Hòa), núi Đá Trắng (Ninh Thuận); mũi Kê Gà, động Cát Mũi Né (Bình Thuận)

- Các điểm du lịch đảo: Phú Quý, Trường Sa

Các đô thị du lịch: Quy Nhơn, Nha Trang, Phan Thiết.

Loại hình du lịch đặc trưng ở không gian du lịch biển Nam Trung Bộ được xác định là du lịch nghỉ dưỡng, thể thao biển .

Các loại hình du lịch chủ yếu phát triển theo thứ tự ưu tiên ở không gian du lịch này:

- Du lịch tham quan cảnh quan (đặc biệt cảnh quan vũng vịnh)
- Du lịch sinh thái
- Du lịch tàu biển
- Du lịch văn hóa (các di tích lịch sử văn hóa, lễ hội, đặc biệt dân tộc Chăm)
- Du lịch MICE

3. Về quản lý

3.1. Công tác quy hoạch, kế hoạch, đề án phát triển du lịch Việt Nam

Trong giai đoạn vừa qua, nhiệm vụ xây dựng Chiến lược và quy hoạch đã được Tổng cục Du lịch chú trọng chỉ đạo thực hiện có kết quả. Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam giai đoạn 2001-2010 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 97/2002/QĐ-TTg, ngày 22/7/2002; Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được xây dựng và đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2473/QĐ-TTg ngày 30/12/2011. Đây là căn cứ quan trọng cho hoạt động quản lý nhà nước về du lịch biển Việt Nam. Hiện nay, nhiều địa phương ven biển đã và đang thực hiện xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển du lịch đến năm 2030. Bên cạnh các dự án quy hoạch do ngành thực hiện, Tổng cục Du lịch đã chủ động phối hợp với Tổ chức Du lịch Thế giới (WTO), Cơ quan Hợp tác Phát triển Quốc tế Nhật Bản (JICA), và chuyên gia Cu Ba thực hiện, thẩm định một số quy hoạch du lịch quan trọng như: Điều chỉnh quy hoạch phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam; Quy hoạch phát triển du lịch vùng ven biển miền Trung Việt Nam (từ Thanh Hoá đến Bình Thuận); Quy hoạch phát triển du lịch Cửa Lò (Nghệ An), Phát triển bền vững du lịch đảo Phú Quốc (Kiên Giang); thẩm định kết quả định hướng quy hoạch do TCDL thực hiện về phát triển du lịch Vịnh Văn Phong - Đại Lãnh (Khánh Hoà) và phát triển du lịch đảo Phú Quốc (Kiên Giang)... Kết quả công tác quy hoạch trên đã góp phần tích cực vào phát triển du lịch vùng ven biển.

Bên cạnh những kết quả trên, quản lý nhà nước về du lịch thời gian qua còn có nhiều hạn chế thể hiện ở một số mặt chính sau :

- Hệ thống chính sách phát triển du lịch, đặc biệt là phát triển du lịch biển còn thiếu và chưa đồng bộ; Luật Du lịch chậm và một số nội dung khó đi vào cuộc sống; việc lồng ghép các yếu tố về phát triển bền vững vào chính sách phát triển du lịch còn chưa được quan tâm;

- Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về du lịch thiếu ổn định, ảnh hưởng lớn đến hiệu quả quản lý nhà nước về du lịch, đặc biệt kể từ khi Tổng cục Du lịch sát nhập về Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (2007);
- Chưa tổ chức điều tra có hệ thống tiềm năng tài nguyên du lịch vì vậy hiệu quả quản lý, khai thác nguồn lực tài nguyên cho phát triển du lịch nói chung, du lịch biển nói riêng còn rất hạn chế;
- Mặc dù hệ thống quy hoạch phát triển du lịch trên phạm vi cả nước đã được thực hiện khá có hệ thống, tuy nhiên hiệu quả tổ chức thực hiện và quản lý quy hoạch còn rất hạn chế;
- Đội ngũ du lịch cho đến nay chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển với tư cách là ngành kinh tế mũi nhọn, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập khu vực và quốc tế ngày càng sâu rộng của du lịch Việt Nam. Cho đến nay Việt Nam chưa có Đại học Du lịch.

3.2. Về Xúc tiến, quảng bá du lịch

Hoạt động xúc tiến quảng bá có nghĩa đặc biệt quan trọng đối với phát triển du lịch. Nhận thức được vai trò của hoạt động xúc tiến quảng bá, Chính phủ đã cho phép triển khai Chương trình hành động quốc gia về du lịch giai đoạn 2001-2005 với tiêu đề “Việt Nam - điểm đến của Thiên niên kỷ mới” và tiếp đến giai đoạn 2006 - 2010 với tiêu đề “Việt Nam - Vẻ đẹp tiềm ẩn” với sự hỗ trợ kinh phí từ ngân sách.

Nhiều hoạt động xúc tiến quảng bá du lịch Việt Nam đã được thực hiện như tuyên truyền quảng bá du lịch trên các phương tiện thông tin đại chúng; tham gia các sự kiện du lịch, các hội chợ du lịch quốc tế; tổ chức “Road show”; tổ chức các đoàn “Firm Trip”; quảng bá du lịch Việt Nam trên các kênh truyền hình có uy tín trên thế giới như CNN, v.v. Bước đầu các hoạt động xúc tiến quảng bá đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận và có những đóng góp tích cực vào sự phát triển của du lịch Việt Nam nói chung và du lịch biển nói riêng.

Trong bối cảnh chung về hoạt động xúc tiến quảng bá, hoạt động này ở các địa phương ven biển, đặc biệt tại các địa bàn trọng điểm du lịch như Quảng Ninh - Hải Phòng, Huế - Đà Nẵng, Bình Định, Nha Trang, Bình Thuận, Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh, v.v. đã có được sự quan tâm đầy mạnh. Nhiều sự kiện đã được tổ chức như Festival Hạ Long, Festival Huế, Đêm rằm phố cổ Hội An, lễ hội pháo hoa Đà Nẵng, thi hoa hậu quốc tế ở Nha Trang, v.v. và bước đầu đã đạt được những kết quả tích cực, góp phần thu hút khách du lịch đến với vùng ven biển.

Tuy nhiên bên cạnh những kết quả trên, hoạt động xúc tiến quảng bá du lịch ở Việt Nam nói chung, ở vùng ven biển nói riêng còn ở quy mô nhỏ, rời rạc, chưa có một chiến lược dài hạn và thiếu tính chuyên nghiệp vì vậy mặc dù đã có nỗ lực song các kết quả đạt được chưa được như kỳ vọng.

4. Tiềm năng du lịch tỉnh Bình Định

Tài nguyên du lịch tự nhiên và văn hóa: Địa hình của Bình Định đa dạng gồm có núi, sông, hồ và có 215.295,18 ha rừng tự nhiên tạo nên một bức tranh thiên nhiên đa sắc màu với nhiều cảnh quan thiên nhiên kỳ thú như: Ghềnh Ráng - Tiên Sa, bán đảo Phương Mai, Hầm Hô, Hồ Núi Một, suối khoáng nóng Hội Vân, chùa Hang, đầm Trà

Ồ... Đặc biệt, Đầm Thị Nại là đầm nước mặn có diện tích hơn 5.000 ha, nằm trên địa phận huyện Tuy Phước, Phù Cát và thành phố Quy Nhơn thuộc tỉnh Bình Định. Bất ngang qua đầm là cây cầu Thị Nại nổi tiếng dài gần 2,5 km nổi liền trung tâm thành phố Quy Nhơn và Khu kinh tế Nhơn Hội... Đây là điều kiện lý tưởng để tỉnh Bình Định phát triển các loại hình du lịch sinh thái, leo núi, nghỉ dưỡng...

Bình Định có 134 km bờ biển trải dọc phía đông của tỉnh với gần một nửa số huyện, thành phố giáp biển, được thiên nhiên ban tặng vô số những thắng cảnh và bãi biển đẹp, với nhiều đảo, bãi tắm lớn, nhỏ... Có thể liệt kê hàng chục các danh thắng, bãi biển đẹp có tiềm năng phát triển mạnh loại hình du lịch biển như: Quy Nhơn, Ghềnh Ráng, Quy Hòa, Bãi Dài, bán đảo Phương Mai, đầm Thị Nại, Cù lao Xanh, Hải Giang, Nhơn Lý, Eo Gió, Phú Hậu, Trung Lương, Vĩnh Hội, Tân Thanh, Mũi Rồng - Tân Phụng, Lộ Diêu, Hoài Hương, Tam Quan Bắc... Hầu hết các bãi biển đều tương đối bằng phẳng, cát trắng, nước biển trong xanh, ngập tràn ánh nắng và có cảnh quan đẹp. Các bãi tắm đẹp phân bố nhiều nhất là ở khu vực Quy Nhơn và vùng phụ cận, rất thuận lợi cho việc lập quy hoạch và đầu tư xây dựng thành các cụm, tuyến du lịch biển tập trung, liên hoàn. Bình Định còn có hơn 30 đảo, trong đó nhiều đảo có tiềm năng khai thác du lịch nghỉ dưỡng, du lịch khám phá.

Tài nguyên du lịch văn hóa: Bình Định có 133 di tích đã được xếp hạng, trong đó có 34 di tích cấp quốc gia và 97 di tích cấp tỉnh; có 02 di tích quốc gia đặc biệt là Điện thờ Tây Sơn Tam Kiệt và Tháp Dương Long. Nghệ thuật Bài chòi Trung Bộ Việt Nam (trong đó có Bình Định) được UNESCO công nhận Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

Ngoài ra, Bình Định là cái nôi của phong trào Tây Sơn gắn liền với tên tuổi lẫy lừng của người anh hùng dân tộc Quang Trung - Nguyễn Huệ, vùng đất kinh đô của nhiều triều đại có bề dày lịch sử truyền thống văn hóa lâu đời với văn hóa Sa Huỳnh, văn hóa Chămpa... Tiêu biểu nhất là quần thể di tích lịch sử nhà Tây Sơn, thành Đồ Bàn, 8 cụm với 14 tháp Chăm uy nghi cổ kính và khá nguyên vẹn, trong đó tháp Dương Long được cho là cụm tháp gạch còn lại cao, đồ sộ và lớn nhất Đông Nam Á...

Bình Định nổi tiếng với những bộ môn nghệ thuật độc đáo: nghệ thuật hát Bội (tuồng), một loại hình nghệ thuật vừa bác học nhưng lại vừa mang tính dân gian gần gũi với quần chúng. Hát Bội là nét văn hóa đặc thù của riêng Bình Định. Bên cạnh đó, bài Chòi cũng song hành tồn tại với thời gian thể hiện những nét đặc sắc của một bộ môn nghệ thuật dân tộc gắn liền với vùng quê đầy gió biển, hương đồng ngọt ngào, dung dị và đậm thắm. Là miền đất võ, Bình Định vang danh với những làng võ, lò võ và những bài quyền, roi nổi tiếng đã đi vào lịch sử.

Bình Định, nơi hội tụ và giao hòa văn hóa của nhiều dân tộc anh em nên các hình thức văn hóa dân gian và lễ hội truyền thống cũng rất đa dạng và phong phú, là hình thức sinh hoạt văn hóa đặc sắc, phản ánh đời sống tinh thần và tâm linh của các dân tộc như: lễ hội Đồ Giàn, lễ hội Cầu Ngư, lễ hội Đua thuyền, lễ hội chợ Gò...

Bình Định nổi tiếng với những món ăn đặc sản lạ miệng mang nét đặc trưng văn hóa của miền đất võ như: Rượu Bàu Đá, nem Chợ huyện, bánh ít lá gai, bún chả cá Quy Nhơn, bánh hời lòng heo, bún Song Thần,... Từ những phân tích trên có thể thấy Bình Định là tỉnh thuộc vùng du lịch Duyên hải Nam Trung Bộ, nằm trên tuyến du lịch xuyên

Việt, là cầu nối du lịch các tỉnh Bắc và Nam, là một trong những cửa ngõ quan trọng của Tây Nguyên, các tỉnh Nam Lào và Đông Bắc Campuchia ra biển Đông vì vậy Bình Định giữ vị trí quan trọng trong chiến lược phát triển du lịch Việt Nam và thuận lợi trong liên kết vùng để phát triển du lịch. Bình Định có tiềm năng tài nguyên du lịch tương đối đa dạng, toàn diện với hệ thống tài nguyên biển, đảo, tài nguyên sinh thái núi, sông hồ; các di tích lịch sử - văn hóa... trong đó nổi bật là hệ thống tài nguyên du lịch biển, đảo và tài nguyên du lịch nhân văn gắn với di tích Tây Sơn, tháp Chăm, văn hóa phi vật thể như hát Bội, Nghệ thuật hát bài chòi, võ thuật. Đây là cơ sở quan trọng để du lịch tỉnh Bình Định phát triển các loại hình và sản phẩm du lịch có sức cạnh tranh cao trong vùng và cả nước.

Bình Định là nơi lưu giữ nhiều tài nguyên văn hóa, lịch sử quan trọng của cả nước. Tỉnh Bình Định là vùng đất có bề dày lịch sử và văn hóa lâu đời. Bình Định từng là kinh đô của Vương quốc Champa; là mảnh đất có nhiều di tích rực rỡ của văn hóa Chăm Pa với các di tích còn lại là Thành Đồ Bàn (Vijaya) và 14 cụm Tháp Chăm với kiến trúc độc đáo gồm cổ Gò Sành. Bình Định là địa phương thứ 2 sau Quảng Nam sở hữu được nhiều tháp Chăm nhất nước ta. Những cụm tháp Chăm ở Bình Định đã đạt tới độ chín muồi của nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc dung hòa được những phong cách nghệ thuật Chăm Pa và Khơme. Tỉnh Bình Định cũng là nơi xuất phát của phong trào nông dân Tây Sơn thế kỷ 18 và là quê hương của Anh hùng dân tộc Quang Trung – Nguyễn Huệ. Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, Bình Định cũng là mảnh đất lịch sử ghi dấu nhiều chiến công hiển hách của quân và dân ta. Bên cạnh đó, Bình Định còn là vùng đất có truyền thống thượng võ nuôi dưỡng và phát triển tài năng của nhiều danh nhân văn hóa, nhà thơ lớn của dân tộc như: Hàn Mặc Tử, Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Yên Lan, Quách Tấn; là quê hương của các loại hình nghệ thuật nổi tiếng như: hát tuồng, dân ca bài chòi các lễ hội truyền thống đặc trưng. Về văn hoá ẩm thực, Bình Định cũng có nhiều sản vật ẩm thực nổi tiếng đã trở thành nét văn hoá đặc sắc như bánh ít lá gai, nem chua, rượu Bàu Đá - thức uống được xếp vào hàng “Quốc tửu”... Các yếu tố nêu trên giúp Bình Định có ưu thế cạnh tranh đáng kể so với các địa phương khác trong phát triển du lịch, thương mại, phát huy truyền thống trong xây dựng, phát triển quê hương.

Tiềm năng du lịch biển: Bình Định là tỉnh ven biển miền Nam Trung bộ, có chiều dài bờ biển khoảng 134 km. Đới bờ tỉnh Bình Định đặc trưng bởi những vùng đất trũng, thấp hơn mực nước biển, ở đó sự đa dạng về các hệ sinh thái (HST) ven biển với sự hiện diện của rạn san hô, thảm cỏ biển, rừng ngập mặn (RNM), đầm ven biển và chứa đựng nguồn tài nguyên thủy hải sản có giá trị kinh tế cao và nơi cư trú của một số loài sinh vật quý, hiếm (UBND tỉnh Bình Định, 2019).

Tại các đầm ven biển bao gồm đầm Thị Nại, Trà Ô và Đề Gi là những đầm có tính ĐDSH cao. Theo báo cáo Kế hoạch hành động bảo tồn ĐDSH tỉnh đến 2015, định hướng đến 2020 cho thấy các đầm có khu hệ động, thực vật rất phong phú. RNM đã tồn tại tại các đầm Thị Nại. Ngoài ra, các đầm này là nơi nuôi trồng thủy, hải sản và là nơi sinh sống quan trọng của nhiều loài chim nước và chim di cư. RNM trước năm 1975, đầm Thị Nại có trên 1.000 ha và 200 ha thảm cỏ biển, đến nay diện tích rừng ngập mặn chỉ còn trên 95 ha. RNM phân bố dọc theo bờ sông, lạch, ven bờ địa nuôi tôm, vùng còn

chim về phía Tây đầm Thị Nại. Thảm cỏ biển có diện tích khoảng 200 ha tại đầm Thị Nại. Độ phủ của thảm cỏ dao động từ 20-100%. Vùng đáy mềm của đầm cùng với thảm cỏ biển là môi trường thuận lợi cho sự phát triển của các loài thân mềm, giáp xác.

Khu hệ rong ở vùng biển quanh các đảo Cù Lao Xanh, hòn Đất, hòn Khô và đầm Thị Nại đã xác định tới 71 loài rong. Các loài rong giàu iốt, axit alginic...nên được làm làm thực phẩm (rong cải biển, rong mứt, rong đông,...), làm thức ăn gia súc, phân bón (tảo lục Chlorophyta, tảo đỏ Rhodophyta).

Vùng ven bờ tỉnh Bình Định nằm trong khu vực miền Trung là nơi có điều kiện thuận lợi cho sự hình thành và phát triển của các rạn san hô bởi nhiệt độ nước thường xuyên cao và ít chịu ảnh hưởng của hệ thống sông ngòi. Rạn san hô phân bố tập trung nằm trong tam giác hòn Khô, hòn Đất, Cù Lao Xanh với diện tích khoảng 62 ha, chiếm 54,7% tổng diện tích rạn. Rạn san hô là nơi sinh sống của loài thủy, hải có giá trị kinh tế, đặc biệt là nơi sinh sống của loài rùa biển quý, hiếm, có nguy cơ tuyệt chủng.

Tính đa dạng sinh học tạo tiềm năng phát triển du lịch của tỉnh Bình Định:
Trên địa bàn tỉnh có 2.269 loài thực vật bậc cao, 315 loài thực vật nổi, 244 loài chim, 103 loài thú, 45 loài lưỡng cư, 95 loài bò sát, 353 loài côn trùng, 281 loài cá, 160 loài động vật nổi, 210 loài động vật đáy. Đồng thời, Bình Định cũng có tới 749 nguồn gen quý, trong đó có 222 loài thực vật bậc cao, 215 loài chim, 92 loài thú, 42 loài lưỡng cư, 56 loài bò sát, 8 loài côn trùng, 114 loài cá. Đáng lưu ý, những loài này có tên trong danh lục các loài quý hiếm của Sách đỏ Bảo tồn thiên nhiên Quốc tế (2015) và Sách đỏ Việt Nam (2006). Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh còn có hệ sinh thái khá đa dạng, với 8 hệ sinh thái, gồm: Rừng tự nhiên; rừng thứ sinh; rừng tre nứa, các thảm cỏ, cây bụi; nông nghiệp; thủy vực nội địa; đầm; rạn san hô; dân cư, đô thị, khu công nghiệp. Tuy nhiên, Bình Định cũng đang đối diện nguy cơ suy giảm đa dạng sinh học (ĐDSH) do tình trạng ô nhiễm môi trường, tác động của biến đổi khí hậu, cùng với vấn nạn khai thác, đánh bắt, hủy diệt hệ sinh thái. Cụ thể, trước năm 1975, đầm Thị Nại có trên 1.000 ha rừng ngập mặn và 200 ha thảm cỏ biển, đến nay diện tích rừng ngập mặn chỉ còn trên 95 ha; năng suất khai thác tự nhiên của đầm cũng giảm sút nghiêm trọng, nhuyễn thể giảm 67%; tôm giảm trên 65%; cá giảm 47%; gẹ - cua giảm 25%. Đồng thời, trên địa bàn tỉnh có gần 160 loài thực vật bị đe dọa ở mức quốc gia; quần thể các loài thực vật trên địa bàn đang bị suy giảm, nhiều loài đối mặt với nguy cơ tuyệt chủng.

Tài nguyên rừng và đa dạng sinh học của tỉnh Bình Định tương đối phong phú và đa dạng, diện tích rừng lớn, độ che phủ cao thuận lợi phát triển kinh tế rừng. Một số khu rừng tự nhiên của tỉnh có độ đa dạng sinh học cao, có nhiều loài thực vật, động vật quý hiếm có điều kiện bảo tồn và nhân rộng phục vụ phát triển các ngành, lĩnh vực như sản xuất lâm nghiệp, dược liệu, công nghiệp công nghệ sinh học. Tuy nhiên để phát triển bền vững kinh tế rừng cần có những biện pháp phát triển phù hợp. Có thể kết hợp phương thức trồng rừng tập trung và trồng rừng trong nhân dân; đẩy mạnh trồng rừng, kết hợp với khoanh nuôi phục hồi và bảo vệ rừng. Phát triển trồng rừng trên đất trống, đồi trọc và trồng rừng cảnh quan ở núi Vũng Chua, Bà Hoả, ven biển, các khu du lịch. Đặc biệt cần trú trọng phát triển hệ sinh thái rừng ngập mặn để đảm bảo nguồn lợi thủy sản, phát triển du lịch, nâng cao hiệu quả kinh tế rừng trồng, gắn với bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu.

II. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH BÌNH ĐỊNH

1. Khách du lịch

Trong những năm qua, tổng lượt khách du lịch đến Bình Định (bao gồm khách tham quan trong ngày và khách có lưu trú) có sự tăng trưởng đáng kể. Năm 2016, mới đón hơn 3,2 triệu lượt khách du lịch thì đến năm 2019, con số này đã tăng lên đến trên 4,8 triệu với tốc độ tăng bình quân đạt hơn 14,7%/năm, cao hơn bình quân cả nước cùng giai đoạn tương ứng là 12,4%. So với các địa phương trong vùng Duyên hải Nam Trung bộ (DHNTB) thì Bình Định chỉ ngang bằng với Thừa Thiên - Huế (4.817.000 lượt khách), trên Quảng Ngãi (1.140.000 lượt khách) và dưới Đà Nẵng (8.692.400 lượt khách) và Quảng Nam (7.790.000 lượt khách).

Đóng góp vào tốc độ tăng trưởng về tổng lượng khách đến Bình Định là mức tăng trưởng cao của khách du lịch quốc tế với tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 24,6%/năm. Trong đó, năm 2019 là năm đón được lượng khách quốc tế 484.000, đạt tỷ lệ cao nhất là 10,0% trong tổng số khách du lịch đến Bình Định. Nếu so lượng khách du lịch quốc tế đến Bình Định với các địa phương trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung (KTTĐMT) thì kết quả này còn khiêm tốn, theo đó trong năm 2019, Bình Định đứng sau các địa phương Quảng Nam (4.666.000 lượt khách), Đà Nẵng (3.522.928 lượt); Thừa Thiên - Huế (2.186.700 lượt khách) và chỉ đứng trên Quảng Ngãi (99.000 lượt khách).

Bảng 1: Tổng số lượt khách du lịch giai đoạn 2016 - 2019

DVT: Lượt khách

Năm	Khách quốc tế		Khách nội địa		Tổng số khách du lịch
	Số lượt	Tỷ trọng (%)	Số lượt	Tỷ trọng (%)	
2016	256.000	0,8	2.944.000	99,2	3.200.000
2017	264.470	7,1	3.435.575	92,9	3.700.045
2018	327.380	8,0	3.764.960	92,0	4.092.340
2019	484.000	10,0	4.345.000	90,0	4.829.000
Tốc độ tăng trưởng trung bình/năm	24,6%		13,9%		14,7%

Nguồn: Sở Du lịch Bình Định

Trong giai đoạn 2016 - 2019 thị trường khách du lịch nội địa luôn chiếm tỷ trọng trên 90% tổng lượng khách du lịch đến Bình Định và tăng với tốc độ trưởng trung bình 13,9%/năm. Năm 2019 tổng lượng khách du lịch nội địa đến Bình Định đạt trên 4,3 triệu, đứng thứ hai sau Đà Nẵng về số lượng khách du lịch nội địa đến các địa phương trong vùng KTTĐMT (Đà Nẵng là 5.169.500, Quảng Nam là 3.124.000, Thừa Thiên Huế là 2.631.000 và Quảng Ngãi là 1.041.000 lượt khách). Thu nhập từ du lịch: Cùng với sự gia tăng về lượng khách đến, tổng thu nhập từ du lịch cũng tăng nhanh qua các năm. Tổng thu từ khách du lịch năm 2019 đạt 12.702 tỷ đồng, trong đó tổng thu từ khách quốc tế là 1.684 tỷ đồng, tổng thu từ khách nội địa là 11.018 tỷ đồng. Chi tiêu bình quân

của 1 lượt khách quốc tế qua đêm năm 2019 là 3.936.000 đồng; chi tiêu bình quân của 01 lượt khách quốc tế trong ngày là 903.900 đồng; thời gian bình quân chung của 01 lượt khách quốc tế ở qua đêm là 4,4 ngày. Chi tiêu bình quân của 1 lượt khách nội địa qua đêm năm 2019 là 3.726.200 đồng; chi tiêu bình quân của 01 lượt khách nội địa trong ngày là 599.800 đồng; thời gian bình quân chung của 01 lượt khách nội địa ở qua đêm là 3,32 ngày.¹

Tổng thu từ du lịch của tỉnh năm 2019 đạt 6.000 tỷ đồng. Về doanh thu du lịch lữ hành của tỉnh Bình Định năm 2015 đạt 32,4 tỷ đồng, đứng thứ 5 trong 8 tỉnh khu vực Nam Trung Bộ, riêng Đà Nẵng đạt 1.166,4 tỷ đồng, Quảng Nam 289,6 tỷ đồng, Khánh Hòa 197,4 tỷ đồng, Bình Thuận 46,4 tỷ đồng, Quảng Ngãi 6,5 tỷ đồng và Phú Yên 2 tỷ đồng, Ninh Thuận 1,9 tỷ đồng. Đến năm 2020, tỉnh Bình Định và Phú Yên là hai tỉnh có doanh thu du lịch lữ hành tăng so với năm 2015, nhưng tỉnh Bình Định vẫn đứng thứ 5 toàn vùng, với 35,3 tỷ đồng, Đà Nẵng giảm còn 563,8 tỷ đồng, Quảng Nam 110 tỷ đồng, Khánh Hòa 135,8 tỷ đồng, Bình Thuận 40,1 tỷ đồng, Quảng Ngãi 4,5 tỷ đồng và Phú Yên 2,1 tỷ đồng, Ninh Thuận 1,2 tỷ đồng.

Bảng 2: Tổng thu từ du lịch giai đoạn 2016 – 2019

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Năm	Thu từ LT&AU2		Thu từ LH&VC3		Thu từ MS&DVBS4		Tổng thu từ du lịch
	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	
2016	1.152,8	77,0%	230,5	15,4%	113,7	7,6%	1.497,0
2017	1.557,7	73,0%	341,4	16,0%	234,7	11,0%	2.133,8
2018	4.244,0	79,0%	520,2	13,0%	320,2	8,0%	4.002,0
2019	4.380,0	73,0%	960,0	16,0%	660,0	11,0%	6.000,0
Tăng trưởng BQ năm	70,2%		61,7%		83,0%		60,0%

Nguồn: Sở Du lịch Bình Định

Trong suốt giai đoạn 2016 - 2019, tổng thu từ du lịch của tỉnh đã tăng nhanh với tốc độ trung bình là 60,0%/năm. Đóng góp chủ yếu vào tổng thu du lịch là từ dịch vụ lưu trú và ăn uống luôn chiếm từ 73-79% với tốc độ tăng trưởng bình quân 70,2%/năm; tiếp đến là từ dịch vụ lữ hành và vận chuyển với tỷ lệ từ 13-16% với tốc độ tăng trưởng bình quân là 61,7%/năm và cuối cùng là từ dịch vụ mua sắm và dịch vụ bổ sung với tỷ lệ từ 8-11% với tốc độ tăng trưởng trung bình là 83,0%/năm. Riêng năm 2019, tổng thu nhập của du lịch Bình Định đã đạt 6.000 tỷ đồng.

Hệ thống cơ sở lưu trú và đầu tư phát triển du lịch

¹ Theo Đề án xác định đóng góp của du lịch vào kinh tế - xã hội tỉnh Bình Định năm 2018 - 2019 đã được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 3621/QĐ-UBND ngày 01/9/2020.

² Lưu trú và ăn uống

³ Lữ hành và vận chuyển

⁴ Mua sắm và dịch vụ bổ sung

– Hệ thống cơ sở lưu trú của Bình Định phát triển nhanh chóng với tốc độ tăng trưởng về số cơ sở và số buồng giai đoạn 2016 - 2020 tương ứng là 24,3% và 23,3%/năm.

Bảng 3: Cơ sở lưu trú du lịch giai đoạn 2016 – 2020

Cơ sở lưu trú	2016	2017	2018	2019	2020	Tăng trưởng bình quân (%/năm)
Tổng số khách sạn (cơ sở)	140	156	217	295	327	24,3
– Xếp hạng từ 4-5 sao	02	06	08	08	09	61,4
– Xếp hạng từ 2-3 sao	05	11	29	37	49	83,3
– Xếp hạng 1 sao và đạt chuẩn	133	139	180	214	269	18,2
Tổng số buồng khách sạn (buồng)	3.521	3.972	5.307	7.084	8.598	23,3
– Xếp hạng từ 4-5 sao					1.883	
– Xếp hạng từ 2-3 sao					1.704	
– Xếp hạng 1 sao và đạt chuẩn					5.011	
Công suất sử dụng buồng TB (%)	72	70	75	75	30	

Nguồn: Sở Du lịch Bình Định

Phân tích số liệu thống kê cho thấy cơ sở khách sạn thuộc phân khúc thấp (từ đạt chuẩn đến xếp hạng 1 sao) có số lượng cơ sở lớn nhất chiếm tỷ lệ trung bình là 84,3%, tiếp đến là phân khúc hạng trung (xếp hạng từ 2-3 sao), chiếm tỷ lệ trung bình 10,3% và sau cùng là phân khúc cao cấp (xếp hạng từ 4-5 sao) chỉ chiếm tỷ lệ trung bình là 5,4%. Thực trạng này là phù hợp với điểm đến còn trong giai đoạn phát triển, chưa khẳng định được đẳng cấp của mình trên thị trường.

Với số lượng cơ sở lưu trú còn hạn chế với tổng số buồng cao nhất được đưa vào sử dụng năm 2019 là 7.084 buồng, công suất sử dụng buồng trung bình giai đoạn 2016 - 2019 là khá cao, dao động từ 70-75%.

Về đầu tư du lịch: Đến tháng 6/2020 trên địa bàn tỉnh đã có 57 dự án đầu tư du lịch, trong đó có 14 dự án đã hoàn thành hoặc hoàn thành từng phần đi vào hoạt động với tổng số vốn đầu tư là trên 8.207 tỷ đồng và 43 dự án đang triển khai đầu tư với tổng số vốn đầu tư là 43.414 tỷ đồng. Trong số các dự án đầu tư đã đi vào hoạt động, nổi bật là quần thể khu du lịch nghỉ dưỡng giải trí cao cấp FLC Nhơn Lý có quy mô 1.200 buồng tiêu chuẩn 5 sao với tổng mức đầu tư trên 3.790 tỷ đồng, khu du lịch nghỉ dưỡng Maia Quy Nhơn Beach quy mô 755 buồng tiêu chuẩn 4 sao với tổng mức đầu tư trên 1.158 tỷ đồng, đã góp phần làm thay đổi diện mạo điểm đến du lịch Bình Định. Ngoài ra, Cảng hàng không Phù Cát được mở rộng và xây dựng mới đạt tiêu chuẩn phục vụ các chuyến bay nội địa và quốc tế nối Bình Định với các trung tâm du lịch lớn; hệ thống giao thông kết nối Quy Nhơn với các khu, điểm du lịch chính trong tỉnh từng bước được hoàn thiện.

2. Thực trạng phát triển sản phẩm - thị trường du lịch

Trong thời kỳ quy hoạch đến năm 2020, một số nhóm sản phẩm du lịch chính đã được Bình Định được chú trọng đầu tư phát triển bao gồm:

– Nhóm sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng: Du lịch nghỉ dưỡng biển kết hợp thể thao, vui chơi giải trí và lặn biển đã trở thành nhóm sản phẩm du lịch chủ đạo, góp phần tạo nên thương hiệu điểm đến du lịch Bình Định. Nhiều khu du lịch nghỉ dưỡng biển cao cấp như quần thể khu du lịch nghỉ dưỡng giải trí cao cấp FLC Nhơn Lý, khu du lịch nghỉ dưỡng Anantara, Casa Marina, Crown Retreat Quy Nhơn,... đã được đầu tư phát triển.

– Nhóm sản phẩm du lịch văn hóa - lịch sử với những sản phẩm du lịch chính gồm: tham quan tìm hiểu về lịch sử khởi nghĩa Tây Sơn tại Bảo tàng Quang Trung, đền thờ Tây Sơn Tam Kiệt, di tích Gò Lãng, Thành Hoàng Đế,.. tham quan tìm hiểu về các giá trị văn hóa Chăm tại quần thể tháp Dương Long, tháp Bánh Ít, tháp Bình Lâm,... trải nghiệm các lễ hội truyền thống...

– Nhóm sản phẩm du lịch MICE kết hợp tổ chức các sự kiện và nghiên cứu khoa học: dựa trên việc khai thác lợi thế về cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch của các khu nghỉ dưỡng cao cấp, hoạt động của Trung tâm Quốc tế Giáo dục và Khoa học và Tổ hợp Không gian Khoa học Quy Nhơn.

– Nhóm sản phẩm du lịch cộng đồng: chủ yếu được xây dựng và phát triển tại các thôn Lý Lương, Lý Hưng thuộc xã Nhơn Lý, Bãi Xếp thuộc phường Gành Ráng, TP. Quy Nhơn và một số địa phương quanh đầm Thị Nại.

– Những thị trường du lịch chính của du lịch Bình Định gồm:

– Thị trường quốc tế: Đông Bắc Á gồm: Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan (chiếm khoảng 30%); Tây Âu gồm: Anh, Pháp, Đức, Ý, Tây Ban Nha (chiếm khoảng 25%), Bắc Mỹ gồm: Mỹ và Canada; Đông Nam Á và một số thị trường khác.

– Thị trường nội địa: Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh là hai thị trường chính chiếm tới trên 40% lượng khách du lịch nội địa; tiếp đến là thị trường du lịch các tỉnh Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long.

3. Thực trạng phát triển các lĩnh vực khác của ngành du lịch tỉnh

Công tác quy hoạch phát triển và quản lý du lịch:

(1) Tham mưu UBND tỉnh Kế hoạch tổ chức Lễ hội Du lịch Bình Định năm 2021, gồm nhiều sự kiện diễn ra từ tháng 6 đến tháng 9 năm 2021 nhằm quảng bá và thu hút khách du lịch đến với Bình Định. Hoàn chỉnh Dự thảo Chương trình hành động phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh giai đoạn 2020 - 2025 tại các cuộc họp của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; đồng thời dự thảo Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh giai đoạn 2020 - 2025. Bên cạnh đó, phối hợp tổ chức Lễ khai trương đường bay Quy Nhơn - Cần Thơ và Cần Thơ - Quy Nhơn tại Sân bay Phù Cát.;

(2) Thực hiện báo cáo Công điện số 01/CĐ-BKHĐT ngày 03/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về biện pháp bảo đảm sức khỏe nhân dân, an sinh xã hội và nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công, giữ gìn an ninh trật tự và ổn định xã hội trong bối cảnh tác động của dịch Covid-19 trong hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh; Chỉ đạo các đơn vị kinh doanh dịch vụ du lịch trên địa bàn tỉnh đảm bảo chất lượng dịch vụ, an ninh, an toàn cho khách du lịch;

(3) Tham mưu, đề xuất triển khai thực hiện Quyết định số 531/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tham gia góp ý các văn bản về việc lấy ý kiến hoàn thiện đề cương tóm tắt nhiệm vụ KH&CN xây dựng mô hình thí điểm thực tế khu vực hoạt động kinh tế ban đêm tại thành phố Quy Nhơn.

– *Về quảng bá du lịch:*

(1) Hoạt động quảng bá du lịch, tuyên truyền nâng cao nhận thức xã hội về du lịch đã được đẩy mạnh thông qua các phương tiện truyền thông địa phương và trung ương như Báo Bình Định, Đài phát thanh và truyền hình Bình Định và VTV cùng các cơ quan truyền thông khác ở Trung ương. Hàng năm, Bình Định cũng tích cực tham gia thường niên các hội chợ du lịch quốc tế; chủ động đăng cai nhiều sự kiện văn hóa, lễ hội du lịch... Tuy nhiên, việc quảng bá du lịch tỉnh chưa thực sự chú trọng quảng bá qua các tranh ảnh, sản phẩm lưu niệm. Thực tế thị trường sản phẩm lưu niệm ở tỉnh chưa phát triển tương xứng với tiềm năng du lịch vốn có.

(2) Tăng cường đẩy mạnh công tác quảng bá hình ảnh du lịch Quy Nhơn - Bình Định thông qua các báo, tạp chí, báo mạng và lồng ghép giới thiệu trong các sự kiện quan trọng diễn ra trên địa bàn tỉnh. Thường xuyên cập nhật, bổ sung, đăng bài viết và bản tin du lịch trên Trang thông tin điện tử du lịch Bình Định (www.dulichbinhdinh.com.vn), đến nay tổng lượt truy cập đến thời điểm hiện tại là 4.768.819 lượt. Đồng thời, vận động các địa phương, doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh phối hợp, hỗ trợ quảng bá thông tin, tuyên truyền về các sản phẩm, chương trình giảm giá, kích cầu trên Trang thông tin điện tử của ngành du lịch Bình Định.

(3) Tăng cường đẩy mạnh công tác quảng bá hình ảnh du lịch Quy Nhơn - Bình Định thông qua các báo, tạp chí, báo mạng và lồng ghép giới thiệu trong các sự kiện quan trọng diễn ra trên địa bàn tỉnh. Thường xuyên cập nhật, bổ sung, đăng bài viết và bản tin du lịch trên Trang thông tin điện tử du lịch Bình Định (www.dulichbinhdinh.com.vn), đến nay tổng lượt truy cập đến thời điểm hiện tại là 4.768.819 lượt. Đồng thời, vận động các địa phương, doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh phối hợp, hỗ trợ quảng bá thông tin, tuyên truyền về các sản phẩm, chương trình giảm giá, kích cầu trên Trang thông tin điện tử của ngành du lịch Bình Định.

(4) Xây dựng kế hoạch tổ chức các lớp tuyên truyền Bộ quy tắc ứng xử văn minh du lịch, thông tin thuyết minh điểm đến du lịch, đường dây nóng hỗ trợ khách du lịch, định hướng phát triển du lịch của tỉnh cho người dân tại các huyện trên toàn tỉnh Bình Định. Đồng thời, phối hợp với đoàn làm phim VTV Travel xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình “VTV Travel - Du lịch cùng VTV” tại Bình Định; triển khai in tái bản có bổ sung ấn phẩm Cẩm nang du lịch Quy Nhơn - Bình Định ngôn ngữ Việt - Anh phục vụ công tác quảng bá, xúc tiến du lịch trong và ngoài nước.

– *Về lao động và đào tạo phát triển nguồn nhân lực:* Theo số liệu thống kê của Sở Du lịch Bình Định thì lao động trực tiếp trong ngành du lịch tỉnh năm 2010 có 2.593 lao động; năm 2015 đạt 4.050 lao động, đạt tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015 là 13,11%/năm. Năm 2019, tổng số lao động trực tiếp trong

ngành du lịch là 8.900 người, tăng 1,7 lần so với năm 2016 (5.230 lao động). Giai đoạn 2016 - 2019, tốc độ tăng trưởng về lao động trực tiếp trong ngành du lịch đạt 20,7%/năm. Bên cạnh số lao động trực tiếp, số lao động gián tiếp trong lĩnh vực du lịch ước đạt trên 22.000 người. Tỉnh đã ban hành Kế hoạch nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch; xây dựng đề án phát triển nguồn nhân lực du lịch Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Ngành du lịch tỉnh tổ chức và khuyến khích doanh nghiệp tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ du lịch cho các đối tượng có liên quan.

– *Về liên kết phát triển du lịch:* Tỉnh Bình Định đã chủ động phối hợp với các địa phương trong vùng KTTĐMT và vùng du lịch DHNTB triển khai thực hiện Chương trình hợp tác phát triển du lịch giữa Bình Định với các địa phương trong vùng. Phối hợp quảng bá hình ảnh, sản phẩm du lịch của các địa phương thông qua việc tham gia các sự kiện văn hóa, du lịch tại các địa phương liên kết tổ chức, trên các kênh thông tin của các địa phương.

– *Về gắn kết phát triển du lịch với bảo vệ môi trường:* UBND tỉnh đã phê duyệt đề án “Đảm bảo môi trường trong hoạt động du lịch tỉnh Bình Định đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030” làm cơ sở cho phát triển du lịch gắn với bảo vệ môi trường, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Đồng thời, thí điểm phát triển nhiều mô hình du lịch gắn với bảo vệ môi trường.

4. Thực trạng phát triển du lịch theo lãnh thổ

Trong thời gian qua cùng với việc đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Bình Định đã dần hình thành các cụm du lịch với những hướng phát triển sản phẩm du lịch đặc trưng, gồm:

- Cụm du lịch Quy Nhơn và phụ cận;
- Cụm du lịch Tây Sơn - An Nhơn và phụ cận;
- Cụm du lịch Hoài Nhơn và phụ cận.

Bên cạnh đó, sau khi được công nhận đô thị loại I cấp tỉnh, với chức năng là thành phố tỉnh lỵ, trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội của tỉnh Bình Định, thành phố Quy Nhơn cũng đã từng bước phát triển thành trung tâm du lịch tỉnh và của khu vực phía Nam vùng KTTĐMT. Thị trấn Phú Phong với cụm di tích gắn với Tây Sơn Tam kiệt cũng đã trở thành trung tâm du lịch phụ trợ cho du lịch Bình Định ở phía Tây Nam và trên hành lang du lịch theo quốc lộ 19.

Trên địa bàn tỉnh đã định hình được nhiều khu du lịch và nhiều điểm tham quan du lịch khác gắn liền với đặc điểm tài nguyên. Trong đó, các khu du lịch chủ yếu tập trung khai thác tài nguyên biển đảo, cảnh quan sinh thái hồ. Một số khu, điểm du lịch đã được hình thành và phát triển trở thành điểm đến hấp dẫn đối với khách du lịch, gồm:

– Các khu, điểm du lịch gắn với tài nguyên tự nhiên tại các khu vực Ghềnh Ráng, núi Bà, bán đảo Phương Mai, đầm Thị Nại, hồ Núi Một, thắng cảnh Hàm Hô, suối nước nóng Hội Vân, bãi biển Quy Nhơn...

– Các khu, điểm du lịch gắn với tài nguyên văn hóa gồm: Di tích Tây Sơn Tam kiệt – Bảo tàng Quang Trung, thành Đồ Bàn, bảo tàng tỉnh Bình Định, hệ thống các tháp Chăm, chùa Thập Tháp, chùa Long Khánh...

Trên địa bàn tỉnh đã hình thành và khẳng định giá trị của một số tuyến du lịch quan trọng sau:

- Tuyến Quy Nhơn - Sông Cầu (kể cả thành phố Quy Nhơn) gắn với việc khai thác các loại hình du lịch lịch sử, văn hóa và du lịch biển, dọc bãi biển thành phố.
- Tuyến ven biển Quy Nhơn - Nhơn Hội - Tam Quan, trọng tâm là khu du lịch Phương Mai - núi Bà gắn với hệ thống tài nguyên du lịch trên bán đảo Phương Mai.
- Tuyến Quy Nhơn – An Nhơn – Tây Sơn và vùng phụ cận gắn du lịch biển, với du lịch văn hóa - lịch sử, du lịch sinh thái khu vực phía Tây tỉnh.

UBND tỉnh Bình Định đã phê duyệt định hướng phát triển du lịch khu vực phía Bắc tỉnh gồm 4 huyện, thị xã: Hoài Nhơn, Phù Mỹ, Hoài Ân và An Lão giai đoạn đến năm 2025 để xây dựng và đa dạng hóa sản phẩm du lịch, góp phần thúc đẩy phát triển du lịch ở khu vực này.

5. Một số tác động của đại dịch Covid-19 với ngành du lịch

Đại dịch Covid-19 đã và đang tác động rất tiêu cực đến ngành du lịch tỉnh Bình Định, thể hiện trên các mặt sau:

- Các tác động trước mắt: Năm 2020, do tác động của đại dịch Covid-19, lượng khách du lịch đến Bình Định chỉ đạt 2.222.500 lượt khách giảm tới 54,0%, trong đó lượng khách quốc tế là 144.656 lượt, giảm tới gần 70,0%, khách nội địa là 2.077.844 lượt giảm 52,2%. Do lượng khách đến Bình Định giảm sâu, cùng với đó là có tới gần 1.000 buồng được đưa vào sử dụng, nên công suất sử dụng buồng đã giảm xuống chỉ còn 30%. Tuy nhiên con số này còn là khá cao so với nhiều địa phương trong vùng KTTĐMT. Cùng với sự suy giảm về lượng khách, tổng thu từ du lịch năm 2020 chỉ đạt 2.369,5 tỷ đồng thấp hơn so với năm 2019 là 60,5%.

- Các tác động lâu dài: Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 vẫn nghiêm trọng và có nguy cơ kéo dài như hiện nay, nhiều mục tiêu phát triển du lịch của tỉnh Bình Định (về số khách, doanh thu du lịch...) của giai đoạn 2021-2025 sẽ không thể thực hiện. Một số dự án đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh bị ngừng trệ; các doanh nghiệp lâm cảnh khó khăn; một bộ phận lớn nhân lực ngành du lịch chuyển sang ngành, nghề khác. Các yếu tố nêu trên sẽ tác động tiêu cực, lâu dài đến sự phát triển của ngành du lịch tỉnh kể cả sau khi dịch Covid-19 đã qua đi.

- Tuy nhiên, ngành du lịch tỉnh Bình Định vẫn có dấu hiệu tích cực. Đầu năm 2021 đã đưa vào hoạt động khách sạn Anya Premier, khách sạn Fleur De Lis... Đến nay trên địa bàn tỉnh có 378 khách sạn với tổng số phòng là 11.298 phòng (tăng 2.700 phòng so với cuối năm 2020); trong 9 tháng đầu năm 2021 đã có 6 dự án đầu tư mới về du lịch.

6. Đánh giá chung

Qua phân tích hiện trạng có thể thấy đến nay du lịch đã cơ bản trở thành ngành kinh tế quan trọng, đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Năm 2019, đóng góp trực tiếp của du lịch vào GRDP của tỉnh là 7,2%, đóng góp gián tiếp (lan tỏa) là 10,78% và tổng đóng góp của hoạt động du lịch vào GRDP của tỉnh là 17,98%.thể

hiện rõ vai trò của du lịch trong việc phát triển kinh tế tỉnh Bình Định. Phát triển hoạt động du lịch kéo theo hoạt động của các ngành kinh tế khác của tỉnh.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH BÌNH ĐỊNH GIAI ĐOẠN 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

1. Bối cảnh phát triển du lịch

Bối cảnh thế giới có nhiều biến động với những cơ hội và thách thức đan xen ảnh hưởng không nhỏ đến phát triển du lịch trên phạm vi toàn cầu. Kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại, sự cạnh tranh của các nước lớn, đặc biệt là Mỹ và Trung Quốc, bất ổn ở Đông Bắc Á, chậm trễ trong tiến trình Brexit, khủng hoảng chính trị ở một số quốc gia Nam Mỹ, xung đột leo thang ở Trung Đông cùng với việc Mỹ rút quân ra khỏi Afganistan, thiên tai xảy ra ở diện rộng một số khu vực trên thế giới..., đặc biệt đại dịch Covid-19 lan rộng trên toàn cầu, là những yếu tố tác động mạnh đến dòng khách du lịch quốc tế. Theo Tổ chức Du lịch thế giới (UNWTO), lượng khách du lịch quốc tế năm 2019 ước đạt gần 1,5 tỷ lượt, tăng 3,8% so với năm 2018, cao hơn mức tăng trưởng kinh tế toàn cầu (+3%). Đây là năm tăng trưởng thứ mười liên tiếp kể từ năm 2009. Tuy nhiên, trong giai đoạn 2017-2019, khách du lịch quốc tế trên toàn cầu đang tăng trưởng chậm lại. Năm 2017 tăng 7,0%, năm 2018 giảm xuống còn 5,7%, năm 2019 chỉ tăng 3,8%. giai đoạn 2017-2019, tăng trưởng khách đến châu Mỹ giảm từ 2,3% xuống 2,0%; châu Âu giảm từ 5,8% xuống còn 4,0%. Năm 2019, khu vực châu Á và Thái Bình Dương tăng thấp nhất trong 3 năm qua: 2017 tăng 5,7%; 2018 tăng 7,3% và 2019 tăng 3,7%.

Năm 2019, châu Á và Thái Bình Dương đón 360,6 triệu lượt khách quốc tế, chiếm 24,7% tổng lượng khách quốc tế toàn cầu. Trong bối cảnh hầu hết các khu vực trên thế giới tăng trưởng chậm lại, khu vực châu Á và Thái Bình Dương vẫn duy trì tăng trưởng ở mức 3,7%. Tăng trưởng của châu Á và Thái Bình Dương được thúc đẩy nhờ vào động lực từ khu vực Đông Nam Á (+6,7%) và Nam Á (+7,4%).

Tuy nhiên đại dịch Covid-19 đã nhanh chóng “đóng băng” ngành du lịch thế giới. Theo báo cáo của UNWTO, lượng khách du lịch quốc tế trên toàn cầu trong năm 2020 sụt giảm tới 1,1 tỷ lượt. Tổng thu du lịch toàn cầu mất đi 1,1 nghìn tỷ USD; khoảng 100-120 triệu lao động trong ngành bị mất việc.

Theo dự báo, du lịch quốc tế trên phạm vi toàn cầu chỉ phục hồi lại như trước năm 2019 khi các quốc gia trên thế giới đạt được miễn dịch cộng đồng. Khi dịch bệnh được kiểm soát, ngành du lịch sẽ phát triển mạnh trở lại vào năm 2023 với xu thế tăng trưởng đã được UNWTO dự báo, theo đó đến năm 2030 lượng khách du lịch quốc tế trên phạm vi toàn cầu sẽ đạt 1,8 tỷ lượt khách với tốc độ tăng trưởng trung bình giai đoạn 2010-2030 là 3,3%/năm. Khu vực Châu Á và Thái Bình Dương là khu vực có tốc độ tăng trưởng trung bình cao nhất là 4,9%/năm và đến năm 2030 sẽ đón 535 triệu lượt khách.

Xu hướng du lịch trên thế giới cũng có những thay đổi, theo đó du khách ngày càng quan tâm tới nhu cầu trải nghiệm hướng tới những giá trị mới được thiết lập trên cơ sở giá trị văn hóa truyền thống (tính khác biệt, đặc sắc, nguyên bản), giá trị tự nhiên (tính nguyên sơ, độc đáo), giá trị sáng tạo và công nghệ cao (tính hiện đại, tiện nghi).

Đặc biệt, du lịch chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ngày càng được coi trọng và phổ biến. Phát triển du lịch có trách nhiệm, du lịch sinh thái và du lịch cộng đồng gắn với nông nghiệp, nông thôn vừa là xu hướng vừa là đòi hỏi tất yếu đối với ngành du lịch để thực hiện nguyên tắc và mục tiêu phát triển bền vững.

Ở Việt Nam, du lịch không ngừng phát triển và dần trở thành ngành kinh tế quan trọng có những đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội, tạo sức lan tỏa cho phát triển các ngành và lĩnh vực có liên quan, tạo nhiều việc làm cho xã hội. Tính chung trong giai đoạn 2015-2019, ngành du lịch đạt tốc độ tăng trưởng cao 22,7%. Thành tựu và nỗ lực của du lịch Việt Nam đã được thế giới đánh giá cao, Tổ chức Du lịch thế giới (UNTWO) xếp Việt Nam đứng thứ 6 trong 10 quốc gia có tốc độ tăng trưởng du lịch nhanh nhất thế giới.

Năm 2019, trong bối cảnh du lịch thế giới tăng trưởng chậm lại, du lịch Việt Nam đã vượt qua nhiều khó khăn, đón trên 18 triệu lượt khách quốc tế, phục vụ trên 85 triệu lượt khách du lịch nội địa, tổng thu từ khách du lịch đạt 755 nghìn tỷ đồng (tương đương 32,8 tỷ USD), đóng góp trực tiếp 9,2% GDP, tạo ra 2,9 triệu việc làm, trong đó có 927 nghìn việc làm trực tiếp. Tuy nhiên bước vào năm 2020, du lịch Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng nặng nề dưới ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, năm 2020, khách quốc tế đến Việt Nam chỉ đạt khoảng 3,7 triệu lượt, giảm 79,5% so với 2019; khách nội địa đạt 56 triệu lượt, giảm 34,1%; tổng thu du lịch đạt 312 nghìn tỷ đồng, giảm 58,7% - mức giảm tương đương 19 tỷ USD. Khoảng 40-60% lao động bị mất việc làm hoặc cắt giảm ngày công. Khoảng 95% doanh nghiệp lữ hành quốc tế đã ngừng hoạt động. Nhiều khách sạn phải đóng cửa, công suất sử dụng phòng có thời điểm chỉ đạt từ 10-15%. Dự báo du lịch Việt Nam sẽ phục hồi và lấy lại đà tăng trưởng vào năm 2023 khi dịch bệnh được kiểm soát.

Với những tiềm năng to lớn và những đóng góp tích cực của du lịch cho phát triển kinh tế - xã hội của Đất nước, vai trò của ngành du lịch ngày càng được nâng lên và được khẳng định tại Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn. Quan điểm chỉ đạo này của Đảng, đã được thể hiện xuyên suốt trong Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22/01/2020. Đây sẽ là những chính sách nền tảng quan trọng tạo điều kiện cho du lịch vượt qua “khủng hoảng” do đại dịch Covid-19 tiếp tục phát triển và để Việt Nam sớm trở thành một trong những điểm đến hàng đầu không chỉ của khu vực mà còn của Châu Á và quốc tế trong giai đoạn phát triển mới đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Căn cứ xác định mục tiêu, định hướng phát triển

– Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; Chương trình hành động số 55-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn;

– Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 22/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 2350/QĐ-TTg ngày 24/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng duyên hải Nam Trung Bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;
- Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030;
- Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược phát triển Du lịch Việt Nam đến năm 2030;
- Quyết định số 2714/QĐ-BVHTTDL ngày 03/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt Đề án Chiến lược phát triển sản phẩm du lịch Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Định lần thứ XX;
- Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 14/05/2021 của Tỉnh ủy Bình Định thực hiện Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về phát triển du lịch tỉnh Bình Định trở thành ngành kinh tế mũi nhọn giai đoạn 2020-2025;
- Quyết định số 2140/QĐ-UBND ngày 23/06/2016 của UBND tỉnh Bình Định phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Bình Định đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;
- Quyết định số 4772/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh Bình Định Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị Khóa XII về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

3. Quan điểm và mục tiêu phát triển du lịch

3.1. Quan điểm phát triển

Trên cơ sở các quan điểm chung của Chiến lược phát triển du lịch Việt nam đến năm 2030, Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam và vùng Duyên hải Nam Trung Bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; căn cứ các đặc điểm riêng của địa phương, quan điểm đối với phát triển du lịch tỉnh Bình Định trong giai đoạn tới đây bao gồm:

- Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; du lịch chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu GDP, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.
- Phát triển du lịch theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, có trọng tâm, trọng điểm; chú trọng phát triển theo chiều sâu đảm bảo chất lượng và hiệu quả, khẳng định thương hiệu và khả năng cạnh tranh.
- Phát triển đồng thời cả du lịch nội địa và du lịch quốc tế trong đó ưu tiên du lịch nội địa, từng bước phát triển du lịch quốc tế .
- Phát triển du lịch bền vững gắn chặt với việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc; giữ gìn cảnh quan, bảo vệ môi trường; bảo đảm an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội.

– Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động mọi nguồn lực cả trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển du lịch; phát huy có hiệu quả tiềm năng, lợi thế và tính đặc trưng của địa phương; tăng cường liên kết phát triển du lịch.

3.2. Mục tiêu phát triển

3.2.1. Mục tiêu chung

Phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn, tạo động lực thúc đẩy các ngành kinh tế, lĩnh vực khác cùng phát triển, góp phần tích cực vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh. Đưa Bình Định trở thành trung tâm du lịch vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, điểm đến du lịch đẳng cấp, hiện đại, xanh, an toàn và thân thiện.

3.2.2. Mục tiêu cụ thể

– Năm 2025: Bình Định đón 1,2 triệu lượt khách du lịch quốc tế và 7,0 triệu lượt khách du lịch nội địa; tổng thu từ khách du lịch đạt 21.010 tỷ đồng, đóng góp 13.750 tỷ đồng vào GRDP của tỉnh; có tổng số 14.000 buồng lưu trú với 20 - 35% đạt chuẩn từ 3 đến 5 sao; tạo ra 58.800 việc làm trong đó có 19.600 lao động trực tiếp.

– Năm 2030: Bình Định đón 2,3 triệu lượt khách du lịch quốc tế và 9,5 triệu lượt khách du lịch nội địa; tổng thu từ khách du lịch đạt 49.320 tỷ đồng, đóng góp 32.500 tỷ đồng vào GRDP của tỉnh; có tổng số 20.500 buồng lưu trú với 25 - 30% đạt chuẩn từ 3 đến 5; tạo ra 98.400 việc làm trong đó có 32.800 lao động trực tiếp.

– Năm 2050: Bình Định đón 8,0 triệu lượt khách du lịch quốc tế và 22,0 triệu lượt khách du lịch nội địa; tổng thu từ khách du lịch đạt 300.500 tỷ đồng, đóng góp 187.500 tỷ đồng vào GRDP của tỉnh.

4. Các định hướng phát triển

4.1. Dự báo các chỉ tiêu phát triển ngành

4.1.1. Căn cứ dự báo

Dự báo mức độ tăng trưởng các chỉ tiêu du lịch chủ yếu của Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được dựa trên những căn cứ cụ thể sau:

– Nghị quyết 08 - NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

– Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

– Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20/5/2021 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

– Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030, trong đó đã xác định các mục tiêu, các quan điểm phát triển và các định hướng phát triển cụ thể cho các vùng, các địa bàn động lực, các khu du lịch quốc gia, các điểm du lịch của cả nước.

– Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”, trong đó Khu du lịch Phương Mai được định hướng phát triển thành khu du lịch quốc gia, có ý nghĩa quan trọng được ưu tiên đầu tư phát triển.

– Quyết định số 2350/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ việc phê duyệt "Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng duyên hải Nam Trung Bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030", theo đó đã xác định các chỉ tiêu cơ bản, các sản phẩm du lịch đặc thù cho mỗi địa phương trong vùng; đồng thời đã xác định thành phố Quy Nhơn cùng với các thành phố Đà Nẵng, Tuy Hòa, Nha Trang, Phan Thiết tạo thành một chuỗi đô thị du lịch biển với các sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng biển đảo hấp dẫn bậc nhất cả nước, có vị trí chiến lược quan trọng trong phát triển du lịch Việt Nam...

– Quyết định số 1129/QĐ-TTg ngày 27/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển kinh tế ban đêm ở Việt Nam, trong đó xác định các đô thị lớn, các trung tâm du lịch có vai trò quan trọng hàng đầu trong định hướng phát triển kinh tế đêm.

– Chiến lược phát triển sản phẩm du lịch Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã được Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt tại Quyết định số 2714/QĐ-BVHTTDL ngày 03/8/2016, theo đó đã xác định các sản phẩm du lịch đặc thù có thể mạnh cạnh tranh của Việt Nam theo các vùng, miền, đặc biệt là sản phẩm du lịch sinh thái nghỉ dưỡng biển đảo – một trong những thế mạnh của du lịch Bình Định.

– Tiềm năng du lịch đa dạng và phong phú của tỉnh Bình Định, trong đó những tài nguyên có giá trị đặc biệt đối với phát triển du lịch là Khu du lịch quốc gia Phương Mai; bãi biển Quy Nhơn, thắng cảnh Ghềnh Ráng Tiên Sa, Eo Gió, Cù Lao Xanh, thắng cảnh Hàm Hồ, Đầm Thị Nại, thắng cảnh Mũi Vi Rồng; các di tích văn hóa lịch sử (Tháp Đôi, Tháp Dương Long, Tháp Bánh Ít, Bảo tàng Vua Quang Trung, Đền tế trời Tây Sơn, Thành cổ Hoàng Đế...).

– Hiện trạng mức độ tăng trưởng của dòng khách du lịch (cả quốc tế và nội địa) đến tỉnh Bình Định, đến vùng duyên hải Nam Trung Bộ và cả nước; đặc biệt xu thế của dòng khách du lịch nghỉ dưỡng biển dài ngày; du lịch tham quan, nghiên cứu, sinh thái; du lịch văn hóa cộng đồng; du lịch MICE... ngày càng phát triển.

– Kết quả hoạt động du lịch thời kỳ 2015 - 2021 của vùng duyên hải Nam Trung Bộ và cả nước nói chung, của tỉnh Bình Định nói riêng có tính đến tác động của đại dịch Covid-19; đặc biệt là hiện trạng phát triển của hệ thống cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch chất lượng cao (FLC Luxury Resort Quy Nhơn, FLC Quy Nhơn Golf Links, FLC Zoo Safari Park Quy Nhơn...) trên địa bàn tỉnh Bình Định.

– Xu hướng, thị hiếu, nhu cầu... của các thị trường khách du lịch trong nước và quốc tế trong bối cảnh mới, đặc biệt trong bối cảnh đại dịch Covid - 19 đang bùng phát trên toàn thế giới đã và đang tác động mạnh mẽ đến ngành du lịch toàn cầu. Trong bối cảnh đó, ngành du lịch cả nước đang tái cấu trúc lại các thị trường và sản phẩm du lịch, đặc biệt hướng đến các sản phẩm du lịch mới phù hợp.

4.1.2. Luận chứng các phương án phát triển

Căn cứ Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, theo đó đến năm 2025, Việt Nam sẽ đón 35 triệu lượt khách quốc tế, 120 triệu lượt khách du lịch nội địa, tổng thu du lịch đạt 1.700 - 1.800 nghìn tỷ đồng (tương đương 77 - 80 tỷ USD), đóng góp trực tiếp 12 - 14% vào tổng GDP cả nước, tạo ra 5,5 - 6,0 triệu việc làm (trong đó có 2,0 triệu việc làm trực tiếp). Tuy nhiên năm 2020, đại dịch Covid-19 đã bùng phát, ảnh hưởng nghiêm trọng đến du lịch.

Trước tình hình đó, du lịch Việt Nam nói chung và du lịch Bình Định nói riêng cần có dự báo để có những phương án phù hợp với 3 phương án sau:

– *Phương án 1 (phương án phát triển thấp)*: Trong năm 2021, thế giới chưa kiểm soát được dịch bệnh Covid-19, các luồng khách du lịch quốc tế trên thế giới tiếp tục bị phong tỏa, Việt Nam chưa thể mở cửa trở lại để đón khách du lịch quốc tế... Tuy nhiên, miễn dịch cộng đồng sẽ đạt được vào đầu năm 2023. Như vậy cuối năm 2023 và những năm tiếp theo, hoạt động du lịch quốc tế sẽ dần phục hồi và ổn định trở lại.

Theo phương án này thì đến năm 2023 - 2024 khách du lịch đến Bình Định mới có thể cơ bản phục hồi được như năm 2019; Thời kỳ 2019 - 2025 tốc độ tăng trưởng trung bình của khách du lịch quốc tế đến Bình Định là 12,9%/năm và khách du lịch nội địa là 7,0%/năm; Thời kỳ 2025 - 2030, các chỉ tiêu tương ứng là 13,7%/năm và 6,0%/năm; Thời kỳ 2031 - 2040 là 7,7%/năm và 4,5%/năm; Thời kỳ 2041- 2050 là 4,5%/năm và 3,5%/năm. Phương án này là khả thi, tuy nhiên chưa phù hợp với định hướng Chiến lược, vì vậy đây sẽ là phương án so sánh và tham khảo.

– *Phương án 2 (phương án phát triển trung bình)*: Trong năm 2022, thế giới cơ bản kiểm soát được dịch bệnh Covid-19; phần lớn các quốc gia đạt được miễn dịch cộng đồng; các luồng khách du lịch quốc tế phục hồi. Như vậy ngay từ đầu hoặc giữa năm năm 2023, du lịch quốc tế sẽ “bùng nổ” và tăng trưởng mạnh trở lại và phục hồi như thời điểm 2019 vào năm 2024 - 2025.

Trong năm 2021, Việt Nam cố gắng kiểm soát Covid-19 với việc đẩy nhanh tiêm vắc xin cho toàn dân, ngành du lịch tích cực triển khai nhiều chương trình kích cầu du lịch, du lịch nội địa có cơ sở để phục hồi vào năm 2022 và tăng nhanh trong những năm tiếp theo.

Với phương án này thì khách du lịch quốc tế đến tỉnh Bình Định được tính toán theo bối cảnh chung của cả nước với tốc độ tăng trưởng cao hơn hiện nay, khi mà dịch bệnh được kiểm soát tốt, nền kinh tế phát triển ổn định, đầu tư cho du lịch được tăng cường cả về lượng và chất, bắt đầu tạo ra những sản phẩm và dịch vụ du lịch có chất lượng cao, đủ khả năng cạnh tranh. Theo phương án này thì đến năm 2022 - 2023 khách du lịch đến Bình Định mới có thể cơ bản phục hồi được như năm 2019; Thời kỳ 2019 - 2025 tốc độ tăng trưởng trung bình của khách du lịch quốc tế đến Bình Định là 16,3%/năm và khách du lịch nội địa là 8,3%/năm; Thời kỳ 2025 - 2030, các chỉ tiêu tương ứng là 13,9%/năm và 6,3%/năm; Thời kỳ 2031 - 2040 là 8,1%/năm và 4,7%/năm; Thời kỳ 2041- 2050 là 4,8% và 3,6%/năm. Phương án này phù hợp với Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030; đồng thời cũng phù hợp với vị trí của ngành du lịch trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Định mà Nghị quyết Đại hội

đại biểu Đảng bộ Tỉnh lần thứ XX nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã đề ra., vì vậy được chọn để tính toán dự báo.

– *Phương án 3 (phương án phát triển cao)*: Được tính toán với tốc độ phát triển cao hơn phương án 2 trong bối cảnh dịch bệnh đã được kiểm soát hoàn toàn trên phạm vi toàn thế giới và trong điều kiện thuận lợi của mối quan hệ quốc tế và khả năng đảm bảo cho việc đầu tư đồng bộ về kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật chuyên ngành, đặc biệt đầu tư vào những dự án ưu tiên. Theo phương án này thì đến năm 2022 khách du lịch đến Bình Định mới có thể cơ bản phục hồi được như năm 2019; Thời kỳ 2019 - 2025 tốc độ tăng trưởng trung bình của khách du lịch quốc tế đến Bình Định là 20,7%/năm và khách du lịch nội địa là 9,5%/năm; Thời kỳ 2025 - 2030, các chỉ tiêu tương ứng là 14,1%/năm và 6,6%/năm; Thời kỳ 2031 - 2040 là 8,4%/năm và 5,1%/năm; Thời kỳ 2041- 2050 là 5,0%/năm và 4,0%/năm.

4.1.3. Dự báo các chỉ tiêu phát triển cụ thể

4.1.3.1. Khách du lịch

a. Khách du lịch quốc tế

Khách du lịch quốc tế đến tỉnh Bình Định theo nhiều hướng khác nhau. Trước hết là đến trực tiếp thông qua các đường bay quốc tế qua cảng hàng không quốc tế Phù Cát; tiếp theo là đến từ các cảng hàng không nội địa, nhưng chủ yếu là từ các trung tâm du lịch lớn của cả nước như Hà Nội (cảng hàng không Nội Bài), Quảng Ninh (cảng hàng không Vân Đồn), TP.Hải Phòng (cảng hàng không Cát Bi), TP.Hồ Chí Minh (cảng hàng không Tân Sơn Nhất), TP.Cần Thơ (cảng hàng không Cần Thơ), TP.Phú Quốc (cảng hàng không Phú Quốc)... Ngoài ra, còn một bộ phận khách quốc tế đến Bình Định thông qua các tuyến du lịch quốc gia theo đường bộ, đường sắt (đặc biệt theo tuyến du lịch xuyên Việt). Trong những năm tới, khi hệ thống giao thông vận tải được đầu tư xây dựng và hoàn thiện, đặc biệt là tuyến cao tốc Bắc - Nam, tuyến đường ven biển, các tuyến đường nhánh nối lên Tây Nguyên; tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam được đầu tư nâng cấp, xây dựng mới và mở rộng toàn tuyến..., thì khả năng khách du lịch quốc tế đến Bình Định sẽ tăng nhanh.

Mặc dù, trong thời kỳ 2015 - 2019, khách du lịch quốc tế đến Bình Định tăng trưởng tương đối cao (đạt 24,0%/năm), nhưng do đại dịch Covid - 19 đã và đang bùng phát trên toàn thế giới, nên đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến các luồng khách du lịch quốc tế đi lại trên phạm vi toàn cầu, trong đó có Việt Nam và Bình Định. Do vậy, năm 2020 khách quốc tế đến Bình Định đã giảm tới gần 73,7% so với năm 2019.

Trong năm 2021, trước tình hình diễn biến của đại dịch Covid - 19 vẫn còn đang diễn ra rất phức tạp và khó lường trên phạm vi toàn thế giới và ở Việt Nam, chưa biết đến khi nào mới kiểm soát được hoàn toàn và trở lại trạng thái bình thường như trước đây. Tuy nhiên, hiện nay nhiều nước trên thế giới đang tích cực tiêm phòng vắc xin cho người dân, Việt Nam và Bình Định cũng đang nỗ lực triển khai chiến dịch tiêm vắc xin trên diện rộng cho toàn dân để hướng tới miễn dịch trong cộng đồng. Một số nước đã bắt đầu mở cửa trở lại cho du lịch quốc tế đối với những đối tượng đã được tiêm vắc xin và có kết quả xét nghiệm âm tính với Covid - 19. Chiến dịch “*Hộ chiếu vắc xin*” và

“Combo du lịch vắc xin” (bao gồm cả tiêm phòng vắc xin, điều kiện cách li...) đang được áp dụng ở một số quốc gia. Việt Nam cũng đang xây dựng mô hình thí điểm đón khách quốc tế đến Phú Quốc, Nha Trang vào cuối năm 2021, nếu thành công sẽ nhân rộng mô hình. Với những nỗ lực trên, trong cuối năm 2022 và những năm tiếp theo, các luồng khách du lịch quốc tế đi lại trên thế giới dần dần được phục hồi. Trong bối cảnh chung đó, Việt Nam nói chung và Bình Định nói riêng sẽ có nhiều cơ hội đón khách du lịch quốc tế. Tuy nhiên, thời kỳ trước mắt 2022 - 2023 sẽ gia tăng so với năm 2020, nhưng chậm hơn so với thời kỳ trước 2014 - 2019.

Bước sang thời kỳ 2024 - 2025 và những năm tiếp theo, khi đại dịch Covid-19 cơ bản được đẩy lùi thì du lịch quốc tế nói chung sẽ “bùng nổ” và tăng trưởng mạnh trở lại. Lúc đó, các chỉ tiêu của du lịch Việt Nam đã được xác định trong Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 có khả năng trở thành hiện thực. Trong bối cảnh đó thì khách du lịch quốc tế đến Bình Định cũng sẽ tăng nhanh.

Trong bối cảnh quốc tế có nhiều biến động do đại dịch Covid - 19, Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 cũng đã được điều chỉnh các chỉ tiêu phát triển cho phù hợp. Theo đó, năm 2025 cả nước sẽ đón được 20 triệu lượt khách quốc tế, đến năm 2030 đạt 35 triệu lượt (theo phương án chọn). Giai đoạn 2014 - 2019, khách du lịch quốc tế đến Bình Định chiếm khoảng 0,8 - 1,0% tổng số khách đi lại giữa các tỉnh, thành phố trong cả nước (năm 2019 chiếm xấp xỉ 1,0%). Căn cứ vào hiện trạng phát triển cũng như vị trí của Bình Định trong tổng thể vùng và cả nước..., dự báo trong giai đoạn tới khách quốc tế đến Bình Định chiếm khoảng 2,0 - 3,0% tổng số khách đi lại của cả nước. Như vậy, căn cứ vào phân tích tình hình bối cảnh trên, căn cứ vào thực tế hiện nay ở Bình Định và cả nước, có thể dự báo đến năm 2025 Bình Định sẽ đón được 1,2 - 1,5 triệu lượt khách quốc tế (chiếm 1,7 - 2,0 cả nước); đến năm 2030 đạt 2,3 - 2,9 triệu lượt khách (chiếm 2,0 - 2,5 cả nước); và đến năm 2050 sẽ đạt được khoảng 8,0 - 10,0 triệu lượt khách quốc tế (chiếm khoảng trên dưới 2,5 - 3,0% cả nước).

b. Khách du lịch nội địa

Cũng như đối với khách du lịch quốc tế, khách du lịch nội địa đến Bình Định trong những năm qua tăng trưởng ở mức tương đối cao (đạt khoảng 16,1%/năm thời kỳ 2015 - 2019). Từ khi đại dịch Covid - 19 bùng phát từ đầu năm 2020 đến nay, Chính phủ đã phải nhiều lần ban hành các chỉ thị phong tỏa, giãn cách xã hội để thực hiện phòng chống dịch. Trong bối cảnh đó, các chuyến bay đường không trong nước, vận chuyển bằng đường bộ, đường sắt bị hạn chế và có thời điểm phải dừng hoạt động; nhiều công ty du lịch lữ hành, nhiều khách sạn và các cơ sở dịch vụ du lịch phải ngừng hoạt động..., nên các hoạt động du lịch trong nước cũng bị ngưng trệ và ảnh hưởng nghiêm trọng đến thị trường khách du lịch nội địa đến Bình Định (năm 2020 giảm trên dưới 45% so với năm 2019).

Tuy nhiên, hiện nay Việt Nam nói chung và Bình Định nói riêng đang nỗ lực kiểm soát dịch bệnh Covid - 19, trong đó tích cực triển khai chiến dịch tiêm vắc xin với quy mô lớn trên diện rộng cho toàn dân và bước đầu đã đạt hiệu quả tương đối tốt. Bên cạnh đó, Ngành Du lịch cả nước đang có nhiều chương trình kích cầu du lịch nội địa với phương châm “Người Việt Nam đi du lịch Việt Nam”; đặc biệt đang triển khai chương

trình, kế hoạch hành động và các điều kiện cần thiết để đón và phục vụ khách du lịch nội địa trở lại vào những tháng cuối năm 2021. Đây sẽ là cơ hội, là điều kiện để các địa phương, các doanh nghiệp du lịch thu hút và phục vụ hàng chục triệu người dân đi du lịch trong nước. Trong bối cảnh hiện nay, chắc chắn những tháng cuối năm 2021 và những năm tiếp theo, du lịch nội địa cả nước nói chung và tỉnh Bình Định nói riêng sẽ tăng trưởng trở lại và phục hồi nhanh chóng.

Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 cũng đã được điều chỉnh chỉ tiêu về khách du lịch nội địa. Theo đó, năm 2025 cả nước sẽ đón được trên 100 triệu lượt khách nội địa, và đến năm 2030 đạt 150 triệu lượt (theo phương án chọn). Hiện nay, khách du lịch nội địa đến Bình Định chỉ chiếm khoảng 5,0 - 7,0% tổng số lượt khách nội địa của cả nước (năm 2019 chiếm 5,1%). Căn cứ vào hiện trạng phát triển cũng như vị trí của Bình Định trong tổng thể vùng và cả nước..., dự báo hàng năm khách nội địa đến Bình Định chiếm khoảng 6,0 - 8,0% tổng số khách đi lại của cả nước. Như vậy, căn cứ vào phân tích tình hình bối cảnh trên, căn cứ vào thực tế hiện nay ở Bình Định và cả nước, có thể dự báo đến năm 2025 Bình Định sẽ đón được 6,5 - 7,5 triệu lượt khách nội địa (chiếm 6,2 - 7,1 % cả nước); đến năm 2030 đạt 9,5 - 10,3 triệu lượt khách (chiếm 6,5 - 7,5 cả nước); và đến năm 2050 sẽ đạt được khoảng trên dưới 22,0 triệu lượt khách nội địa (chiếm khoảng trên dưới 8,0% cả nước).

Bảng 4: Dự báo khách du lịch đến Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Phương án	Loại khách	Hạng mục	2019 (*)	2025	2030	2040	2050
Phương án 1	Khách quốc tế	Tổng số lượt khách (nghìn)	484,0	1.000	1.900	4.000	6.200
		Ngày lưu trú trung bình (ngày)	3,5	3,6	3,8	4,0	4,5
		Tổng số ngày khách (nghìn)	1.694,0	3.600	7.200	16.000	27.900
	Khách nội địa	Tổng số lượt khách (nghìn)	4.345,0	6.500	8.700	13.500	19.000
		Ngày lưu trú trung bình (ngày)	2,5	2,6	2,8	3,0	3,5
		Tổng số ngày khách (nghìn)	10.862,5	16.900	24.400	40.500	66.500
Phương án 2	Khách quốc tế	Tổng số lượt khách (nghìn)	484,0	1.200	2.300	5.000	8.000
		Ngày lưu trú trung bình (ngày)	3,5	3,6	3,8	4,0	4,5
		Tổng số ngày khách (nghìn)	1.694,0	4.300	8.700	20.000	36.000
	Khách nội địa	Tổng số lượt khách (nghìn)	4.345,0	7.000	9.500	15.000	22.000
		Ngày lưu trú trung bình (ngày)	2,5	2,6	2,8	3,0	3,5
		Tổng số ngày khách (nghìn)	10.862,5	18.200	26.600	45.000	77.000
Phương án 3	Khách quốc tế	Tổng số lượt khách (nghìn)	484,0	1.500	2.900	6.500	10.500
		Ngày lưu trú trung bình (ngày)	3,5	3,6	3,8	4,0	4,5
		Tổng số ngày khách (nghìn)	1.694,0	5.400	11.000	26.000	47.200
	Khách nội địa	Tổng số lượt khách (nghìn)	4.345,0	7.500	10.300	16.800	24.800
		Ngày lưu trú trung bình (ngày)	2,5	2,6	2,8	3,0	3,5
		Tổng số ngày khách (nghìn)	10.862,5	19.500	28.800	50.400	86.800

Nguồn: - () Số liệu hiện trạng của Sở Du lịch Bình Định.
Các số liệu còn lại: Dự báo của Viện Du lịch bền vững Việt Nam.*

4.1.3.2. Tổng thu từ du lịch, giá trị GRDP và nhu cầu vốn đầu tư du lịch

a. Tổng thu từ du lịch

Tổng thu từ du lịch bao gồm tất cả các nguồn thu do khách du lịch chi trả trong thời gian đi du lịch ở một địa phương, đó là nguồn thu từ dịch vụ lưu trú và ăn uống; từ dịch vụ vận chuyển khách du lịch; dịch vụ lữ hành và tư vấn du lịch; mua sắm hàng hóa; từ các dịch vụ khác như Bưu điện, Ngân hàng, Y tế, Bảo hiểm, dịch vụ vui chơi giải trí... Trên thực tế, tất cả các nguồn thu này không phải do ngành du lịch trực tiếp thu mà còn do nhiều ngành khác và các tổ chức (cá nhân) khác có tham gia các hoạt động du lịch thu. Ngoài ra còn có một số ngành dịch vụ khác không những phục vụ người dân địa phương, mà còn phục vụ cho cả khách du lịch (ví dụ dịch vụ y tế, ngân hàng, bưu điện, phim ảnh, giao thông công cộng, bảo hiểm, ca múa nhạc...). Trong những trường hợp này, một phần chi tiêu của khách du lịch do các ngành khác trực tiếp thu.

Ở Việt Nam nói chung và tỉnh Bình Định nói riêng, hệ thống thống kê chưa được hoàn chỉnh. Chính vì lẽ đó mà theo thống kê sự đóng góp của ngành du lịch trong nền kinh tế nói chung còn thấp. Ngược lại, trên thực tế có những doanh nghiệp du lịch tham gia kinh doanh tổng hợp, kinh doanh xuất nhập khẩu, kinh doanh bất động sản..., nhưng nguồn thu nhập này lại được tính vào tổng thu cho ngành du lịch. Xuất phát từ tình hình thực tế như vậy, công tác thống kê tổng thu từ du lịch thuần túy ở các địa phương trong cả nước (trong đó có tỉnh Bình Định) còn khó khăn. Hơn nữa, trong cơ chế nền kinh tế thị trường, nhiều thành phần kinh tế đều tham gia các hoạt động du lịch. Trong bối cảnh như vậy, việc thống kê tổng thu từ du lịch của các thành phần kinh tế kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh Bình Định chưa phản ánh đúng thực trạng và bản chất về chỉ tiêu tổng thu từ du lịch của tỉnh Bình Định.

Trong bối cảnh như vậy, việc thống kê, tính toán và dự báo tổng thu từ du lịch của tỉnh Bình Định nói riêng và cả nước nói chung sẽ được dựa trên tổng số lượt khách đến (khách có lưu trú, khách tham quan trong ngày), số ngày lưu trú trung bình trên địa bàn và khả năng chi tiêu trung bình trong 1 ngày của mỗi khách du lịch (đối với cả khách lưu trú và khách tham quan trong ngày).

Hiện nay, khách du lịch đến Bình Định chi tiêu còn tương đối thấp do các sản phẩm du lịch chưa phong phú, chất lượng chưa cao... Năm 2019, trung bình một khách du lịch quốc tế đến Bình Định chi tiêu mỗi ngày khoảng 1.200.000 đồng (tương đương 48USD); còn đối với mỗi khách nội địa chi tiêu trong một ngày khoảng xấp xỉ 400.000 đồng (tương đương 16USD). Trong những năm tới, khi các sản phẩm và dịch vụ du lịch phong phú, đa dạng, chất lượng được nâng cao thì mức độ chi tiêu của khách du lịch (cả quốc tế và nội địa) cũng dần dần được tăng lên. Dự kiến mức chi tiêu trung bình một ngày của một khách du lịch đến Bình Định như sau:

Bảng 5: Dự kiến mức chi tiêu trung bình một ngày của khách du lịch tại Bình Định

	Năm 2019:	Khách quốc tế:		Khách nội địa:	
Giai đoạn	2021-2025	Khách quốc tế:	1.500.000đ;	Khách nội địa:	800.000đ
Giai đoạn	2026-2030	Khách quốc tế:	2.000.000đ;	Khách nội địa:	1.200.000đ
Giai đoạn	2031-2040	Khách quốc tế:	2.500.000đ;	Khách nội địa:	2.000.000đ

	Năm 2019:	Khách quốc tế:		Khách nội địa:	
Giai đoạn	2041-2050	Khách quốc tế:	3.000.000đ;	Khách nội địa:	2.500.000đ

Căn cứ vào số lượt khách, ngày lưu trú trung bình và mức chi tiêu của khách, tổng thu từ du lịch của Bình Định trong từng giai đoạn được tính toán ở Bảng 6:

Bảng 6: Dự báo tổng thu từ du lịch của tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Phương án	Nguồn thu du lịch	2019 (*)	2025	2030	2040	2050
Phương án 1	Thu từ khách du lịch quốc tế	2.032,8	5.400,0	14.400,0	40.000,0	83.700,0
	Thu từ khách du lịch nội địa	3.967,2	13.520,0	29.280,0	81.000,0	166.250,0
	Tổng cộng	6.000,0	18.920,0	43.680,0	121.000,0	249.950,0
Phương án 2	Thu từ khách du lịch quốc tế	2.032,8	6.450,0	17.400,0	50.000,0	108.000,0
	Thu từ khách du lịch nội địa	3.967,2	14.560,0	31.920,0	90.000,0	192.500,0
	Tổng cộng	6.000,0	21.010,0	49.320,0	140.000,0	300.500,0
Phương án 3	Thu từ khách du lịch quốc tế	2.032,8	8.100,0	22.000,0	65.000,0	141.600,0
	Thu từ khách du lịch nội địa	3.967,2	15.600,0	34.560,0	100.800,0	217.000,0
	Tổng cộng	6.000,0	23.700,0	56.560,0	165.800,0	358.600,0

Nguồn: - () Số liệu hiện trạng của Sở Du lịch Bình Định.
Các số liệu còn lại: Dự báo của Viện Du lịch bền vững Việt Nam.*

b. Giá trị GRDP và nhu cầu vốn đầu tư du lịch

Căn cứ trên các số liệu dự báo về khách du lịch (quốc tế và nội địa) cũng như tổng thu từ du lịch của tỉnh Bình Định, sau khi trừ chi phí trung gian (dịch vụ lưu trú: 10 - 15%; dịch vụ ăn uống: 60 - 65%; dịch vụ vận chuyển du lịch: 20 - 25%; bán hàng hóa lưu niệm: 65 - 70%; các dịch vụ khác: 15 - 20%; tính trung bình khoảng 30 - 35% tổng thu từ du lịch), khả năng đóng góp của ngành du lịch trong tổng GRDP của Bình Định được trình bày ở Bảng 3.

Nhu cầu vốn đầu tư trong từng thời kỳ được xác định dựa trên tổng giá trị GRDP đầu và cuối kỳ, và hệ số ICOR là chỉ số xác định hiệu quả của việc đầu tư. Đối với tỉnh Bình Định, hệ thống kết cấu hạ tầng xã hội đã được đầu tư tương đối đồng bộ, cơ bản đáp ứng cho du lịch phát triển. Việc đầu tư cho du lịch giai đoạn 2021 - 2030 và những năm tiếp theo chủ yếu tập trung vào các sản phẩm và dịch vụ du lịch, đầu tư vào hệ thống CSVCKT du lịch, đầu tư cho công tác đào tạo nguồn nhân lực du lịch, cho công tác XTQB du lịch, cho công tác bảo tồn tài nguyên và môi trường..., do vậy hiệu quả đầu tư sẽ cao hơn (hệ số ICOR sẽ thấp).

Bảng 7: Dự báo chỉ tiêu GRDP và nhu cầu đầu tư cho du lịch Bình Định giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

(Theo tỷ giá giá: 1USD = 25.000 đ)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2019 (*)	2025	2030	2040	2050
1. Tổng giá trị GRDP ngành du lịch						

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2019 ^(*)	2025	2030	2040	2050
Phương án 1	Tỷ đồng VN	4.200,0	12.500,0	27.500,0	72.500,0	150.000,0
	Triệu USD	168,0	500,0	1.100,0	2.900,0	6.000,0
Phương án 2	Tỷ đồng VN	4.200,0	13.750,0	32.500,0	90.000,0	187.500,0
	Triệu USD	168,0	550,0	1.300,0	3.600,0	7.500,0
Phương án 3	Tỷ đồng VN	4.200,0	15.000,0	36.250,0	102.500,0	217.500,0
	Triệu USD	168,0	600,0	1.450,0	4.100,0	8.700,0
2. Tốc độ tăng trưởng GRDP du lịch						
Phương án 1	%/năm	-	19,9	17,1	10,1	7,5
Phương án 2	%/năm	-	21,8	18,7	10,7	7,7
Phương án 3	%/năm	-	23,6	19,3	11,0	7,9
3. Hệ số ICOR du lịch		-	3,0	2,5	2,2	2,0
4. Tổng nhu cầu đầu tư cho du lịch						
Phương án 1	Tỷ đồng VN	-	25.000,0	37.500,0	100.000,0	155.000,0
	Triệu USD	-	1.000,0	1.500,0	4.000,0	6.200,0
Phương án 2	Tỷ đồng VN	-	28.750,0	45.000,0	126.500,0	195.000,0
	Triệu USD	-	1.150,0	1.800,0	5.060,0	7.800,0
Phương án 3	Tỷ đồng VN	-	32.500,0	52.500,0	145.000,0	230.000,0
	Triệu USD	-	1.300,0	2.100,0	5.800,0	9.200,0

Nguồn - Dự báo của Viện Du lịch bền vững Việt Nam.

- (*) Số liệu hiện trạng của Sở Du lịch Bình Định

Căn cứ vào các chỉ tiêu về đầu tư du lịch của cả nước và vùng duyên hải Nam Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, dự kiến hệ số ICOR đầu tư cho du lịch tỉnh Bình Định là 3,0 cho thời kỳ đến năm 2025; là 2,5 cho thời kỳ 2026 - 2030; là 2,2 cho thời kỳ 2031 - 2040; và là 2,0 cho thời kỳ 2041 - 2050. Như vậy, nhu cầu về đầu tư cho du lịch Bình Định giai đoạn 2021 - 2030 khoảng 73.750 tỷ đồng, tương đương 2,95 tỷ USD (theo phương án chọn). Nguồn vốn ngân sách Nhà nước (cả trung ương và địa phương) chủ yếu chỉ tập trung đầu tư cho cơ sở hạ tầng, bảo tồn nâng cấp các di tích lịch sử văn hóa, bảo vệ môi trường, cho công tác tuyên truyền quảng bá du lịch... Còn vốn đầu tư cho việc phát triển sản phẩm du lịch; xây dựng khách sạn, nhà hàng, các khu du lịch, các khu vui chơi giải trí, các cơ sở dịch vụ du lịch khác... thì phải huy động từ các nguồn xã hội hóa (vốn vay ngân hàng, vốn trong dân, vốn liên doanh liên kết...).

Bảng 8: Dự kiến các nguồn vốn đầu tư cho du lịch Bình Định thời kỳ đến năm 2030 (Phương án chọn)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Số TT	Nguồn vốn	Thời kỳ đến 2025	Thời kỳ 2026 - 2030
1.	Vốn từ ngân sách (đầu tư cho CSHT, bảo tồn, quảng bá, bảo vệ môi trường... 10%)	2.875,000	4.500,000
2.	Vốn xã hội hóa (90%)	25.875,000	40.500,000
2.1.	- Vốn tích lũy của các doanh nghiệp du lịch để tái đầu tư (10%)	2.875,000	4.500,000
2.2.	- Vốn vay ngân hàng và các nguồn khác (10%)	2.875,000	4.500,000
2.3.	- Vốn tư nhân (10%)	2.875,000	4.500,000
2.4.	- Vốn liên doanh, liên kết (60%)	17.250,000	27.000,000
Tổng cộng 100%		28.750,000	45.000,000

Nguồn: Dự báo của Viện Du lịch bền vững Việt Nam.

4.1.3.3. Cơ sở lưu trú du lịch

Để đảm bảo nhu cầu về cơ sở lưu trú cho khách du lịch đến Bình Định từ nay đến năm 2030 và giai đoạn tiếp theo, việc dự báo và đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở lưu trú du lịch là một yêu cầu rất quan trọng. Nhu cầu về cơ sở lưu trú du lịch được xác định dựa trên số lượng khách, số ngày lưu trú của khách, công suất sử dụng buồng trung bình, số khách lưu trú chung trong một buồng.

Căn cứ vào các chỉ tiêu dự báo về khách du lịch, ngày lưu trú trung bình..., dự báo về nhu cầu cơ sở lưu trú du lịch của Bình Định giai đoạn 2021 - 2030 được đưa ra ở Bảng 9:

Bảng 9: Dự báo nhu cầu cơ sở lưu trú du lịch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030

Đơn vị tính: Buồng

Phương án	Nhu cầu cho đối tượng khách	2019 (*)	2025	2030
Phương án 1	Nhu cầu cho khách du lịch quốc tế	-	4.800	7.500
	Nhu cầu cho khách du lịch nội địa	-	7.200	11.000
	Tổng cộng	7.084	12.000	18.500
Phương án 2	Nhu cầu cho khách du lịch quốc tế	-	5.600	8.500
	Nhu cầu cho khách du lịch nội địa	-	8.400	12.000
	Tổng cộng	7.084	14.000	20.500
Phương án 3	Nhu cầu cho khách du lịch quốc tế	-	6.800	10.000
	Nhu cầu cho khách du lịch nội địa	-	10.000	14.000
	Tổng cộng	7.084	16.800	24.000
Công suất sử dụng buồng trung bình (%/năm)		70,0	65,0	70,0

Nguồn: - (*) Số liệu hiện trạng của Sở Du lịch Bình Định.
- Các số liệu còn lại: Dự báo của Viện Du lịch bền vững Việt Nam.

4.1.3.4. Lao động ngành du lịch

Số lao động trực tiếp bình quân trên một buồng lưu trú hiện nay ở Bình Định đạt mức thấp hơn mức trung bình của cả nước. Năm 2019, chỉ tiêu này chỉ đạt xấp xỉ 1,26 lao động trực tiếp/1 buồng lưu trú (8.900 lao động trực tiếp/7.084 buồng lưu trú). Trong những năm tới, với định hướng phát triển và đa dạng hóa các dịch vụ du lịch bổ sung, nâng cao chất lượng các sản phẩm và dịch vụ du lịch..., nên số lượng lao động trực tiếp bình quân trên một buồng lưu trú có thể sẽ tăng lên. Căn cứ vào nhu cầu lao động tính bình quân trên một buồng lưu trú của cả nước và của vùng duyên hải Nam Trung Bộ là 1,4 - 1,6 lao động trực tiếp/buồng lưu trú, và mỗi lao động trực tiếp tương ứng với 2,0 lao động gián tiếp. Như vậy, căn cứ vào các chỉ tiêu trên, nhu cầu lao động cho toàn ngành du lịch Bình Định giai đoạn 2021 - 2030 được trình bày trên Bảng 6.

Bảng 10: Dự báo nhu cầu lao động trong du lịch tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2030

Đơn vị tính: Người

Phương án	Loại lao động	2019 (*)	2025	2030
Phương án 1	Lao động trực tiếp trong du lịch	8.900	16.800	29.600
	Lao động gián tiếp ngoài xã hội	-	33.600	59.200
	Tổng cộng	-	50.400	88.800
Phương án 2	Lao động trực tiếp trong du lịch	8.900	19.600	32.800
	Lao động gián tiếp ngoài xã hội	-	39.200	65.600
	Tổng cộng	-	58.800	98.400
Phương án 3	Lao động trực tiếp trong du lịch	8.900	23.500	38.400
	Lao động gián tiếp ngoài xã hội	-	47.000	76.800
	Tổng cộng	-	70.500	115.200
Số lao động trực tiếp bình quân trên 1 buồng khách sạn		1,26	1,4	1,6

Nguồn: - (*) Số liệu hiện trạng của Sở Du lịch Bình Định.
- Các số liệu còn lại: Dự báo của Viện Du lịch bền vững Việt Nam.

4.2. Định hướng phát triển sản phẩm - thị trường du lịch

4.2.1. Định hướng phát triển thị trường du lịch

Căn cứ định hướng phát triển thị trường du lịch đã được xác định trong Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam và vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Nam Bộ cũng sự thay đổi về nhu cầu đi du lịch dưới tác động của đại dịch Covid-19, định hướng phát triển thị trường du lịch của Bình Định có sự điều chỉnh phù hợp theo đó:

- Giai đoạn đến năm 2030, cần ưu tiên phát triển thị trường du lịch nội địa, trong đó thị trường du lịch Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh vẫn là thị trường trọng điểm bởi đây là hai trung tâm du lịch lớn nhất cả nước đồng thời có đường bay trực tiếp tới Bình Định. Đặc điểm chính của khách du lịch nội địa từ hai thị trường trọng điểm này gồm:

+ Ưu thích những điểm đến mới, nơi có sự khác biệt về sản phẩm du lịch và môi trường du lịch, nhất là du lịch biển đảo còn bảo tồn được tính hoang sơ. Đây cũng

chính là lợi thế của Bình Định dựa trên những giá trị về văn hóa truyền thống và sự nổi trội về tiềm năng tài nguyên du lịch biển đảo.

+ Thường đi theo nhóm nhỏ và gia đình vào các dịp cuối tuần, dịp lễ tết với thời gian lưu trú dài và mức chi tiêu trung bình cao

+ Yêu cầu khá cao về dịch vụ du lịch, thích mua sắm sản vật địa phương

Bên cạnh đó cần chú ý khai thác thị trường khách từ các tỉnh Tây Nguyên, trước mắt là các tỉnh Gia Lai, Kon Tum và dần mở rộng ra các địa phương vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Khách từ những thị trường này thường ưu thích các sản phẩm du lịch biển đảo, tuy nhiên số ngày lưu trú và mức chi tiêu khá khiêm tốn.

- Từng bước thu hút thị trường du lịch quốc tế trọng điểm của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, trong đó chú trọng đối với thị trường có khả năng chi trả cao, lưu trú dài ngày. Định hướng này cho phép thực hiện liên kết với các địa phương trong vùng, đặc biệt là vùng kinh tế trọng điểm miền Trung để phát triển các chương trình du lịch mà ở đó khai thác được những lợi thế, sự khác biệt về sản phẩm của từng địa phương, qua đó nâng cao tính hấp dẫn của điểm đến du lịch vùng trong đó có Bình Định.

Một số thị trường khách quốc tế cần chú trọng bao gồm:

Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương

+ *Thị trường Trung Quốc (bao gồm cả Đài Loan và Hồng Kông):* Chiếm thị phần lớn so với các thị trường khách quốc tế đến Việt Nam nói chung và vùng Duyên hải Nam Trung Bộ nói riêng. Những đặc điểm chính của thị trường khách Trung Quốc là thích mua sắm, ăn uống và thường sử dụng các dịch vụ chất lượng trung bình. Với những đặc điểm, cần tập trung cũng cấp dịch vụ ăn uống đặc sản, bán sản vật, hàng lưu niệm đậm bản sắc địa phương Bình Định

+ *Thị trường Nhật Bản:* Đây là thị trường có khả năng chi trả cao, lưu trú dài ngày, tuy nhiên cũng yêu cầu rất cao về chất lượng của sản phẩm du lịch và dịch vụ, đảm bảo an ninh, an toàn, môi trường và vệ sinh an toàn thực phẩm... Khách du lịch Nhật Bản quan tâm nhiều đến các sản phẩm du lịch văn hóa và thích mua sắm hàng lưu niệm, thủ công mỹ nghệ.

+ *Thị trường Hàn Quốc:* Hiện nay, thị trường này đến Bình Định còn ít, nhưng đây là thị trường đang có xu hướng tăng ở các địa phương trong vùng Duyên hải MNam Trung Bộ, đặc biệt là Đà Nẵng và có khả năng thanh toán cao..., do vậy cần xác định đây là một thị trường tiềm năng. Cũng như người Nhật, người Hàn Quốc cũng có yêu cầu rất cao về chất lượng các sản phẩm du lịch, dịch vụ, vệ sinh môi trường và về an ninh... Các đối tượng chính của thị trường Hàn Quốc cần tiếp thị là các nhà đầu tư, sinh viên... Các SPDL chính cần tập trung để đáp ứng thị trường này bao gồm: du lịch tham quan thắng cảnh, du lịch sinh thái, du lịch nghiên cứu các giá trị văn hóa (các di tích lịch sử, lễ hội, làng nghề), du lịch thương mại..

+ *Thị trường các nước ASEAN:* Hiện nay, các thị trường này đến Bình Định còn hạn chế, nhưng đây là thị trường trong khối ASEAN - đối tượng được ưu tiên tạo điều kiện vào du lịch Việt Nam, do vậy Bình Định cần xác định đây là những thị trường tiềm năng và ưu tiên thu hút trong phát triển du lịch quốc tế trong giai đoạn đến năm

2030. Đối với thị trường các nước ASEAN cần phát triển và cung cấp các sản phẩm du lịch chính: du lịch sinh thái, thương mại, du lịch văn hóa, du lịch vui chơi giải trí, thể thao...

Khu vực Bắc Mỹ

+ *Thị trường Mỹ:* Đây là thị trường có khả năng thanh toán cao, đòi hỏi chất lượng các sản phẩm và dịch vụ du lịch rất cao... Hiện nay thị trường này đến Bình Định còn rất ít, tuy nhiên mối quan hệ hợp tác giữa hai nước Việt Nam và Mỹ ngày càng được củng cố và phát triển, do vậy đây sẽ là cơ hội cho khách du lịch thương mại Mỹ đến Việt Nam nói chung và vùng Duyên hải Nam Trung Bộ nói riêng nhiều hơn và là thị trường tiềm năng. Các đối tượng cần được quan tâm khai thác của thị trường Mỹ là các cựu chiến binh, các nhà đầu tư, Việt kiều. Các sản phẩm lưu niệm khách Mỹ ưa thích là tranh thêu, đồ gốm, gỗ mỹ nghệ...

+ *Thị trường Canada:* Đây cũng là một trong những thị trường tiềm năng, có khả năng chi tiêu tương đối cao, các đối tượng cần khai thác chủ yếu là những khách thuộc các tầng lớp thanh niên, trung niên với các sản phẩm du lịch chính là: du lịch sinh thái, mạo hiểm, du lịch tham quan nghiên cứu...

Khu vực Châu Âu

+ *Thị trường Pháp:* Đây là thị trường chính, chiếm tỷ trọng cao trong tổng số khách Châu Âu đến Đà Nẵng và Thừa Thiên - Huế. Các đối tượng khách của thị trường Pháp rất đa dạng và thuộc nhiều tầng lớp xã hội khác nhau (thương nhân, nhà nghiên cứu, sinh viên,...). Khách Pháp đòi hỏi chất lượng các dịch vụ du lịch cao, có khả năng chi trả cao, thích những sản phẩm và dịch vụ mang tính văn hóa... Các sản phẩm du lịch mà Bình Định cần tập trung phát triển để cung cấp cho thị trường này là : du lịch văn hóa, lịch sử, du lịch làng nghề.

+ *Các thị trường Châu Âu khác:* Sau thị trường Pháp, các thị trường Tây Âu có nhiều khách đến vùng Duyên hải Nam trung Bộ là Anh, Đức, Bỉ, Hà Lan, Đan Mạch... Cũng như khách Pháp, khách du lịch Tây Âu đòi hỏi rất cao về chất lượng các dịch vụ và sản phẩm du lịch văn hóa... Các thị trường Đông Âu bắt đầu phát triển trở lại và đây sẽ là những thị trường tiềm năng. Các sản phẩm du lịch ưa thích của thị trường Đông Âu là: du lịch nghỉ dưỡng biển, du lịch tham quan...

Khi Bình Định xây dựng được khu du lịch quốc gia Bán đảo Phương Mai với các khu nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí, thể thao đẳng cấp thì khả năng thu hút khách châu Âu đến và nghỉ lại Bình Định sẽ là rất lớn.

4.2.2. Định hướng phát triển sản phẩm du lịch

Dựa trên phân tích tiềm năng và tính duy nhất/ đặc sắc (nổi trội) về tài nguyên du lịch, phát triển du lịch sản phẩm du lịch của Bình Định cần theo 03 nhóm sản phẩm là sản phẩm du lịch đặc thù, sản phẩm du lịch chính và sản phẩm du lịch bổ trợ để từ đó có những lựa chọn phù hợp khi thực hiện hiện công tác xúc tiến quảng bá.

– *Nhóm sản phẩm du lịch đặc thù:* đây là những sản phẩm du lịch được xây dựng dựa trên việc khai thác những giá trị tài nguyên du lịch được xem là duy nhất (chỉ

có ở Bình Định) hoặc đặc sắc hay nổi trội hơn những tài nguyên du lịch cùng loại có ở những địa phương khác trong vùng.

+ **Quần thể du lịch nghỉ dưỡng - vui chơi giải trí - thể thao biển hiện đại đẳng cấp quốc tế Phương Mai - Núi Bà:** đây là sản phẩm được xây dựng dựa trên tính nổi trội về tính nguyên sơ và quy mô không gian của tài nguyên du lịch biển đảo Bình Định so với các địa phương trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Một đặc điểm quan trọng nữa tạo nên sức cạnh tranh của sản phẩm du lịch đặc thù này là thời gian sử dụng sản phẩm gần như quanh năm và ít chịu ảnh hưởng của các điều kiện thời tiết cực đoan mà các địa phương trong vùng từ Thừa Thiên - Huế đến Quảng Nam thường bị ảnh hưởng.

+ **Trung tâm du lịch khoa học - du lịch MICE quy mô vùng:** Một trong những khác biệt rất lớn của Bình Định so với các địa phương trong vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là tại Quy Nhơn đã hình thành Trung tâm khoa học quốc tế và giáo dục liên ngành (ICISE) với trải nghiệm khoa học không gian vũ trụ ở tầm quốc tế. Vì vậy đây sẽ là sản phẩm mới, hấp dẫn, tạo giá trị khác biệt so với địa phương khác. Sản phẩm du lịch này sẽ trở nên đặc biệt hấp dẫn khi gắn với du lịch MICE và các sự kiện lớn về khoa học ở tầm quốc tế góp phần tạo nên thương hiệu điểm đến du lịch Bình Định.

+ **Trải nghiệm các giá trị lịch sử Tây Sơn mà trọng tâm là di tích Tây Sơn Tam kiệt gắn với võ cổ truyền Bình Định** trở thành sản phẩm du lịch mang tính đặc trưng riêng, tạo hình ảnh nhận diện cho hình ảnh du lịch Bình Định

– **Nhóm sản phẩm du lịch chính:** là các sản phẩm có khả năng phát triển mạnh, thu hút khách du lịch từ các thị trường mục tiêu, tạo nguồn thu nhập du lịch quan trọng cho địa phương. Các sản phẩm này phát triển dựa trên những tiềm năng du lịch đặc sắc của Bình Định và có thể khai thác được thường xuyên, liên tục.

– Những sản phẩm du lịch chính chủ yếu của Bình Định bao gồm: du lịch biển (nghỉ dưỡng, thể thao, ...), du lịch chữa bệnh - làm đẹp, du lịch MICE - sự kiện, du lịch sinh thái và du lịch tàu biển trên cơ sở kết hợp một số hợp phần của các sản phẩm du lịch đặc thù và sản phẩm du lịch hỗ trợ.

+ **Du lịch nghỉ dưỡng:** Đây là một trong những thế mạnh của du lịch Bình Định, nơi có khí hậu ấm áp quanh năm, nhiều bãi biển đẹp trải dài, cảnh quan hấp dẫn và môi trường còn tương đối hoang sơ.

Hiện nay du lịch nghỉ dưỡng mới phát triển ở một số khu vực thuộc bán đảo Phương Mía và dọc ven biển TP. Quy Nhơn và phụ cận. Tuy nhiên, căn cứ vào đặc điểm tài nguyên và điều kiện phát triển, đặc biệt là nhu cầu đa dạng về du lịch nghỉ dưỡng của thị trường, sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng cần phát triển theo định hướng:

– **Du lịch nghỉ dưỡng biển đẳng cấp quốc tế, chất lượng cao (cấp cao nhất).** Đây là những khu du lịch nghỉ dưỡng có quy mô không lớn song rất sang trọng, hài hoà với thiên nhiên và tách biệt khỏi các hoạt động phát triển để tôn trọng nhu cầu riêng tư của khách. Đây là loại sản phẩm có xu thế phát triển để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách du lịch cao cấp, nghỉ dài ngày đến Bình Định với mục đích nghỉ dưỡng thuận tiện cùng người thân hoặc kết hợp tham dự các hội nghị, hội thảo, sự kiện, v.v... Loại sản

phẩm du lịch này yêu cầu có cảnh quan đẹp, thiên nhiên và bãi biển hoang sơ, môi trường đặc biệt trong lành vì vậy có thể phát triển thuận lợi ở khu vực bán đảo Phương Mai và một số địa điểm phù hợp ở vịnh Quy Nhơn, đặc biệt trên một số đảo nhỏ có tiềm năng.

– Du lịch nghỉ dưỡng biển cao cấp với mô hình của một số resort 4-5 sao hiện nay đang hoạt động như các khu du lịch ở Quy Nhơn, Phương Mai - núi Bà, Hoài Nhơn, Phú Mỹ. Sự khác biệt ở đây là tính riêng tư và đẳng cấp của loại sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng biển này không phải là cao nhất. Đây là loại sản phẩm du lịch dành cho khách du lịch hạng sang, có khả năng lưu trú dài ngày.

– Du lịch nghỉ dưỡng biển với chất lượng dịch vụ đáp ứng nhu cầu của phân khúc thị trường từ trung bình đến cao, tương ứng với mô hình các khu nghỉ dưỡng biển từ 3-4 sao. Ở loại sản phẩm du lịch này, tính đẳng cấp và riêng tư không phải là điều kiện mang tính tiên quyết. Một số sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng biển này có thể phát triển trên các bãi biển khu vực Quy Nhơn - Sông Cầu; núi Vũng Chua, Khu Trại phong Quy Hòa...

+ Du lịch tham quan, trải nghiệm các giá trị văn hóa lịch sử:

Đây là nhóm sản phẩm chính để du khách có thể trải nghiệm đầy đủ về các giá trị văn hóa lịch sử truyền thống kết hợp cảnh quan thiên nhiên tại điểm đến Bình Định. Một số sản phẩm du lịch chính thuộc nhóm này gồm:

– Trải nghiệm giá trị văn hóa Chăm, đặc biệt là các công trình tháp còn khá nguyên vẹn như Tháp Đôi và Tháp Bánh Ít, các tháp có quy mô lớn nhất ở khu vực miền Trung là cụm tháp Dương Long.

– Trải nghiệm giá trị cảnh quan thiên nhiên kết hợp giá trị lịch sử Tây Sơn tại Hàm Hô;

– Trải nghiệm lễ hội truyền thống mang đậm tinh thần thượng võ của người Bình Định: Lễ hội Kỷ niệm chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa, Lễ hội Chợ Gò, Lễ hội Vía Bà, Lễ Tế cáo Trời Đất hàng niên tại Đài kính thiên Ấn Sơn, Liên hoan quốc tế võ cổ truyền Việt Nam tại Bình Định.

– Trải nghiệm các di sản văn hóa phi vật thể như Nghệ thuật bài chòi đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể, nghệ thuật hát Bội (Tuồng) tiêu biểu khu vực miền Trung.

– *Nhóm sản phẩm du lịch bổ trợ*: Là các sản phẩm du lịch có khả năng tạo nên tính đa dạng và hấp dẫn hơn cho các sản phẩm du lịch đặc thù và sản phẩm du lịch chính qua đó thực hiện mục tiêu đa dạng hóa sản phẩm du lịch của địa phương đáp ứng tốt nhất nhu cầu đa dạng của các thị trường mục tiêu cũng như thu hút các thị trường quan tâm đặc biệt tới các loại sản phẩm này.

Một số sản phẩm du lịch chính thuộc nhóm này gồm:

– Du lịch cộng đồng gắn với nông nghiệp, nông thôn và trải nghiệm đời sống sinh hoạt, lao động sản xuất của cộng đồng tại các xã Nhơn Hải, Nhơn Lý, Nhơn Châu...

– Tham quan các làng nghề truyền thống : làng Nón Phú Gia, làng rèn Phương Danh, làng nghề rượu Bàu Đá, làng chạm khắc gỗ Nhạn Tháp, làng dệt thổ cẩm Hà Ri,...kết hợp mua sắm hàng lưu niệm.

– Tham quan thắng tích các điểm tôn giáo nổi tiếng như : chùa Thập Tháp, chùa Thiên Hưng, chùa Nhạn Sơn, chùa Hàm Long, chùa Long Khánh, khu Thiền viện Cát Tiên (tâm linh phật pháp Linh Phong), Tiểu chủng viện Làng Sông...

– Du lịch chữa bệnh, làm đẹp với việc tại các điểm khoáng bùn, tập trung chủ yếu ở Hội Vân. Đây là một trong những sản phẩm đang thu hút được sự quan tâm của thị trường trong thời gian gần đây.

– Tham quan, trải nghiệm các giá trị cảnh quan, sinh thái gắn với các đầm, hồ như Thị Nại, Đền Gi, hồ Định Bình,... và các hệ sinh thái khu vực phía Tây của tỉnh.

– Du lịch ẩm thực gồm các công đoạn học cách chế biến gắn hoạt động với đi chợ lựa chọn nguyên liệu, chế biến và thưởng thức các món ăn truyền thống địa phương Bình Định gắn với mu sắm sản vật địa phương nh mắm nêm, cá, tôm, mực khô, nem chợ huyện, rượu Bàu Đá...

4.3. Định hướng xúc tiến quảng bá du lịch

Do nhiều nguyên nhân mà hoạt động du lịch ở Bình Định chưa phát triển tương xứng với tiềm năng. Công tác xúc tiến quảng bá (XTQB) du lịch chưa được triển khai có hiệu quả nên ảnh hưởng đến khả năng thu hút đầu tư và phát triển thị trường.

Để góp phần đẩy nhanh sự phát triển của ngành du lịch, trong thời gian tới cần đẩy mạnh công tác xúc tiến, tuyên truyền, quảng bá cho du lịch. XTQB du lịch cần trở thành nội dung quan trọng không chỉ đối với hoạt động kinh doanh du lịch mà với cả hoạt động quản lý nhà nước ở các ngành các cấp; người dân có ý thức tự hào về quê hương, con người và thiên nhiên Bình Định.

Dự kiến các bước triển khai cần thiết đối với nhiệm vụ XTQB du lịch ở Bình Định bao gồm:

– Tiến hành nghiên cứu đặc điểm các thị trường trọng điểm của du lịch Bình Định và khả năng “cung” để có kế hoạch xúc tiến phù hợp.

– Xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện định hướng phát triển sản phẩm du lịch đã xác định theo quy hoạch.

– Xây dựng hình ảnh và thương hiệu của du lịch Bình Định trên cơ sở phân tích những lợi thế so sánh và chú trọng tính thân thiện, bản sắc riêng.

– Xác định các kênh để đưa thông tin tới thị trường trọng điểm của du lịch Bình Định. Tiến hành hoạt động phát hành các ấn phẩm quảng bá; tổ chức các chuyến FAM trip (các chuyến đi tìm hiểu du lịch Bình Định cho các phóng viên, nhà báo, các hãng lữ hành lớn, v.v.); xây dựng một số bộ phim có chất lượng về du lịch Bình Định; tham dự các hội chợ, triển lãm về du lịch ở quy mô quốc gia, khu vực và quốc tế; xây dựng trung tâm du khách tại TP. Quy Nhơn; nâng cấp trang thông tin điện tử về du lịch Bình Định.

– Đặt văn phòng đại diện, chi nhánh du lịch tại các trung tâm du lịch trong nước như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Huế, v.v. tiến tới kết hợp với các

cơ quan, tổ chức (ngoại giao, hàng không, thương vụ...) mở văn phòng đại diện tại các thị trường trọng điểm của du lịch Việt Nam.

– Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến du lịch để thu hút các tập đoàn du lịch có uy tín quốc tế đầu tư phát triển du lịch tại Bình Định.

Các hoạt động XTQB ưu tiên trong từng giai đoạn

– Giai đoạn 2021-2025: xây dựng thương hiệu ; đẩy mạnh nghiên cứu thị trường, thực hiện quảng bá theo đặc điểm thị trường; xúc tiến tại các trung tâm du lịch, đặc biệt là Hà Nội, Đà Nẵng và TP. Hồ Chí Minh; nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ số trên nền tảng thiết bị thông minh;

– Giai đoạn 2026-2030: đặt Văn phòng đại diện tại một số trung tâm du lịch, ưu tiên Hà Nội, Đà Nẵng và TP. Hồ Chí Minh;

– Giai đoạn sau năm 2030: đặt Văn phòng đại diện, ít nhất tại 01 thị trường quốc tế trọng điểm, quảng bá du lịch Bình Định trên kênh CNN.

4.4. Định hướng phát triển nguồn nhân lực du lịch

4.4.1. Đảm bảo về số lượng và chất lượng lao động du lịch

Trong thời gian tới, cần tập trung thực hiện mục tiêu phát triển nguồn nhân lực du lịch của tỉnh Bình Định đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng và cân đối về cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo, chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch nhanh, theo chiều sâu và bền vững.

Bảo đảm đủ về số lượng lao động theo yêu cầu dự báo quy hoạch qua từng giai đoạn về lao động trực tiếp và lao động gián tiếp ngoài xã hội.

Lao động phải được trang bị đúng và đủ kiến thức, kỹ năng, quy trình kỹ thuật nghiệp vụ, kỹ năng chuyên môn, kỹ năng giao tiếp; tinh thần thái độ phục vụ chu đáo tận tụy; có năng lực ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu của từng nghiệp vụ cụ thể.

Cơ cấu nhân lực du lịch của mỗi địa bàn trong tỉnh phải bảo đảm hợp lý giữa các trình độ đào tạo (trên đại học, đại học, cao đẳng, trung cấp, sơ cấp); giữa các loại công việc (quản lý, giám sát và lao động trực tiếp); giữa các chuyên ngành và lĩnh vực (khách sạn, nhà hàng, lữ hành, các dịch vụ khác); giữa các nghề (lễ tân, phục vụ buồng, chế biến món ăn, hướng dẫn viên du lịch, điều hành tour, nhân viên đại lý lữ hành, điều khiển phương tiện vận chuyên khách...); giữa các địa phương trong tỉnh.

Để đáp ứng các yêu cầu trên, nhiệm vụ về phát triển nguồn nhân lực du lịch của tỉnh Bình Định là đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực gồm: đào tạo trình độ đại học, trên đại học và tăng cường khả năng nghiên cứu, khả năng ứng dụng khoa học và công nghệ trong du lịch; đào tạo lao động trình độ trung học và nghề du lịch; tăng cường năng lực cho cán bộ quản lý du lịch ở các cấp...

Các nhiệm vụ cụ thể gồm:

– Xây dựng Chương trình phát triển nguồn nhân lực du lịch của tỉnh gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và phù hợp với định hướng chiến lược phát triển du lịch vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.

– Chú trọng dạy nghề ngắn hạn nhằm trang bị kỹ năng, kiến thức cơ bản về du lịch cho lực lượng lao động gián tiếp, cộng đồng dân cư tham gia hoạt động du lịch.

4.4.2. Tăng cường năng lực các cơ sở đào tạo du lịch tại địa phương

Hiện tại trên địa bàn tỉnh Bình Định có 03 trường đại học và 02 trường cao đẳng có đào tạo về du lịch, trong đó có 01 trường cao đẳng đào tạo chuyên về nghề du lịch

Tuy nhiên năng lực đào tạo nhân lực du lịch của các cơ sở đào tạo trên còn hạn chế, vì vậy số lượng sinh viên tốt nghiệp hàng năm chưa đáp ứng được yêu cầu của sự phát triển du lịch Bình Định cả về số lượng và chất lượng. Tỷ lệ sinh viên ở các khoa du lịch tốt nghiệp có việc làm trong các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn tỉnh còn hạn chế. Chính vì vậy định hướng ưu tiên đối phát triển nguồn nhân lực du lịch của Bình Định chính là nâng cao năng lực đào tạo của những cơ sở này để phục vụ nhu cầu về nhân lực của du lịch Bình Định.

Các định hướng nhiệm vụ chủ yếu bao gồm:

- Đánh giá một cách toàn diện năng lực đào tạo của các cơ sở đào tạo về du lịch trên địa bàn tỉnh về đội ngũ giảng viên, chương trình đào tạo du lịch (quản lý và kỹ năng nghề), cơ sở vật chất kỹ thuật đào tạo. Trên cơ sở kết quả đánh giá sẽ có phương án cụ thể để nâng cao năng lực đào tạo đối với toàn hệ thống nói chung và cho mỗi cơ sở đào tạo nói riêng.

- Đầu tư nâng cao năng lực đào tạo du lịch của cơ sở đào tạo có đào tạo du lịch bao gồm: Đại học, trường Cao đẳng nghề Du lịch, trường Cao đẳng kỹ thuật với việc hỗ trợ nâng cấp và hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật đào tạo du lịch.

- + Nâng cao trình độ giáo viên, giảng viên du lịch về kiến thức chuyên môn và trình độ ngoại ngữ.

- + Đổi mới chương trình, nội dung đào tạo du lịch phù hợp với yêu cầu thực tiễn và tiếp cận trình độ của khu vực và quốc tế để áp dụng trong các cơ sở đào tạo du lịch.

- + Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho các cơ sở đào tạo du lịch đáp ứng được yêu cầu của các chương trình đổi mới.

- + Tạo mối liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp sử dụng lao động du lịch với các cơ sở đào tạo chuyên ngành du lịch của tỉnh.

- Nghiên cứu triển khai các dự án đại học quốc tế trên địa bàn tỉnh.

4.4.3. Tăng cường liên kết trong đào tạo du lịch

- Tăng cường liên kết giữa các cơ sở đào tạo, cơ sở dạy nghề du lịch với các doanh nghiệp, nhất là các Tập đoàn du lịch để tăng nhanh quy mô và nâng cao chất lượng dạy nghề; đồng thời, tập trung dạy nghề chất lượng cao theo đặt hàng của các doanh nghiệp, điếm đến du lịch...

- Liên kết đào tạo và phát triển nguồn nhân lực du lịch giữa Bình Định với các địa phương trong vùng Duyên hải Nam Trung Bộ:

- Thúc đẩy hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phát triển nhân lực du lịch, đặc biệt là đào tạo đại học và sau đại học.

4.5. Định hướng đầu tư phát triển du lịch (bao gồm các dự án ưu tiên đầu tư)

4.5.1. Quan điểm đầu tư

Trong điều kiện khó khăn về nguồn lực phát triển hiện nay, đặc biệt trong quá trình phục hồi nền kinh tế sau khi đại dịch Covid-19 được kiểm soát, quan điểm đầu tư phát triển du lịch Bình Định cần chú trọng:

– Đầu tư có trọng điểm, coi trọng hiệu quả với ưu tiên là du lịch chất lượng cao nhằm tạo “đột phá” để Bình Định trở thành trung tâm du lịch ở phía Nam vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, là điểm đến du lịch vào nhóm điểm đến du lịch hàng đầu vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, có khả năng cạnh tranh cao trong nước và quốc tế.

– Coi xã hội hóa đầu tư là ưu tiên cho đầu tư phát triển du lịch Bình Định. Nhà nước chỉ hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng du lịch, đặc biệt tại các địa bàn trọng điểm du lịch, cho đào tạo nguồn nhân lực, XTQB du lịch, bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch.

4.5.2. Các khu vực ưu tiên đầu tư

Đầu tư phát triển du lịch Bình Định cần tập trung vào các địa bàn trọng điểm trong các không gian thuận lợi phát triển du lịch của Bình Định, cụ thể:

– TP. Quy Nhơn và phụ cận và phụ cận với trọng tâm là Gành Ráng - Tiên Sa.

– Khu du lịch quốc gia Phương Mai - Núi Bà kết nối với đầm thị Nại.

– Khu vực Tây Sơn và phụ cận

– Khu vực Hoài Nhơn và phụ cận.

– Các khu, điểm du lịch có ý nghĩa vùng đã được xác định trong tổ chức không gian du lịch Bình Định.

4.5.3. Các lĩnh vực ưu tiên đầu tư

Để đạt được các mục tiêu phát triển, ngành du lịch tỉnh Bình Định cần chú trọng ưu tiên đầu tư vào các lĩnh vực chủ yếu sau đây:

– *Đầu tư xây dựng đồng bộ các khu du lịch trọng điểm và hạ tầng kết nối:* Đây là lĩnh vực đầu tư hết sức quan trọng để sự thay đổi về chất trong hoạt động phát triển du lịch ở Bình Định. Hiện nay, ở Bình Định đã và đang hình thành một số khu du lịch như: khu du lịch quốc gia Bán đảo Phương Mai, khu du lịch Gành Ráng - Tiên Sa ; khu du lịch Eo Gió; khu du lịch sinh thái Cù Lao Xanh, khu du lịch tảo cảnh Hàm Hô; khu du lịch sinh thái cộng đồng đầm Thị Nại;... Việc đầu tư phát triển đồng bộ các khu du lịch này sẽ tạo nên những sản phẩm du lịch có chất lượng, hấp dẫn và có sức cạnh tranh. Bên cạnh đó việc kết nối các khu du lịch trọng điểm sẽ tạo cho du khách cơ hội trải nghiệm đầy đủ các giá trị văn hóa, lịch sử và thiên nhiên, con người Bình Định. Chính vì vậy đây là hướng ưu tiên quan trọng đối với phát triển du lịch của Bình Định trong giai đoạn tới.

– *Đầu tư phát triển hệ thống khách sạn và các công trình dịch vụ du lịch chất lượng cao:* Hiện nay, ở Bình Định còn thiếu các khách sạn thương mại, khách sạn nghỉ dưỡng tiêu chuẩn 3 - 5 sao (năm 2020 là 2.400 buồng) để đáp ứng nhu cầu thị trường khách theo định hướng trung – cao cấp. Vì vậy, hướng đầu tư phát triển hệ thống khách sạn cần ưu tiên các dự án xây dựng khách sạn nghỉ dưỡng, khách sạn thương mại cao cấp ở TP. Quy Nhơn, bán đảo Phương Mai và các địa bàn du lịch trọng điểm. Ở các không gian du lịch khác chỉ nên đầu tư xây dựng các khách sạn nghỉ dưỡng với quy mô trung bình để đảm bảo tính hiệu quả trong kinh doanh. Đối với các khu, điểm du lịch mà sản phẩm chủ yếu là du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng hoặc du lịch dựa vào tự nhiên, cần chú trọng phát triển hệ thống nhà nghỉ sinh thái (ecolodge), lưu trú trong dân (homestay)...

– *Đầu tư phát triển hệ thống các công trình vui chơi giải trí, thể thao; các dịch vụ bổ trợ khác:* Hiện nay, dịch vụ vui chơi giải trí, thể thao và các dịch vụ bổ trợ khác (dịch vụ ngân hàng, bảo hiểm; dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe; dịch vụ mua sắm...) trong hoạt động du lịch ở Bình Định còn rất hạn chế. Điều này ảnh hưởng đáng kể thời gian lưu trú và khả năng chi tiêu của khách và qua đó là hiệu quả kinh doanh du lịch. Để khắc phục tình trạng này cần ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình/ hoặc tổ hợp vui chơi giải trí - thể thao biển; các cơ sở y tế, chăm sóc sức khỏe hiện đại, chất lượng cao... để đáp ứng nhu cầu của khách du lịch.

– *Đầu tư bảo tồn, tôn tạo các giá trị văn hóa lịch sử và phát triển các lễ hội, làng nghề truyền thống phục vụ du lịch:* du lịch văn hóa dựa trên khai thác các giá trị di sản văn hóa lịch sử là lợi thế cơ bản của du lịch Bình Định. Chính vì vậy, việc đầu tư bảo tồn, tôn tạo các giá trị văn hóa lịch sử và các lễ hội, làng nghề truyền thống ở Bình Định không chỉ có ý nghĩa gìn giữ những giá trị vô giá này cho công tác giáo dục, nâng cao nhận thức của các thế hệ về văn hóa, lịch sử dân tộc mà còn có ý nghĩa quan trọng đối với việc phục hồi các giá trị tài nguyên mà dựa trên đó du lịch phát triển.

– *Đầu tư cho công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực du lịch chất lượng cao:* Đây là một lĩnh vực đầu tư rất quan trọng, đảm bảo cho việc nâng cao chất lượng các sản phẩm và dịch vụ du lịch, đặc biệt trong bối cảnh du lịch Bình Định đang phát triển hội nhập với hoạt động phát triển du lịch của cả nước, khu vực và thế giới. Chính vì vậy, việc đầu tư để xây dựng một chương trình đào tạo toàn diện và đồng bộ từ cán bộ quản lý đến đội ngũ nhân viên phục vụ có chất lượng cao để đáp ứng được nhu cầu hiện nay là rất quan trọng đối với sự phát triển của du lịch ở Bình Định.

Để có nguồn lực đáp ứng yêu cầu đầu tư, cần sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn theo hướng:

– Tập trung đầu tư theo hướng đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên sử dụng vốn ngân sách để phát triển hệ thống hạ tầng du lịch các khu du lịch trọng điểm (Khu du lịch quốc gia Bán đảo Phương Mai, Khu du lịch Gành Ráng - Tiên Sa, khu du lịch sinh thái Cù Lao Xanh, khu du lịch sinh thái cộng đồng đầm Thị Nại ...). Đối với nguồn ngân sách trung ương, cần tranh thủ sự hỗ trợ của Quỹ phát triển du lịch; vốn ODA cho nâng cấp và phát triển hạ tầng du lịch; bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa, đặc biệt di tích cấp quốc gia đặc biệt và cấp quốc gia... Nguồn ngân sách địa

phương tập trung cho công tác XTQB phát triển du lịch; tổ chức các sự kiện; bảo vệ môi trường... Đây là nguồn vốn không lớn (dự kiến khoảng 10% trong tổng nhu cầu vốn đầu tư), nhưng có ý nghĩa rất quan trọng trong việc kích thích thu hút các nguồn vốn khác đầu tư cho phát triển du lịch ở Bình Định trong giai đoạn tới.

– Thực hiện xã hội hóa trong công tác đầu tư phát triển du lịch, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia hoạt động kinh doanh du lịch dưới các hình thức khác nhau, đặc biệt có cơ chế thích hợp để thu hút nguồn vốn đầu tư dưới dạng hợp tác công tư (PPP), liên doanh liên kết trong nước và quốc tế đầu tư vào các dự án lớn, cần nhiều vốn; tranh thủ thu hút nguồn vốn trong dân để đầu tư phát triển du lịch đối với các dự án nhỏ, cần ít vốn; thực hiện xã hội hóa trong công tác đầu tư bảo tồn, tôn tạo di tích, thắng cảnh, các lễ hội, các hoạt động văn hóa dân gian, các làng nghề... phục vụ phát triển du lịch Bình Định.

– Coi trọng nguồn vốn tích lũy của các doanh nghiệp du lịch; vốn vay ngân hàng với tỷ lệ lãi suất ưu đãi; thu hút vốn nhân rồi thông qua Luật Đầu tư; vốn thông qua cổ phần hóa doanh nghiệp; dùng quỹ đất để tạo nguồn vốn thông qua hình thức cho thuê đất trả tiền trước, đổi đất lấy hạ tầng có giới hạn thời gian...

Các dự án ưu tiên đầu tư

Để du lịch Bình Định có thể ”bứt phá” theo hướng thực sự trở thành trung tâm du lịch vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung ở phía Nam và chú trọng chất lượng tăng trưởng, một số dự án đầu tư quan trọng cần xem xét ưu tiên thực hiện theo quy định hiện hành bao gồm:

Bảng 11: Các dự án ưu tiên đầu tư phát triển du lịch Bình Định giai đoạn đến năm 2030

STT	Dự án	Mục tiêu	Giai đoạn	Nguồn vốn
Trong lĩnh vực phát triển hạ tầng				
1	Xây dựng cảng du lịch biển Quy Nhơn	Phát triển du lịch tàu biển	Đến 2030	Ngân sách
2	Phát triển tuyến xe buýt Quy Nhơn – Phương Mai – Núi Bà và Quy Nhơn - Tây Sơn	Kết nối các trọng điểm du lịch	Đến 2025	Ngân sách (lồng ghép với lĩnh vực giao thông)
3	Xây dựng các bến thuyền du lịch: Quy Nhơn, Thị Nại, Phương Mai	Phát triển các tour du lịch đường biển nội tỉnh	Đến năm 2025	Ngân sách (lồng ghép với lĩnh vực giao thông)
4	Phát triển hệ thống điện mặt trời phục vụ du lịch trên các đảo du lịch	Phát triển du lịch đảo	Trước và sau năm 2025	Ngân sách (lồng ghép với lĩnh vực công thương)
Trong lĩnh vực phát triển sản phẩm và dịch vụ du lịch				
1	Xây dựng Trung tâm thương mại, dịch vụ du lịch Nhơn Hội (dành cho du khách)	Phát triển du lịch mua sắm	Trước năm 2025	Ngân sách (lồng ghép với lĩnh vực thương mại)
2	Xây dựng các sản phẩm du lịch đặc thù Bình Định	Phát triển sản phẩm du lịch, nâng cao năng lực cạnh tranh điểm đến	Trước và sau năm 2025	Ngân sách và xã hội hoá (lồng ghép với lĩnh vực khoa học và công nghệ)
3	Khu du lịch nghỉ dưỡng, chăm sóc	Phát triển du lịch dịch vụ	Trước	Ngân sách và xã hội

STT	Dự án	Mục tiêu	Giai đoạn	Nguồn vốn
	sức khỏe tuổi khoáng nóng Hội Vân	y tế, chăm sóc sức khỏe	năm 2025	hoá
4	Khu du lịch sinh thái đầm Thị Nại	Phát triển du lịch gắn với bảo tồn đa dạng sinh học	Sau năm 2025	Xã hội hoá
5	Khôi phục và phát triển các võ đường	Phát triển điểm du lịch mới	Trước năm 2025	Xã hội hoá
6	Nâng cấp hoàn thiện tổ hợp du lịch khoa học - giáo dục Quy Nhơn	Phát triển điểm du lịch mới	Sau năm 2025	Ngân sách và xã hội hoá
Trong lĩnh vực xúc tiến quảng bá du lịch				
1	Xây dựng thương hiệu du lịch Bình Định	Phát triển thương hiệu và hình ảnh điểm đến du lịch	Trước năm 2025	Ngân sách và xã hội hoá
2	Nâng cấp hoàn thiện website du lịch Bình Định với việc sử dụng thương hiệu du lịch Bình Định	Nâng cao chất lượng thông tin về du lịch Bình Định đến các thị trường trọng điểm	Trước năm 2025	Ngân sách
3	Xây dựng kênh thông tin, quảng bá du lịch Bình Định trên nền tảng công nghệ mạng xã hội	Ứng dụng công nghệ 4.0 trong quảng bá du lịch	Trước năm 2025	Ngân sách
4	Xây dựng hệ thống biển báo, chỉ dẫn du lịch công cộng tại các đầu mối giao thông và các trọng điểm du lịch	Tạo điều kiện tiếp cận hệ thống khu điểm du lịch	Trước năm 2025	Ngân sách
Trong lĩnh vực đào tạo du lịch				
1	Nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật đào tạo kỹ năng nghề du lịch tại Đại học Quy Nhơn và Đại học	Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch	Trước năm 2025	Ngân sách (lồng ghép với lĩnh vực giáo dục đào tạo)
2	Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý du lịch (quản lý nhà nước và kinh doanh du lịch)	Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch	Trước năm 2025	Ngân sách và xã hội hoá
3	Tổ chức các lớp nâng cao kỹ năng du lịch cho cộng đồng ở các trọng điểm du lịch	Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch	Trước năm 2025	Ngân sách và xã hội hoá (hỗ trợ quốc tế)
Trong lĩnh vực phát triển và bảo vệ tài nguyên môi trường du lịch				
1	Phát triển thâm rừng – công viên chuyên đề trên bán đảo Hòn Gốm	Phát triển tài nguyên du lịch	Trước năm 2025	Ngân sách (lồng ghép với lĩnh vực tài nguyên môi trường)
2	Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý chất thải du lịch tại các trọng điểm du lịch	Đảm bảo môi trường cho phát triển du lịch đảo	Trước và sau năm 2025	Ngân sách (lồng ghép với lĩnh vực tài nguyên môi trường)
3	Xây dựng nhân sinh thái cho tàu du lịch hoạt động trên các tuyến du lịch biển đảo Quy Nhơn – Thị Nại	Bảo vệ môi trường biển đảo	Trước năm 2025	Ngân sách
4	Tăng cường năng lực quản lý hoạt động du lịch sinh thái theo sức chứa	Bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch khu du lịch sinh thái đầm Thị Nại	Trước năm 2025	Ngân sách

4.6. Định hướng phát triển du lịch theo lãnh thổ

Định hướng phát triển du lịch theo lãnh thổ thực chất là vấn đề tổ chức không gian du lịch dựa trên những giá trị và sự phân bố của các nguồn tài nguyên du lịch, của kết cấu hạ tầng và nhu cầu của khách du lịch. Tổ chức lãnh thổ du lịch phải được lồng ghép trong không gian KT-XH của vùng nghiên cứu và mối quan hệ về du lịch với các khu vực phụ cận để có các kế hoạch phát triển du lịch phù hợp. Trên cơ sở định hướng phát triển du lịch theo lãnh thổ, Bình Định sẽ xác định rõ được những sản phẩm du lịch đặc thù.

Phụ thuộc vào tính chất độc đáo, hấp dẫn của tài nguyên du lịch, sự đồng bộ về cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch và chất lượng dịch vụ, Bình Định có thể xây dựng được một số sản phẩm du lịch mang ý nghĩa quốc gia hội đủ các yếu tố cạnh tranh và phát triển cũng như một số sản phẩm du lịch có ý nghĩa địa phương, làm phong phú hơn hành trình và trải nghiệm của du khách khi có điều kiện và thời gian lưu trú dài hơn.

Tổ chức không gian du lịch còn chỉ ra các dự án phát triển du lịch với mức độ và quy mô đầu tư khác nhau nhằm khai thác đồng bộ, có hiệu quả tiềm năng du lịch của lãnh thổ, tránh sự đơn điệu, trùng lặp.

Định hướng tổ chức không gian du lịch cần được xem xét và phân tích trong mối quan hệ với vị trí và chức năng của nó ở một không gian phát triển rộng lớn hơn đối với vùng phụ cận. Trên địa bàn Bình Định, tổ chức không gian du lịch sẽ được lồng trong không gian phát triển KT-XH của tỉnh. Hoạt động du lịch là một yếu tố cấu thành trong cơ cấu kinh tế - văn hóa - xã hội của địa phương, luôn phát triển hài hòa với hệ sinh thái, kinh tế.

Đối với tổ chức không gian du lịch lãnh thổ một tỉnh, những yếu tố cơ bản cần được xác định là :

- *Các địa bàn trọng điểm du lịch (các cụm du lịch)* : là nơi tập trung nhất các giá trị tài nguyên có khả năng khai thác xây dựng các sản phẩm du lịch đặc thù, có sức cạnh tranh cao.
- *Các khu/điểm du lịch* : bao gồm các khu du lịch quốc gia; các điểm du lịch dựa vào mức độ giá trị của tài nguyên.
- *Các tuyến du lịch*: bao gồm các tuyến du lịch tổng hợp kết nối các điểm khu/điểm du lịch có tính chất khác nhau trên một lộ trình; các tuyến du lịch chuyên đề kết nối các khu/điểm du lịch có tính chất tương đồng trên một hành trình. Các tuyến du lịch có thể là tuyến du lịch nội tỉnh và tuyến du lịch liên kết với các địa phương phụ cận, đặc biệt với trung tâm du lịch vùng.

4.6.1. Các địa bàn trọng điểm du lịch

- Địa bàn du lịch Quy Nhơn và phụ cận (Gồm các điểm du lịch tại thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn, các huyện Tuy Phước, Vân Canh, Phù Cát) với trọng tâm phát triển du lịch biển đảo chất lượng cao, du lịch tâm linh, du lịch tham quan di tích kiến trúc tôn giáo, cảnh quan; du lịch khoa học gắn với Tổ hợp không gian khoa học – giáo dục Gành Ráng (Thung lung khoa học), du lịch sinh thái gắn với đầm Thị Nại.

– Địa bàn du lịch Tây Sơn và phụ cận (gồm các điểm du lịch tại đô thị Tây Sơn và huyện Vĩnh Thạnh) với trọng tâm phát triển du lịch tham quan các di tích lịch sử văn hóa, kiến trúc nghệ thuật, thắng cảnh; du lịch giáo dục truyền thống; du lịch làng nghề...

– Địa bàn du lịch Hoài Nhơn và phụ cận (gồm các điểm du lịch tại đô thị Hoài Nhơn và các huyện Phù Mỹ, Hoài Ân và An Lão) với trọng tâm phát triển du lịch nghỉ dưỡng, tắm biển; du lịch tham quan tìm hiểu lịch sử văn hóa; du lịch thể thao, vui chơi giải trí; v.v..

4.6.1.1. Địa bàn du lịch Quy Nhơn và phụ cận:

Đây là khu vực tập trung nhiều điểm tài nguyên du lịch có sức hấp dẫn về cảnh quan, các bãi biển, khu nghỉ dưỡng, các di tích tôn giáo, văn hoá và lịch sử như Phương Mai - núi Bà, đầm Thị Nại, suối nước khoáng Long Mỹ, các bãi biển Quy Nhơn, Hoàng Hậu, Quy Hoà gắn với vịnh Quy Nhơn; hệ thống các đảo như cù lao Xanh, hòn Khô; suối nước khoáng Hội Vân, di tích tháp Đồi, tháp Bánh Ít, chùa Long Khánh, di tích Hàn Mạc Tử, chùa Linh Phong, mộ Đào Tấn...Khu kinh tế mở Nhơn Hội là nguồn cung cấp khách và cơ sở dịch vụ đa dạng cho hoạt động du lịch trên địa bàn và toàn tỉnh... Vì vậy, được định hướng là địa bàn động lực du lịch của toàn tỉnh.

Hướng phát triển sản phẩm du lịch trên địa bàn gồm:

- Nghỉ dưỡng, tắm biển;
- Thể thao, vui chơi giải trí, mạo hiểm, khám phá biển, đảo;
- Tham quan, tìm hiểu các di tích kiến trúc, tôn giáo, lịch sử; di tích danh thắng; trải nghiệm làng nghề;
- Du lịch tâm linh;
- Du lịch khoa học gắn với Tổ hợp không gian khoa học;
- Du lịch sinh thái gắn với đầm Thị Nại;
- Trung tâm dịch vụ, hội nghị, hội thảo, hội chợ và các sự kiện...(du lịch MICE);

4.6.1.2. Địa bàn du lịch Tây Sơn và phụ cận:

Tài nguyên du lịch nổi bật trên địa bàn này là hệ thống di tích lịch sử - văn hóa gắn với khởi nghĩa Tây Sơn, với văn hóa Chăm, văn hóa các dân tộc Đông Trường Sơn và hệ sinh thái thuộc Đông Trường Sơn.

Các điểm tài nguyên nổi bật gồm: Quần thể di tích Tây Sơn - Bảo tàng Quang Trung, di tích thành Đồ Bàn, Đền tế trời đất, Nhà lưu niệm cụ Nguyễn Sinh Sắc huyện đường Bình Khê, lăng mộ Mai Xuân Thưởng, đền thờ Võ Văn Dũng, đền thờ Võ Duy Dương, tháp Dương Long, chùa Thập Tháp, chùa Nhạn Sơn, thắng cảnh Hàm Hồ, thắng cảnh hồ Núi Một, thắng cảnh hồ Định Bình...

Hướng phát triển sản phẩm du lịch trên địa bàn gồm:

- Tham quan các di tích lịch sử - văn hóa, kiến trúc nghệ thuật;
- Lễ hội, tâm linh;
- Giáo dục, tri ân;

- Nghiên cứu hệ sinh thái, tham quan thắng cảnh...;

4.6.1.3. Địa bàn du lịch Hoài Nhơn và phụ cận:

Tài nguyên du lịch chủ yếu là tài nguyên tự nhiên gắn với biển, về nhân văn tại đây tập trung các làng nghề truyền thống nổi tiếng của Bình Định. Ngoài ra, địa bàn du lịch này còn là chiến trường xưa, lưu giữ nhiều di tích lịch sử gắn với các cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ của dân tộc.

Các điểm tài nguyên tự nhiên nổi bật gồm: Bãi biển Tam Quan, Lộ Diêu, Hà Ra, Phú Thứ, Mũi Rồng, Tân Phụng, Vĩnh Lợi, khu rừng sinh thái An Toàn...

Các điểm tài nguyên nhân văn nổi bật gồm: Đền thờ Đào Duy Từ, Tăng Bạt Hổ, di tích chiến thắng đội 10 xã Hoài Châu, di tích lịch sử thôn Cửu Lợi, di tích Lộ Diêu...

Hướng phát triển sản phẩm du lịch trên địa bàn gồm:

- Nghỉ dưỡng, tắm biển;
- Thể thao, vui chơi giải trí, mạo hiểm, khám phá biển, đảo;
- Tham quan, trải nghiệm làng nghề;
- Văn hóa ẩm thực;
- Tham quan, tìm hiểu di tích lịch sử - văn hóa.

4.6.2. Các khu, điểm du lịch

4.6.2.1. Khu, điểm du lịch quốc gia:

Căn cứ đặc điểm tài nguyên du lịch, định hướng phát triển du lịch Việt Nam và vùng Duyên hải Nam Trung Bộ đến năm 2020, tầm nhìn 2030 bổ sung định hướng phát triển du lịch như sau:

- *Khu du lịch quốc gia:* Khu du lịch Phương Mai - núi Bà, định hướng phát triển đến năm 2020 về cơ bản thành khu du lịch quốc gia, tạo tiền đề đến năm 2030 thực sự trở thành khu du lịch quốc gia với hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật đồng bộ, hiện đại; sản phẩm du lịch chất lượng cao, có thương hiệu, có sức cạnh tranh gắn liền với các giá trị sinh thái biển đảo và mang đậm dấu ấn văn hóa Bình Định góp phần đưa khu du lịch trở điểm đến hấp dẫn.

Hướng phát triển loại hình, sản phẩm khu du lịch gồm: Nghỉ mát, tắm biển; sinh thái biển (Tham quan sinh vật biển, nghiên cứu khoa học), thể thao biển (lặn biển, vui chơi giải trí tàu lượn...); sinh thái núi (đi bộ, leo núi...); tham quan các di tích lịch sử - văn hoá, kiến trúc nghệ thuật; tâm linh, trong đó chú trọng phát triển dòng sản phẩm du lịch gắn với biển, đảo.

Các thành phần chức năng của khu du lịch gồm:

- + Bán đảo Phương Mai: Gồm các khu du lịch Hải Giang (xã Nhơn Hải); Phong Điện, Trung Lương, Vĩnh Hội (Nhơn Lý – Cát Tiến). Tất cả đều nằm trong không gian khu kinh tế Nhơn Hội.

- + Núi Bà: Gồm khu du lịch tâm linh chùa Linh Phong, khu du lịch sinh thái núi Bà, khu du lịch biển Tân Thanh, trong đó, khu du lịch tâm linh chùa Linh Phong, Tân Thanh nằm trong ranh giới khu kinh tế Nhơn Hội.

Quy mô khu du lịch khoảng 2.500 ha, trong đó có gần 1.960 ha thuộc khu kinh tế Nhơn Hội.

Do đặc điểm điều kiện tự nhiên và sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực, khu du lịch được định hướng phát triển thành hai khu vực chính:

- + Khu du lịch cao cấp ở khu vực Nam bán đảo Phương Mai;
- + Khu du lịch tổng hợp biển, đảo và sinh thái núi, văn hóa tâm linh ở khu vực núi Bà (bao gồm cả Nhơn Lý – Cát Tiến).

– *Điểm du lịch có ý nghĩa vùng*: Với tầm vóc lịch sử của khởi nghĩa Tây Sơn và các giá trị về văn hóa của quần thể di tích gắn với cuộc khởi nghĩa Tây Sơn, Bảo tàng Quang Trung – đền thờ Tây Sơn Tam kiệt được định hướng phát triển thành điểm du lịch quốc gia cho giai đoạn phát triển sau năm 2020. Đây cũng là trung tâm của cụm du lịch Tây Sơn – Vĩnh Thạnh và phụ cận với hướng phát triển du lịch tham quan di tích lịch sử văn hóa, giáo dục, tri ân, tâm linh kết hợp sinh thái gắn liền với Đài kính thiên (Khu du lịch tâm linh Ân Sơn) ở xã Bình Tường và đền thờ Đô đốc Bùi Thị Xuân ở thị trấn Phú Phong.

4.6.2.2. Khu, điểm du lịch địa phương

a. Khu, điểm du lịch gắn với tài nguyên tự nhiên:

– Khu du lịch ghềnh Ráng (thành phố Quy Nhơn): Tắm biển, nghỉ dưỡng, tham quan, khám phá biển, đảo, vui chơi giải trí thể thao biển. Khu du lịch được định hướng phát triển dọc tuyến Quy Nhơn - Sông Cầu và khai thác gắn liền với trung tâm du lịch thành phố Quy Nhơn, vịnh Quy Nhơn, cù lao Xanh, di tích lăng mộ Hàn Mạc Tử. Quy mô khu du lịch: Khoảng 500 ha, gồm đồi ghềnh Ráng, bãi biển Quy Hòa.

– Khu du lịch đầm Thị Nại (thành phố Quy Nhơn): Nghỉ dưỡng, nghiên cứu hệ sinh thái rừng ngập mặn, văn hóa ẩm thực. Đây cũng là điểm du lịch cuối tuần của thành phố Quy Nhơn, gắn với tham quan cầu Thị Nại. Quy mô khu du lịch khoảng 800 ha.

– Khu du lịch sinh thái đầm Trà Ô, vịnh Nước Ngọt (huyện Phù Mỹ): Sinh thái, ẩm thực. Quy mô khu du lịch khoảng 1.200 ha.

– Khu du lịch sinh thái đầm Đề Gi (huyện Phù Cát): Sinh thái, ẩm thực. Quy mô khu du lịch khoảng 500 ha.

– Khu du lịch mũi Vi Rồng – Tân Phụng (huyện Phù Mỹ): Du lịch biển, đảo. Quy mô khu du lịch khoảng 200 ha.

– Khu du lịch Lộ Diêu (huyện Hoài Nhơn): Du lịch biển kết hợp tham quan di tích lịch sử - văn hóa. Đây là khu du lịch phụ cận của trung tâm du lịch Hoài Nhơn. Quy mô khu du lịch khoảng 200 ha.

– Khu du lịch Hầm Hồ (huyện Tây Sơn): Du lịch sinh thái núi, tham quan, nghỉ dưỡng, thể thao mạo hiểm,... Quy mô khu du lịch khoảng 100 ha.

– Khu du lịch sinh thái hồ Núi Một (thị xã An Nhơn, huyện Vân Canh): Tham quan, nghỉ dưỡng, sinh thái, vui chơi giải trí, ẩm thực. Quy mô khu du lịch khoảng 50 ha.

- Khu du lịch sinh thái suối khoáng nóng Hội Vân (huyện Phù Cát): Nghỉ dưỡng, thư giãn, chăm sóc sức khỏe. Khai thác gắn với sinh thái hồ Hội Sơn. Quy mô khu du lịch khoảng 170 ha.
- Khu du lịch sinh thái An Toàn (huyện An Lão): Du lịch sinh thái. Quy mô khu du lịch khoảng 50 ha.
- Khu du lịch hồ Định Bình (huyện Vĩnh Thạnh): Du lịch sinh thái hồ, thể thao, ẩm thực. Quy mô khu du lịch khoảng 50 ha.
- Khu du lịch hồ Vĩnh Sơn A (huyện Vĩnh Thạnh): Du lịch sinh thái hồ, thể thao, ẩm thực. Quy mô khu du lịch khoảng 20 ha.
- Khu du lịch bãi Xếp (thành phố Quy Nhơn): Du lịch biển, đảo. Quy mô khu du lịch khoảng 50 ha.
- Điểm du lịch đảo Nhơn Châu (Cù lao Xanh): Thể thao, khám phá, vui chơi giải trí, ẩm thực.
- Điểm du lịch hầm và đèo Cù Mông: Tham quan cảnh quan, công trình.
- b. Khu, điểm du lịch gắn với tài nguyên nhân văn:
 - Thành Đồ Bàn: Tham quan di tích lịch sử - văn hoá, nghiên cứu, thưởng thức các giá trị nghệ thuật kiến trúc Chăm.
 - Hệ thống các tháp Chăm (Tháp Bánh Ít, tháp Đồi, tháp Cánh Tiên, tháp Dương Long, tháp Phú Lộc, tháp Thủ Thiện, tháp Bình Lâm): Tham quan, nghiên cứu, thưởng thức các giá trị văn hóa, nghệ thuật kiến trúc Chăm.
 - Hệ thống chùa (Khu thiền viện Cát Tiến, Thập Tháp, Long Khánh...): Tâm linh, tín ngưỡng, tham quan...
 - Các di tích lịch sử - văn hóa khác phục vụ tham quan, nghiên cứu, tìm hiểu:
 - + Căn cứ địa nghĩa quân Tây Sơn (xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh);
 - + Khu căn cứ núi Bà (Phù Cát);
 - + Di tích chiến thắng đèo Nhông - Dương Liễu (Phù Mỹ);
 - + Di tích chiến thắng đồi Mười (Hoài Nhơn);
 - + Di tích chiến thắng đèo An Khê (Tây Sơn);
 - + Khu di tích lịch sử Vạn Tường (xã Bình Hoà, huyện Tây Sơn);
 - + Chứng tích Nho Lâm (xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước);
 - + Chứng tích Gò Dài (xã Tây Vinh, huyện Tây Sơn).
 - + Di tích chiến thắng An Lão (xã An Trung, huyện An Lão)...
 - Các di tích lịch sử - văn hoá:
 - + Đền thờ Đào Duy Từ (xã Hoà Thanh Tây, huyện Hoài Nhơn);
 - + Di tích thành Chánh Mẫn (xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát);
 - + Mộ Hàn Mặc Tử (Ghềnh Ráng - Quy Nhơn);
 - + Lăng Mai Xuân Thưởng (xã Bình Tường, huyện Tây Sơn);
 - + Mộ Đào Tấn (xã Phước Nghĩa, huyện Tuy Phước);

+ Nhà lưu niệm Xuân Diệu (Thị tứ Gò Bồi, xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước).

Các điểm du lịch trên sẽ bổ sung và làm phong phú hơn cho các chương trình du lịch của Bình Định.

4.6.2.3. Các tuyến du lịch

a. Tuyến du lịch nội tỉnh:

– *Tuyến du lịch chính:* Tiếp tục phát triển hệ thống 3 tuyến chính của Quy hoạch 2005 đã đề xuất phát triển theo hai hướng Bắc - Nam và Đông – Tây, lấy thành phố Quy Nhơn làm trung tâm theo các hệ thống giao thông chính.

+ *Tuyến ven biển Quy Nhơn - Nhơn Hội - Tam Quan.* Tiếp tục phát triển tuyến du lịch ven biển chủ đạo của tỉnh với trọng tâm là khu du lịch Phương Mai - núi Bà.

Các điểm du lịch chính: Cụm điểm thành phố Quy Nhơn, đầm thị Nại, khu du lịch Phương Mai - núi Bà, Đền Ghi, Lộ Diêu, cụm điểm ở Hoài Nhơn, Quy Hoà...

Trong tuyến du lịch này, cần đẩy mạnh phát triển hành lang ven biển theo tỉnh lộ 639 và tuyến đường thủy ven bờ để khai thác các khu, điểm du lịch biển đặc biệt đối với đoạn ghềnh Ráng, Phương Mai - núi Bà.

+ *Tuyến Quy Nhơn - Sông Cầu.* Tiếp tục phát triển tuyến du lịch ven biển Quy Nhơn - sông Cầu thuộc không gian du lịch thành phố Quy Nhơn.

Các điểm du lịch chính: Cụm điểm thành phố Quy Nhơn, vịnh Quy Nhơn, khu du lịch ghềnh Ráng và các khu du lịch dọc tuyến Quy Nhơn - sông Cầu.

+ *Tuyến Quy Nhơn - An Nhơn - Tây Sơn và vùng phụ cận.* Đây là tuyến nối hai không gian du lịch phía Nam tỉnh, theo hướng Đông - Tây.

Các điểm du lịch chính: Cụm điểm thành phố Quy Nhơn, ghềnh Ráng, cụm điểm thị xã An Nhơn, cụm điểm du lịch Tây Sơn.

– *Tuyến du lịch phụ trợ:* Bao gồm các tuyến từ trung tâm phụ trợ đi các điểm du lịch trong cụm với vai trò kéo dài thêm lộ trình của tuyến chính.

+ Tuyến Tây Sơn – Vĩnh Thạnh.

+ Tuyến Hoài Nhơn – An Lão.

Ngoài ra có thể khai thác phát triển các tuyến:

+ Tuyến Hoài Nhơn - Hoài Ân.

– *Tuyến du lịch theo chuyên đề:* Trên cơ sở của các tuyến du lịch chính và phụ trợ, căn cứ các đặc điểm tài nguyên định hướng phát triển các tuyến du lịch chuyên đề sau:

+ Tuyến thể thao, khám phá biển đảo: Các đảo và cảnh quan ven bờ.

+ Tuyến du lịch đường sông kết hợp thể thao, khám phá, sinh thái núi..

+ Tuyến du lịch tham quan, tìm hiểu kiến trúc nghệ thuật tháp Chăm. Kết nối các di tích tháp Chăm, tạo cơ hội cho du khách tham quan, tìm hiểu và nghiên cứu văn hoá Chăm thông qua sự đa dạng về phong cách kiến trúc, quy mô.

+ *Tuyến du lịch tham quan, trải nghiệm làng nghề truyền thống.*

+ *Tuyến du lịch tham quan, nghiên cứu theo dấu chân nghềia quân Tây Sơn.*

b. Tuyến du lịch liên tỉnh:

Tuyến du lịch liên tỉnh được định hướng trên cơ sở hệ thống giao thông theo trục Bắc - Nam và Đông - Tây từ trung tâm du lịch thành phố Quy Nhơn.

– *Quy Nhơn - Pleiku - Kon Tum – các tỉnh Tây Nguyên.* Đây là tuyến du lịch quan trọng mang ý nghĩa vùng và quốc gia. Tài nguyên du lịch trên tuyến rất đa dạng phong phú và hấp dẫn, gồm tài nguyên biển, đảo, văn hóa Đông Trường Sơn, văn hóa Chăm, văn hóa các dân tộc Tây Nguyên và sinh thái núi....

– *Quy Nhơn - Pleiku - Buôn Mê Thuật - Nha Trang - Tuy Hoà - Quy Nhơn.* Là tuyến du lịch khép kín bao trùm toàn bộ các điểm di tích lịch sử văn hoá, lịch sử cách mạng, các điểm danh thắng, sinh thái, các bãi biển đẹp, các khu nghỉ dưỡng... của vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

– *Quy Nhơn - Tuy Hoà - Nha Trang - Ninh Chữ - Đà Lạt.* Đây là tuyến gắn kết du lịch Bình Định với tam giác du lịch Nha Trang - Ninh Chữ - Đà Lạt. Tài nguyên du lịch trên tuyến phong phú và đa dạng nối liền các trung tâm du lịch lớn của quốc gia...

– *Quy Nhơn - Đà Nẵng - Huế - Quảng Trị - Quảng Bình – các tỉnh phía Bắc.* Đây là một phần của tuyến du lịch quốc gia (tuyến xuyên Việt).

– *Quy Nhơn – Tuy Hòa – Nha Trang – thành phố Hồ Chí Minh - các tỉnh phía Nam.* Đây cũng là một phần của tuyến du lịch quốc gia (tuyến xuyên Việt).

c. Tuyến du lịch quốc tế:

– Đường bộ:

+ *Quy Nhơn - Đà Nẵng - Huế - Quảng Trị - Lao Bảo - Nam Lào - Đông Bắc Thái Lan - các nước khu vực ASEAN qua cửa khẩu Lao Bảo (Quảng Trị).*

+ *Quy Nhơn - Pleiku - Kon Tum - Đăk Tô - Tân Cảnh - Nam Lào - Đông Bắc Thái Lan - Các nước khu vực ASEAN qua cửa khẩu Bờ Y (Kon Tum).*

+ *Quy Nhơn - Pleiku – Campuchia - Các nước khu vực ASEAN qua cửa khẩu Lệ Thanh (Gia Lai) hoặc cửa khẩu Bờ Y (Kon Tum).*

– Đường biển: Tuyến du lịch đường biển từ cảng Quy Nhơn đi các nước trong khu vực ASEAN.

Ngoài ra, du lịch Bình Định có thể kết nối các tuyến quốc tế từ Quy Nhơn thông qua các cửa khẩu hàng không quốc tế khác như Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh để phát triển tuyến quốc tế bằng đường hàng không.

4.7. Phát triển du lịch trong môi quan hệ liên kết

– Đẩy mạnh hợp tác liên kết với các địa phương trong vùng Duyên hải Nam Trung Bộ , đặc biệt với Đà Nẵng, Khánh Hòa; với các trung tâm du lịch là Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và Cần Thơ. Chú trọng liên kết hình thành điểm đến Phú Yên - Bình Định - Gia Lai - Đắk Lắk như trong tâm của liên kết liên vùng giữa vùng Duyên hải Nam Trung Bộ với vùng Tây Nguyên.

Trong tâm của liên kết là xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm du lịch để khai thác có hiệu quả những lợi thế và sự khác biệt giữa các địa phương, tạo sự hấp dẫn chung của các địa phương tham gia liên kết và gia tăng giá trị sản phẩm du lịch của Bình Định.

Ngoài ra nội dung quan trọng của liên kết là xúc tiến quảng bá, đào tạo phát triển nguồn nhân lực, kinh nghiệm trong việc nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về du lịch.

– Phát huy năng lực hoạt động của Hiệp hội Du lịch, các Hội thành viên, các Câu lạc bộ để kết nối các chuỗi dịch vụ hình thành các sản phẩm chung, xây dựng các chương trình tour du lịch kết nối Bình Định với các địa phương trong nước.

5. Giải pháp thực hiện

5.1. Giải pháp về nhận thức

– Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, học tập để các cấp, các ngành và nhân dân nhận thức rõ du lịch là ngành kinh tế dịch vụ tổng hợp, có tính liên ngành, liên vùng, xã hội hóa cao và hóa sâu sắc; có khả năng đóng góp lớn vào phát triển kinh tế, tạo nhiều việc làm, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tạo động lực cho các ngành, lĩnh vực khác phát triển, đem lại hiệu quả nhiều mặt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, và an ninh quốc phòng.

– Tăng cường tuyên truyền nhằm đổi mới mạnh mẽ tư duy về phát triển du lịch theo quy luật kinh tế thị trường, bảo đảm nhất quán từ quan điểm, mục tiêu, chương trình hành động và có thể chế, chính sách đột phá, đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh.

– Nâng cao ý thức của người dân, doanh nghiệp và cộng đồng trong xây dựng, bảo vệ hình ảnh, môi trường, góp phần phát triển bền vững, không ngừng nâng cao uy tín, thương hiệu và sức thu hút của du lịch Bình Định.

5.2. Giải pháp về cơ chế chính sách

– Rà soát, điều chỉnh và ban hành các cơ chế chính sách ưu đãi và tạo thuận lợi nhất về giải phóng mặt bằng, tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi dài hạn,..để thu hút đầu tư phát triển du lịch, đặc biệt là các sản phẩm du lịch đặc thù theo hướng hiện đại với hàm lượng công nghệ cao và và “xanh”.

– Rà soát, điều chỉnh các quy định hành chính theo hướng giảm thiểu các thủ tục, tạo điều kiện thông thoáng và nhanh nhất cho các nhà đầu tư có quan tâm đầu tư vào lĩnh vực du lịch tại tỉnh Bình Định.

– Xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách ưu tiên và hỗ trợ cộng đồng dân cư địa phương tự đầu tư phát triển các sản phẩm du lịch ở quy mô nhỏ và trung bình theo quy hoạch và định hướng chung của tỉnh.

– Tăng cường đầu tư vào cơ sở vật chất cũng như đội ngũ giảng viên tại các cơ sở đào tạo du lịch, hướng tới việc áp dụng các tiêu chuẩn năng lực nghề du lịch quốc gia và trong khu vực, đảm bảo yêu cầu nâng cao năng lực đội ngũ lao động du lịch cho phát triển du lịch Bình Định trong giai đoạn mới.

– Xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách thu hút và giữ chân nhân tài là giảng viên, giáo viên, các nhà quản lý, các nghệ nhân và lao động có trình độ cao cho phát triển du lịch.

5.3. Giải pháp về quy hoạch

– Tích hợp những định hướng phát triển du lịch tỉnh Bình Định, đặc biệt định hướng về tổ chức không gian du lịch với trọng tâm là các địa bàn trọng điểm du lịch; hệ thống khu, điểm du lịch; tuyến du lịch; các sản phẩm du lịch đặc thù vào trong Quy hoạch tỉnh Bình Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

– Lòng ghép các phương án phát triển hệ thống hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch vào quy hoạch tỉnh, quy hoạch vùng để đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả và thuận lợi trong đầu tư.

– Trên cơ sở những định hướng phát triển du lịch, đẩy mạnh lập quy hoạch chi tiết các khu du lịch trọng điểm và các điểm phát triển sản phẩm du lịch đặc thù làm căn cứ thực hiện đầu tư và phát triển du lịch bền vững.

5.4. Giải pháp về đầu tư phát triển

– Tăng cường ngân sách để hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng du lịch, đặc biệt là hạ tầng kết nối khu, điểm du lịch, kết nối tỉnh Bình Định với các địa phương phụ cận, trong đó có Gia Lai của Tây Nguyên và với các trung tâm du lịch là Hà Nội, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh và Cần Thơ; đầu tư cho bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử, các thiết chế văn hóa, các điểm cảnh quan thiên nhiên; đầu tư cho hoạt động xúc tiến quảng bá du lịch; đào tạo phát triển nguồn nhân lực du lịch và bảo vệ môi trường du lịch.

– Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư trên cơ sở hoàn thiện các chính sách khuyến khích đầu tư và tạo môi trường thông thoáng cho hoạt động đầu tư; công khai minh bạch các chủ trương, định hướng ưu tiên đầu tư và nâng cao chất lượng quy hoạch và dự án ưu tiên đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Định.

– Đa dạng hóa các loại hình đầu tư, tạo cơ chế thuận lợi, áp dụng thông thoáng cho các dự án đầu tư vào cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch cho các trọng điểm du lịch thông qua mô hình BT, BOT;

– Đẩy mạnh xúc tiến, thu hút và có cơ chế, chính sách ưu đãi để thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) để phát triển du lịch Bình Định.

5.5. Giải pháp về xúc tiến quảng bá

– Tăng cường năng lực cho Trung tâm Thông tin - Xúc tiến du lịch thuộc Sở Du lịch Bình Định về cơ sở vật chất kỹ thuật, về đội ngũ và ngân sách hoạt động hoặc theo hướng thành lập Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch trực thuộc tỉnh.

– Xây dựng chiến lược xúc tiến quảng bá với trọng tâm là du lịch chất lượng cao dựa trên những giá trị văn hóa truyền thống và lòng hiếu khách, thượng võ của người Bình Định.

– Bộ nhận diện thương hiệu điểm đến nằm trong với Chiến lược phát triển thương hiệu du lịch Bình Định phải gắn chặt với việc phát triển thương hiệu sản phẩm du lịch đặc thù và các sản phẩm du lịch có thể mạnh. Triển khai thực thi hiệu quả bộ nhận diện thương hiệu trên các loại ấn phẩm, vật phẩm xúc tiến, các chiến dịch truyền thông.

– Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến quảng bá du lịch theo hướng chuyên nghiệp, đa dạng hóa các kênh xúc tiến quảng bá dựa trên việc kết hợp truyền thống và hiện đại với trọng tâm ứng dụng công nghệ trên nền tảng các thiết bị thông minh; chú trọng quảng bá trên các kênh truyền thông quốc tế.

5.6. Giải pháp về đảm bảo môi trường du lịch

– Tổ chức và duy trì thường xuyên các hoạt động nâng cao nhận thức, phổ biến kiến thức bảo vệ môi trường du lịch trên các phương tiện thông tin đại chúng.

– Phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể xã hội cấp cơ sở trong hoạt động nâng cao nhận thức, ý thức bảo vệ môi trường du lịch cho cộng đồng dân cư. Phát huy hiệu quả và nhân rộng mạng lưới tình nguyện viên làm công tác bảo vệ môi trường.

– Sở Du lịch tỉnh Bình Định phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tư pháp và các sở ngành có liên quan rà soát các văn bản không còn phù hợp để tham mưu đề xuất với UBND tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo các ngành, các cấp về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực du lịch phù hợp theo quy định hiện hành.

– Ban hành quy chế bảo vệ môi trường du lịch tại các khu, điểm du lịch, cơ sở dịch vụ du lịch trên cơ sở áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường, sử dụng tiết kiệm tài nguyên du lịch; kiểm tra xử lý vi phạm về môi trường du lịch; kiểm định, đánh giá, tôn vinh những thương hiệu, nhãn hiệu, cơ sở lưu trú du lịch “Xanh”; xây dựng nếp sống văn minh du lịch;

5.7. Giải pháp về ứng dụng khoa học và công nghệ

– Ứng dụng các giải pháp công nghệ trong thiết giảm, tái sử dụng, tái chế chất thải từ hoạt động du lịch

+ Thay thế việc sử dụng năng lượng điện truyền thống bằng sử dụng năng lượng “sạch” (năng lượng thay thế) với các chính sách khuyến khích sử dụng công nghệ điện mặt trời và điện gió.

+ Thay đổi phương thức sử dụng tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nước của khách tại khách sạn nói chung và tại buồng nơi khách lưu trú nói riêng bằng hệ thống “tắt - bật” thông minh và hệ thống sensor nhiệt. Công nghệ này sẽ giúp xác định được khi phòng không có khách và tự động điều chỉnh nhiệt độ để giảm mức tiêu thụ năng lượng từ 20% đến 45%.

+ Tiết kiệm nước trong các cơ sở dịch vụ du lịch, đặc biệt là hệ thống cơ sở lưu trú cũng được quan tâm với việc sử dụng các sensor tự động ngắt nguồn nước khi

khách không có nhu cầu sử dụng hoặc lắp đặt hệ thống xả nước với 2 chế độ “tiết kiệm” và “toàn phần”.

- Ứng dụng KHCVN trong đảm bảo môi trường xã hội
- + Xây dựng hệ thống kết nối giữa các cơ sở dịch vụ du lịch, trước mắt là các cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn tỉnh, trong đó tập trung ưu tiên cho trung tâm du lịch TP. Quy Nhơn với cơ quan công an để quản lý khách du lịch lưu trú theo quy định. Mọi hành vi vi phạm của khách đến an ninh, trật tự an toàn xã hội trong thời gian lưu trú sẽ được thông báo kịp thời đến các cơ quan quản lý và công an để xử lý.
- + Lắp camera cố định tại một số địa điểm du lịch thường xảy ra tình trạng cướp giật, bán hàng rong, ăn xin, tranh giành khách, ép giá, đeo bám gây phiền hà cho khách để có biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm các quy định pháp luật và Chỉ thị 18/CT-TTg ngày 04/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý môi trường du lịch, bảo đảm an ninh, an toàn cho khách du lịch một cách kịp thời.

5.8. Giải pháp về liên kết phát triển du lịch

- Khuyến khích liên kết giữa các địa phương trong cùng một địa bàn trọng điểm du lịch của tỉnh để tổ chức đánh giá, phát huy lợi thế tài nguyên; tổ chức xây dựng và thực hiện quy hoạch, phát triển sản phẩm, kết nối tour tuyến du lịch, xúc tiến quảng bá đầu tư du lịch, xây dựng thương hiệu du lịch phù hợp với định hướng chung phát triển du lịch Bình Định.
- Hợp tác với các cơ quan ban ngành của Trung ương và liên kết các tỉnh phụ cận trong lĩnh vực quy hoạch thiết kế và xúc tiến đầu tư xây dựng mới và nâng cấp mở rộng mạng lưới đường bộ liên vùng, cầu, bãi đỗ xe và trạm nghỉ dừng chân, các đường tỉnh lộ kết nối thành phố Bình Định với các địa phương cấp huyện, đặc biệt ở các địa bàn trọng điểm để phát triển hệ thống sản phẩm du lịch, nhất là sản phẩm du lịch đặc thù của tỉnh.
- Có kế hoạch hợp tác cụ thể với các địa phương phụ cận và các tỉnh miền Trung để phát triển sản phẩm du lịch đặc thù vùng phù hợp Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.
- Tranh thủ nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng du lịch, thiết chế văn hóa, thể thao của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để đầu tư xây dựng các tuyến đường du lịch nội tỉnh từ thành phố Quy Nhơn đến các điểm đến có điểm tài nguyên độc đáo, đặc sắc để phát triển sản phẩm du lịch đặc thù, trùng tu tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa, trên địa bàn tỉnh.
- Liên kết với các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch trung ương và các địa phương vùng Duyên hải Nam Trung Bộ trong việc khảo sát điều tra, thiết kế các chương trình du lịch, sản phẩm du lịch liên vùng và sản phẩm du lịch đặc thù của tỉnh Bình Định.
- Chú trọng hợp tác công tư, coi trọng vai trò của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp có quy mô và năng lực trong lĩnh vực du lịch

5.9. Giải pháp về tổ chức và quản lý

– Kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về du lịch từ tỉnh đến các huyện, thị xã, thành phố theo hướng đồng bộ, chuyên nghiệp, hiệu lực và hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản lý du lịch.

– Chú trọng việc tổ chức các hoạt động bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về du lịch; tăng cường hiệu quả hoạt động, phát huy vai trò của Hiệp hội du lịch tỉnh để đảm bảo là cầu nối giữa doanh nghiệp kinh doanh du lịch và các cơ quan quản lý nhà nước.

– Bổ sung, hoàn thiện các quy định, quy chế về quản lý hoạt động du lịch; tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và cộng đồng phát triển du lịch.

– Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành và liên ngành, kiểm soát chất lượng dịch vụ hệ thống khách sạn, các doanh nghiệp lữ hành, đội ngũ hướng dẫn viên và các cơ sở dịch vụ du lịch; khẩn trương triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động quản lý thuế, phí để chống thất thu trong hoạt động du lịch.